

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Quy định người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;

Căn cứ Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về việc người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam, bao gồm quy định các trường hợp không thuộc diện cấp giấy phép lao động, yêu cầu đối với các cơ sở giáo dục và người nước ngoài, trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, thu hồi và hủy giấy xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động khi vào Việt Nam làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam.

2. Yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ, kinh nghiệm chuyên môn đối với người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam.

3. Quy định về trách nhiệm và quyền hạn của người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục Việt Nam và của các cơ sở giáo dục tuyển dụng, sử dụng người nước ngoài.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với:

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học và các trường thuộc cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, các trường chuyên biệt và cơ sở giáo dục khác (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục); cơ quan, tổ chức và các cá nhân có liên quan đến việc tuyển dụng, sử dụng người nước ngoài trong giáo dục, đào tạo tại Việt Nam; tổ chức, cá nhân trong nước liên kết với người nước ngoài vào Việt Nam vào làm việc trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

b) Người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục theo các hình thức ký hợp đồng lao động, là chuyên gia hoặc tình nguyện viên tham gia các chương trình, dự án hợp tác giáo dục, đào tạo.

2. Nghị định này không áp dụng đối với các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động dưới hình thức phân hiệu tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người nước ngoài là người mang giấy tờ xác định quốc tịch của nước khác không phải quốc tịch Việt Nam.

2. Chuyên gia nước ngoài là người nước ngoài có chuyên môn cao, có kinh nghiệm tham gia giảng dạy, thực hiện các dự án, chương trình hợp tác về giáo dục và đào tạo, các chương trình nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục Việt Nam.

3. Tình nguyện viên là người nước ngoài làm việc tại các cơ sở giáo dục Việt Nam theo hình thức tự nguyện, không hưởng lương thông qua các dự án, chương trình hợp tác về giáo dục và đào tạo và các điều ước, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

4. Nhà quản lý là người nước ngoài đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo, chịu trách nhiệm điều hành tại cơ sở giáo dục hoặc các đơn vị chức năng có liên quan đến hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật và hợp tác quốc tế.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý người nước ngoài làm việc tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam

1. Người nước ngoài phải tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Người nước ngoài phải tôn trọng văn hóa, truyền thống, môi trường học thuật tại Việt Nam; ứng xử văn hóa, phù hợp với thuần phong mỹ tục và văn hóa giáo dục của Việt Nam; không được lợi dụng hoạt động nghề nghiệp gây ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết toàn dân tộc, trái với quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

3. Việc tuyển dụng, sử dụng người nước ngoài phải đảm bảo chủ quyền độc lập, an ninh quốc gia và không để bị lợi dụng vào mục đích trái pháp luật.

4. Chỉ tiếp nhận người nước ngoài đối với vị trí công việc, chuyên môn mà lao động trong nước chưa đáp ứng hoặc cần bổ sung để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu.

5. Nhà nước tôn trọng và tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục, đặc biệt là các cơ sở giáo dục đại học thực hiện quyền tự chủ trong việc quyết định nhu cầu, lựa chọn, đàm phán, ký kết hợp đồng, thỏa thuận hợp tác và sử dụng người nước ngoài theo quy định của pháp luật.

6. Việc quản lý người nước ngoài trong cơ sở giáo dục được thực hiện thống nhất, có sự phối hợp giữa cơ quan quản lý giáo dục, cơ quan lao động, cơ quan xuất nhập cảnh và chính quyền địa phương.

7. Nghị định này quy định các trường hợp đặc thù cho người nước ngoài làm việc trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Các quy định tại Nghị định này sẽ được ưu tiên áp dụng. Các vấn đề không được quy định tại Nghị định này sẽ thực hiện theo các quy định pháp luật chung về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Chương II

NGƯỜI NƯỚC NGOÀI KHÔNG THUỘC DIỆN CẤP GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG; CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI VÀ CƠ SỞ GIÁO DỤC CỦA VIỆT NAM

Điều 5. Các trường hợp không thuộc diện cấp giấy phép lao động

1. Người nước ngoài thuộc đối tượng được quy định tại Điều 7 của Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 7 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

2. Người nước ngoài thuộc đối tượng được quy định tại mục I, mục II, điểm 01, điểm 02 mục III, mục V của Phụ lục I của Nghị định số 221/2025/NĐ-CP ngày 8 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về việc miễn thị thực có thời hạn cho người nước ngoài thuộc diện đối tượng đặc biệt cần ưu đãi phục vụ phát triển kinh tế xã hội vào Việt Nam làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam.

3. Người nước ngoài có trình độ chuyên môn hoặc có uy tín, danh tiếng quốc tế trong lĩnh vực chuyên môn được cơ sở giáo dục Việt Nam mời thực hiện hoạt động giảng dạy, hướng dẫn nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức.

4. Người nước ngoài là chuyên gia có 03 năm kinh nghiệm trong một lĩnh vực chuyên ngành nhất định; được mời hoặc cử đến Việt Nam để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn bao gồm biên soạn chương trình giáo dục và đào tạo; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; hỗ trợ xây dựng hệ thống đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tham gia các chương trình trao đổi học thuật, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trình bày học thuật tại hội thảo, hội nghị, lớp chuyên đề trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

5. Nhà quản lý là người nước ngoài đảm nhiệm các chức danh hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, trưởng khoa và các chức danh điều hành chuyên môn theo quy định của pháp luật.

6. Người nước ngoài có trình độ tiến sĩ hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư, viện sĩ làm công tác quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật.

Điều 6. Yêu cầu về trình độ chuyên môn đối với người nước ngoài làm công tác quản lý tại các cơ sở giáo dục

1. Đối với người nước ngoài làm quản lý tại các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên

a) Có bằng cử nhân về quản lý, quản lý giáo dục hoặc liên quan đến quản lý, quản lý giáo dục và ít nhất hai (02) năm kinh nghiệm trong công tác quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên;

b) Không yêu cầu kinh nghiệm đối với người có trình độ tiến sĩ hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư, viện sĩ;

c) Có năng lực ngoại ngữ giao tiếp và quản lý tại các cơ sở giáo dục ưu tiên sử dụng thành thạo tiếng Anh.

2. Đối với người nước ngoài làm quản lý tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Có bằng thạc sĩ phù hợp với lĩnh vực quản lý, tương ứng với vị trí công tác được đảm nhiệm hoặc người có trình độ tiến sĩ hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư, viện sĩ;

b) Có ít nhất hai (02) năm kinh nghiệm quản lý cơ sở, tổ chức giáo dục thực hiện đào tạo các trình độ giáo dục nghề nghiệp hoặc có kinh nghiệm trong công tác quản lý giáo dục đối với người có trình độ tiến sĩ quản lý giáo dục hoặc các ngành liên quan;

c) Có năng lực ngoại ngữ giao tiếp và quản lý tại các cơ sở giáo dục, ưu tiên sử dụng thành thạo tiếng Anh.

3. Đối với người nước ngoài làm quản lý tại các cơ sở giáo dục đại học

a) Có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với lĩnh vực quản lý, tương ứng với vị trí công tác được đảm nhiệm hoặc người có trình độ tiến sĩ hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư, viện sĩ;

b) Có ít nhất hai (02) năm kinh nghiệm trong công tác quản lý các cơ sở giáo dục đại học hoặc có kinh nghiệm trong công tác quản lý giáo dục đối với người có trình độ tiến sĩ quản lý giáo dục hoặc các ngành liên quan.

c) Có năng lực ngoại ngữ giao tiếp và quản lý tại các cơ sở giáo dục, ưu tiên sử dụng thành thạo tiếng Anh.

Điều 7. Yêu cầu về trình độ chuyên môn đối với người nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục

1. Đối với người nước ngoài giảng dạy, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non

a) Có bằng cao đẳng trở lên chuyên ngành về giáo dục mầm non hoặc có bằng tốt nghiệp tương đương trình độ cao đẳng trở lên ngành liên quan đến môn học giảng dạy nếu dạy môn học cụ thể trong cơ sở giáo dục mầm non; có ít nhất hai (02) năm kinh nghiệm giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên ;

b) Không yêu cầu kinh nghiệm đối với người có trình độ Tiến sĩ hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư, viện sĩ;

c) Sử dụng thành thạo ngôn ngữ giảng dạy, giáo dục trong chương trình học.

2. Đối với người nước ngoài giảng dạy, giáo dục tại các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên

a) Có bằng cử nhân trở lên ngành đào tạo phù hợp với môn học giảng dạy, giáo dục; có ít nhất hai (02) năm kinh nghiệm giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên;

b) Không yêu cầu kinh nghiệm đối với người có trình độ tiến sĩ hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư, viện sĩ;

c) Sử dụng thành thạo ngôn ngữ giảng dạy, giáo dục trong chương trình học.

3. Đối với người nước ngoài giảng dạy, giáo dục tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên, chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực được phân công giảng dạy đối với người nước ngoài giảng dạy lý thuyết; có bằng kỹ sư hoặc cử nhân kỹ thuật, cử nhân khoa học kỹ thuật hoặc tương đương trở lên, chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực được phân công giảng dạy hoặc có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên, chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực được phân công giảng dạy và có ít nhất 5 năm trực tiếp hành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc giảng dạy thực hành đối với người nước ngoài giảng dạy thực hành, tích hợp;

b) Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên dạy trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp hoặc có ít nhất 02 năm kinh nghiệm giảng dạy tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học hoặc Viện nghiên cứu có uy tín ở nước ngoài hoặc người có trình độ tiến sĩ hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư, viện sĩ;

c) Sử dụng thành thạo ngôn ngữ giảng dạy, giáo dục trong chương trình học;

d) Trường hợp đặc biệt, có thể xem xét chấp thuận đối với cá nhân chưa đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c khoản 3 Điều này nhưng có năng lực chuyên môn đặc biệt, có bằng sáng chế hoặc có các giải thưởng khoa học, có đóng góp thực tế được chứng minh, được tổ chức giáo dục quốc tế uy tín đề cử hoặc trong chương trình hợp tác cấp chính phủ, được xác nhận từ cơ quan có thẩm quyền.

4. Đối với người nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục đại học

a) Có bằng thạc sĩ chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực giảng dạy, nghiên cứu hoặc trao đổi học thuật được phân công và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục đại học hoặc viện nghiên cứu có uy tín ở nước ngoài; hoặc có chứng chỉ giảng dạy TESOL với người nước ngoài không có bằng thạc sĩ giảng dạy chương trình ngoại ngữ là ngôn ngữ mẹ đẻ;

b) Có bằng tiến sĩ hoặc có công trình nghiên cứu đã công bố trên tạp chí quốc tế uy tín hoặc có trong danh mục WoS/Scopus được chấp thuận giảng dạy, nghiên cứu và không yêu cầu 03 năm kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu;

- c) Sử dụng thành thạo ngôn ngữ giảng dạy, giáo dục trong chương trình học;
- d) Có công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế có bình duyệt, có sách hoặc chương sách đã xuất bản hoặc đã tham gia các đề tài, dự án, chương trình nghiên cứu có giá trị chuyên môn thực tiễn;
- đ) Trường hợp đặc biệt, có thể xem xét chấp thuận đối với cá nhân chưa đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 4 Điều này nhưng có năng lực chuyên môn đặc biệt, có bằng sáng chế hoặc có các giải thưởng khoa học, có đóng góp thực tế được chứng minh được tổ chức giáo dục quốc tế uy tín đề cử hoặc trong chương trình hợp tác cấp chính phủ, được xác nhận từ cơ quan có thẩm quyền.

Điều 8. Quyền hạn, trách nhiệm của người nước ngoài

1. Quyền hạn của người nước ngoài

- a) Được làm việc tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định này;
- b) Được tham gia làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật theo đúng vị trí việc làm, trình độ chuyên môn và hợp đồng hoặc thỏa thuận đã ký;
- c) Được tham gia hợp tác, trao đổi học thuật, hội thảo quốc tế tại Việt Nam theo lời mời hoặc thỏa thuận hợp tác của cơ sở giáo dục;
- d) Được hưởng đầy đủ mức lương, thù lao, chế độ bảo hiểm, điều kiện sinh hoạt, y tế, cư trú theo hợp đồng hoặc thỏa thuận theo quy định;
- đ) Được cư trú và đi lại hợp pháp theo quy định pháp luật hiện hành; được cấp thị thực, thẻ tạm trú phục vụ mục đích làm việc, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật.

2. Trách nhiệm của người nước ngoài

- a) Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
- b) Thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu, trao đổi học thuật theo đúng chương trình, nội dung, khối lượng công việc quy định trong hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở giáo dục Việt Nam;
- c) Tôn trọng văn hóa, truyền thống, môi trường giáo dục, môi trường học thuật tại Việt Nam; ứng xử văn hóa, phù hợp với thuần phong mỹ tục và văn hóa giáo dục của Việt Nam trong thời gian làm việc tại Việt Nam;

d) Chấp hành các quy định về quản lý lao động nước ngoài, quy định xuất nhập cảnh đối với người nước ngoài tại Việt Nam; không được ở lại, làm việc tại Việt Nam nếu không có giấy phép lao động hợp lệ hoặc không thuộc diện được miễn giấy phép lao động theo quy định của pháp luật;

đ) Cung cấp đầy đủ và trung thực hồ sơ cá nhân, lý lịch, văn bằng, chứng chỉ chứng minh đáp ứng điều kiện không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho cơ sở giáo dục hoặc tổ chức mời tại Việt Nam.

e) Thực hiện nghĩa vụ về các loại thuế, phí, thuế thu nhập cá nhân (nếu có) theo quy định hiện hành.

Điều 9. Quyền hạn, trách nhiệm của cơ sở giáo dục của Việt Nam

1. Quyền hạn của cơ sở giáo dục của Việt Nam

a) Cơ sở giáo dục được tuyển dụng, sử dụng người nước ngoài phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục, nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức và đổi mới sáng tạo, đặc biệt trong các ngành khoa học, công nghệ ưu tiên, mũi nhọn của quốc gia; việc tuyển dụng, sử dụng, ký kết hợp đồng, thỏa thuận hợp tác, thực hiện các chế độ đãi ngộ đối với người nước ngoài phải được thực hiện trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trái với quy định của pháp luật.

b) Chủ động trong việc xác định nhu cầu, lĩnh vực, vị trí, trình độ và thời gian sử dụng người nước ngoài cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật.

2. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục của Việt Nam

a) Xây dựng quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý người nước ngoài vào giảng dạy, giáo dục, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật. Bảo đảm điều kiện sử dụng người nước ngoài phù hợp với mục tiêu giáo dục, đào tạo, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật; Việc tuyển dụng, sử dụng người nước ngoài phải được thực hiện trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trái với quy định của pháp luật.

b) Xác định nhu cầu và bảo đảm điều kiện sử dụng người nước ngoài phù hợp với mục tiêu giáo dục, đào tạo, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật;

c) Việc mời, tuyển dụng và sử dụng người nước ngoài phải được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy định, đúng mục đích đã đăng ký; không sử dụng người nước ngoài vào các hoạt động trái pháp luật, ngoài phạm vi chuyên môn hoặc vượt quá thời gian cho phép.

d) Bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của người nước ngoài về tiền lương, chế độ đãi ngộ, điều kiện làm việc, sinh hoạt, an ninh và phúc lợi xã hội, sở hữu trí tuệ và các quyền khác được quy định trong hợp đồng hoặc thỏa thuận hợp tác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế;

đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về người nước ngoài do cơ sở giáo dục mời, tiếp nhận, tuyển dụng, sử dụng và quản lý người nước ngoài kể từ thời điểm người nước ngoài có mặt tại Việt Nam cho tới khi rời khỏi Việt Nam do hết thời hạn của giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động hoặc chấm dứt hợp đồng hoặc chấm dứt thỏa thuận hợp tác; chịu trách nhiệm báo cáo, giải trình về hiệu quả sử dụng người nước ngoài cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định hiện hành;

e) Cơ sở giáo dục đại học chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của văn bằng, chứng chỉ và điều kiện làm việc của chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Chương III

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC CẤP, GIA HẠN, THU HỒI VÀ HỦY XÁC NHẬN KHÔNG THUỘC DIỆN CẤP GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG

Điều 10. Thẩm quyền cấp xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo cấp xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động (sau đây gọi là Giấy xác nhận) cho người nước ngoài làm quản lý, giảng dạy, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này; các trường hợp người nước ngoài vào làm việc tại các cơ sở giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động được miễn thủ tục hành chính cấp giấy xác nhận tại cấp có thẩm quyền ở địa phương.

3. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng cấp xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

4. Hiệu trưởng, Giám đốc một số cơ sở giáo dục đại học trọng điểm do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định (sau đây gọi chung là Hiệu trưởng) được phép xác nhận trường hợp chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài có trình độ tiến sĩ được mời làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật đối với cơ sở giáo dục của mình không thuộc diện cấp giấy phép lao động. Việc xác nhận của cơ sở giáo dục đại học được miễn thủ tục hành chính cấp giấy xác nhận tại cấp có thẩm quyền ở địa phương.

Điều 11. Quy trình, hồ sơ, trình tự thủ tục đề nghị xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

1. Quy trình xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

a) Người nước ngoài có trình độ tiến sĩ hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư, viện sĩ và người nước ngoài quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 10 Nghị định này thực hiện thủ tục cấp, gia hạn, thu hồi và huỷ giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy trình thủ tục quy định tại Nghị định này;

b) Người nước ngoài không quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này thực hiện thủ tục cấp, gia hạn, thu hồi và huỷ xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy trình thủ tục quy định tại Nghị định số 219/2025/NĐ-CP;

c) Các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự trong trường hợp được cấp bởi các quốc gia đã ký kết hiệp định tương trợ tư pháp với Việt Nam về vấn đề này, hoặc trong các trường hợp khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trên cơ sở phối hợp với Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Hồ sơ đề nghị xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

a) Văn bản đề nghị xác nhận người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Hộ chiếu còn thời hạn ít nhất sáu (06) tháng và nhiều hơn thời hạn ký hợp đồng hoặc thỏa thuận hợp tác;

c) Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ban hành đến ngày nộp hồ sơ. Trong trường hợp giấy khám sức khỏe do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp phải đảm bảo không mắc bệnh truyền nhiễm có nguy cơ lây lan ra cộng đồng theo hướng dẫn của Bộ Y tế;

d) Giấy tờ chứng minh người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là một trong các giấy tờ sau:

Văn bản của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nước ngoài cử người nước ngoài kèm thỏa thuận của cơ sở giáo dục nước ngoài và cơ sở giáo dục của Việt Nam hoặc điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 154 của Bộ luật Lao động năm 2019 và hoặc một trong các trường hợp quy định tại Điều 5 Nghị định này;

Văn bản chấp thuận hoặc hợp đồng mời làm việc, thỏa thuận hợp tác của cơ sở giáo dục Việt Nam trong đó ghi rõ thời gian làm việc, vị trí công tác, nội dung công việc;

đ) Bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với công việc dự kiến đảm nhận được quy định tại Điều 7 Nghị định này.

3. Trình tự, thủ tục xác nhận người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động

a) Trong thời hạn 30 ngày và không ít hơn 10 ngày tính đến ngày người nước ngoài dự kiến làm việc, cơ sở giáo dục sử dụng người nước ngoài có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Nghị định này xác nhận người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, cơ quan có thẩm quyền xem xét xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

Trường hợp không xác nhận người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời cho cơ sở giáo dục biết và nêu rõ lý do;

c) Các trường hợp quy định tại các khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 8 Điều 154 của Bộ luật Lao động hoặc vào Việt Nam làm việc có tổng thời gian dưới 90 ngày trong 01 năm, tính từ 01 tháng 01 đến ngày cuối cùng của năm không phải làm thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động nhưng phải báo cáo với cơ quan có thẩm quyền nơi người lao động nước ngoài dự kiến làm việc trước ít nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày người lao động nước ngoài dự kiến bắt đầu làm việc tại Việt Nam;

Thông tin báo cáo gồm các nội dung cơ bản sau: họ và tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, số hộ chiếu, tên người sử dụng lao động nước ngoài, địa điểm làm việc và thời hạn làm việc.

d) Các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 5 của Nghị định này được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Nghị định này xác nhận không thuộc diện cấp phép lao động, được miễn thủ tục hành chính cấp giấy xác nhận người lao động không thuộc diện cấp giấy phép lao động tại cấp có thẩm quyền tại địa phương;

đ) Trường hợp người nước ngoài đã được xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động có nhu cầu làm việc cho một cơ sở giáo dục tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong thời gian không quá sáu (06) tháng thì trước ít nhất ba (03) ngày, cơ sở giáo dục phải báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền nơi người lao động nước ngoài dự kiến làm việc thông tin: họ và tên, tuổi, quốc tịch, số hộ chiếu, tên cơ sở giáo dục, ngày bắt đầu và ngày kết thúc làm việc.

Điều 12 Thời hạn hiệu lực của giấy xác nhận người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Thời hạn giấy xác nhận người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động tối đa là 02 năm.

Điều 13. Gia hạn Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

1. Nguyên tắc gia hạn

Việc gia hạn Giấy xác nhận phải được thực hiện trong thời hạn tối thiểu 20 ngày làm việc trước khi Giấy xác nhận hết thời hạn;

2. Điều kiện gia hạn

Người nước ngoài được xem xét gia hạn Giấy xác nhận nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Tiếp tục thực hiện đúng vị trí làm việc theo các nội dung trong Giấy xác nhận đã được cấp;

b) Có chương trình làm việc, giảng dạy, nghiên cứu khoa học cụ thể;

c) Có báo cáo đánh giá kết quả làm việc của cơ sở giáo dục tiếp nhận, sử dụng người nước ngoài;

d) Không thuộc trường hợp vi phạm pháp luật, bị xử lý hành chính hoặc bị cơ quan có thẩm quyền yêu cầu chấm dứt làm việc hoặc bị trục xuất về nước.

3. Hồ sơ đề nghị gia hạn

a) Văn bản đề nghị gia hạn của cơ sở giáo dục gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cấp giấy xác nhận kèm theo Báo cáo đánh giá kết quả làm việc của người nước ngoài;

b) Tài liệu chứng minh việc tiếp tục hợp tác bao gồm hợp đồng lao động hoặc thư xác nhận từ đối tác hoặc thỏa thuận hợp tác giữa các bên liên quan;

c) Giấy tờ cư trú hợp lệ của người nước ngoài tại thời điểm gia hạn;

d) Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ban hành đến ngày nộp hồ sơ;

đ) Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp.

4. Thẩm quyền, quy trình, thủ tục gia hạn

a) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận thì có thẩm quyền gia hạn. Hồ sơ đề nghị gia hạn cần nộp cho cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Nghị định này;

b) Cơ sở giáo dục nộp 01 bộ hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền được quy định tại Điều 10 Nghị định này qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến;

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ xin gia hạn, nếu hồ sơ không đáp ứng được những nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này, cơ quan có thẩm quyền thông báo cho cơ sở giáo dục để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận gia hạn. Trường hợp không gia hạn giấy xác nhận, cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do cho cơ sở giáo dục biết, thực hiện.

5. Thời hạn cấp gia hạn: giấy gia hạn không được quá hai (02) năm.

Điều 14. Thu hồi và hủy Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

1. Thu hồi và hủy Giấy xác nhận

a) Thu hồi và hủy Giấy xác nhận một trong những trường hợp sau:

Người nước ngoài chấm dứt làm việc trước thời hạn ghi trong Giấy xác nhận;

Cơ sở giáo dục không còn nhu cầu sử dụng người nước ngoài;

Hồ sơ đề nghị cấp có thông tin gian dối, giả mạo hoặc không đúng sự thật;

Người nước ngoài có hành vi vi phạm pháp luật hoặc bị các cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

b) Thẩm quyền thu hồi và hủy Giấy xác nhận

Cơ quan có thẩm quyền thu hồi và hủy Giấy xác nhận là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cấp Giấy xác nhận.

2. Trình tự thủ tục thực hiện

a) Khi phát hiện người nước ngoài vi phạm hoặc hồ sơ đề nghị cấp có thông tin không đúng sự thật quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá thực tế, lập biên bản kiểm tra, thông báo cho cơ sở giáo dục được biết về hành vi vi phạm của người nước ngoài;

b) Trước ít nhất 10 ngày làm việc nhưng không quá 20 ngày trước khi hết thời hạn của Giấy xác nhận hoặc dự kiến đề nghị thu hồi Giấy xác nhận do không còn nhu cầu sử dụng người nước ngoài hoặc do người nước ngoài vi phạm pháp luật, cơ sở giáo dục gửi văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi và hủy giấy xác nhận của người nước ngoài được quy định tại Điều 10 Nghị định này qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo cho cơ sở giáo dục về hành vi vi phạm hoặc chấp thuận đề nghị của cơ sở giáo dục, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi và hủy Giấy xác nhận theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Phụ lục Nghị định này, thông báo bằng văn bản cho cơ sở giáo dục được biết, thực hiện;

d) Trong vòng 10 ngày làm việc, sau khi nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc thu hồi và hủy Giấy xác nhận, cơ sở giáo dục phải thông báo cho người nước ngoài biết, thực hiện, đồng thời thông báo cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và cơ quan an ninh địa phương để biết, phối hợp và quản lý.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 15. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Chỉ đạo, hướng dẫn việc quản lý người nước ngoài làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật trong cơ sở giáo dục trong phạm vi quản lý nhà nước; kiểm tra việc thực hiện quản lý người nước ngoài tại các địa phương, cơ sở giáo dục thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý nhà nước.

2. Nghiên cứu, đề xuất trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền chính sách nhằm nâng cao chất lượng, thu hút người nước ngoài vào làm việc, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật trong các cơ sở giáo dục của Việt Nam.

3. Nghiên cứu, ban hành danh mục các chứng chỉ giảng dạy ngoại ngữ quốc tế được công nhận để sử dụng tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam; hướng dẫn hoặc có quy trình xác định một số chứng chỉ về giảng dạy của nước ngoài tương đương với nghiệp vụ sư phạm của Việt Nam; ban hành danh sách các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm được phép cấp xác nhận người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

Điều 16. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Khuyến khích và tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý tăng cường thu hút người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật trong các cơ sở giáo dục.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật trong các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị định này đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn.

2. Căn cứ chính sách phát triển giáo dục và điều kiện thực tế của địa phương, bố trí nguồn lực, tăng cường xã hội hóa, tạo điều kiện và có giải pháp để khuyến khích người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật trong các cơ sở giáo dục.

3. Thanh tra, kiểm tra, xử lý khiếu nại, tố cáo và thực hiện chức năng quản lý nhà nước về việc người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

Điều 18. Chế độ báo cáo

1. Nội dung báo cáo: việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý người nước ngoài làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục; khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất (nếu có).

2. Cơ quan gửi, nhận báo cáo và thời hạn báo cáo

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên trên địa bàn gửi báo cáo về Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (qua Sở Giáo dục và Đào tạo);

b) Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, các trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tổ chức hoạt động đào

tạo các trình độ của giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Phương thức gửi báo cáo: qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

4. Căn cứ vào chế độ báo cáo được quy định tại Điều này, cơ quan gửi báo cáo thực hiện việc tích hợp nội dung báo cáo việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý người nước ngoài làm việc, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục vào báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị-xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2),x.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP
ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

Tên mẫu	Nội dung
Mẫu số 01	Văn bản đề nghị cấp/cấp lại/gia hạn/thu hồi và huỷ xác nhận/giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động
Mẫu số 02	Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động
Mẫu số 03	Quyết định thu hồi và huỷ giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Mẫu số 01

**TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC/CƠ
QUAN/ĐƠN VỊ SỬ DỤNG
NGƯỜI NƯỚC NGOÀI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v cấp/gia hạn/thu hồi và hủy
xác nhận/giấy xác nhận không
thuộc diện cấp giấy phép lao động

Kính gửi: ...(Cơ quan có thẩm quyền) (1)

I. Thông tin chung về Cơ sở giáo dục/Cơ quan/đơn vị sử dụng lao động

1. Tên Cơ sở giáo dục/Cơ quan/đơn vị sử dụng lao động (2):
2. Loại hình Cơ sở giáo dục/Cơ quan/đơn vị sử dụng lao động (3): ...
3. Mã số định danh Cơ sở giáo dục/Cơ quan/đơn vị sử dụng lao động (nếu có):
4. Tổng số người lao động đang làm việc cho Cơ sở giáo dục/Cơ quan/đơn vị sử dụng lao động: ... người.
Trong đó, số người lao động nước ngoài đang làm việc là: ... người
5. Địa chỉ (4):
6. Điện thoại: Email (nếu có):
7. Giấy phép thành lập/hoạt động số:
Cơ quan cấp: Có giá trị đến ngày:
- Lĩnh vực hoạt động chính (5):
- Cơ quan cấp: Thời hạn:
8. Người nộp hồ sơ để liên hệ khi cần thiết (số điện thoại, email):
.....

II. Đề nghị cấp/gia hạn/thu hồi và hủy xác nhận/giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Cơ sở giáo dục/Cơ quan/đơn vị sử dụng lao động đề nghị ... (Cơ quan có thẩm quyền (1))... cấp/gia hạn/thu hồi và hủy xác nhận/giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài theo quy định tại điểm... khoản... Điều... Nghị định này.

Lý do đề nghị (áp dụng đối với trường hợp gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, nêu rõ lý do):.....

1. Thông tin cơ bản

- a) Họ và tên (In hoa)/Full name (In capital letters):
- b) Ngày, tháng, năm sinh/Date of birth:
- c) Giới tính (Nam/Nữ)/Sex (Male/Female):
- d) Quốc tịch/Nationality:
- đ) Số hộ chiếu/Passport number:
- Có giá trị đến ngày/Date of expiry:
- e) Mã số định danh cá nhân (nếu có)/Personal Identification Number (If any):
.....

2. Thông tin về việc làm dự kiến

- a) Vị trí công việc (6)/Job assignment:.....
Cụ thể, lĩnh vực làm việc (7)/Job field:.....
- b) Hình thức làm việc (8)/Working form:.....
- c) Trình độ chuyên môn/kỹ thuật (nếu có) (9)/Technical professional qualification (If any):
- d) Địa điểm làm việc (liệt kê cụ thể các địa điểm làm việc) (10)/Working place (List of place):.....
- đ) Thời hạn làm việc/Period of work: Từ (ngày/tháng/năm)...../ from (day/month/year) đến (ngày/tháng/năm)...../to (day/month/year)

3. Hình thức nhận kết quả

Hình thức (trực tuyến/trực tiếp/dịch vụ bưu chính công ích):

Địa chỉ nhận kết quả (11):

Cơ sở giáo dục/Cơ quan/đơn vị sử dụng lao động xin cam đoan những thông tin nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai, Cơ sở giáo dục/Cơ quan/đơn vị sử dụng lao động xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

Ghi chú:

**CƠ SỞ GIÁO DỤC/CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
SỬ DỤNG NGƯỜI NƯỚC NGOÀI**

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

- (1) Ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp/gia hạn/hủy và thu hồi xác nhận/giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động.
- (2) Ghi cụ thể: tên cơ sở giáo dục sử dụng người nước ngoài
- (3) Ghi cụ thể: hợp đồng/thỏa thuận hợp tác/chuyên gia/tình nguyện viên
- (4) Địa chỉ: ghi cụ thể địa chỉ của cơ sở giáo dục
- (5) Ghi cụ thể: các lĩnh vực hoạt động của cơ sở giáo dục
- (6) Ghi cụ thể vị trí công việc của người nước ngoài tại cơ sở giáo dục: ví dụ: giảng viên, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng ...
- (7) Ghi cụ thể lĩnh vực làm việc: ví dụ chuyên gia về xét nghiệm, công nghệ thông tin ...
- (8) Ghi cụ thể: toàn thời gian/bán thời gian
- (9) Ghi cụ thể: Cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ, trình độ khác ...
- (10) Ghi cụ thể địa điểm: ví dụ giảng dạy tại TPHCM, Cần Thơ ...
- (11) Ghi cụ thể địa chỉ nhận kết quả xác nhận của cơ sở giáo dục

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

....., ngày ... tháng.... năm....
CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Số GXN ghi theo thứ tự như sau: mã số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; 2 chữ số cuối của năm cấp; loại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động (*cấp mới ký hiệu 1, gia hạn ký hiệu 2, cấp lại ký hiệu 3*); số thứ tự (000.001).

Ví dụ: Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Hà Nội cấp mới năm 2025: Số GXN: 01.25.1.000.001

(2) Ghi cụ thể: Nhà quản lý; chuyên gia; giảng viên

(3) Ghi cụ thể tên công việc/ngành nghề nghiệp dự kiến làm

(5) Ghi rõ theo thứ tự số nhà, đường phố; thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu; xã/phường/đặc khu; tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

(6) Ghi cụ thể: Cấp mới/cấp lại (lần ...)/Gia hạn.

**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH**

Mẫu số 03
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

..., ngày ...tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Đình chỉ hoặc thu hồi Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:.....

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật trong cơ sở giáo dục của Việt Nam;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ hoặc thu hồi Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động số ngày ... tháng năm cấp cho: ông/bà ...(họ tên)... – quốc tịch, làm việc tại ...(tên doanh nghiệp/tổ chức)... theo vị trí công việc

Lý do thu hồi:

- Làm việc không đúng với nội dung trong giấy xác nhận đã được cấp;
- Có văn bản thông báo của cơ sở giáo dục về việc không tiếp tục hợp đồng/thỏa thuận hợp tác tại Việt Nam;
- Cơ sở giáo dục Việt Nam chấm dứt hoạt động;
- Cơ sở giáo dục Việt Nam hoặc người nước ngoài không thực hiện đúng quy định về cấp, gia hạn giấy xác nhận;
- Người nước ngoài trong quá trình làm việc ở Việt Nam vi phạm pháp luật, bị khởi tố hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ thời điểm ban hành.

Điều 3. (Cơ sở giáo dục) và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, các cơ quan, đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-;
- Lưu: VT,

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, đóng dấu)

Họ và tên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr - BGDDT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị định quy định người nước ngoài vào làm quản lý,
giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật
tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã ban hành Quyết định số 1063/QĐ-BGDDT ngày 18/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Chương trình soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Quyết định cá biệt năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thực hiện quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 2 năm 2025 và Chương III Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013) đã coi chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo là một trong 09 giải pháp để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam. Theo đó, Nghị quyết xác định một số giải pháp, nhiệm vụ để tăng cường hội nhập quốc tế của hệ thống giáo dục Việt Nam.

Với chủ trương tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục, việc tiếp thu tinh hoa tri thức nhân loại, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp phát

triển đất nước. Đồng thời, đường lối đối ngoại của Đảng về đa dạng hóa, đa phương hóa, coi giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ (KH-CN) là lĩnh vực hợp tác trọng điểm, là cơ sở chính trị quan trọng cho việc hoàn thiện hành lang pháp lý về thu hút và quản lý người nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam.

Hiến pháp năm 2013 quy định quyền học tập, nghiên cứu khoa học và khẳng định Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho hoạt động hợp tác quốc tế trong giáo dục, khoa học và công nghệ.

Điều 107, Điều 108 Luật Giáo dục 2019; Điều 45 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13; Điều 50 Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014 đều có quy định việc hợp tác, liên kết với các tổ chức, cá nhân nước ngoài vào giảng dạy, nghiên cứu tại cơ sở giáo dục Việt Nam; Điều 67, 68 Luật Khoa học và công nghệ 2013 quy định khuyến khích chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài tham gia nghiên cứu chuyển giao công nghệ tại Việt Nam; Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 sửa đổi năm 2019, 2023 có quy định điều kiện, thủ tục để người nước ngoài nhập cảnh, cư trú, làm việc tại Việt Nam; Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài và Luật Lao động 2019 có quy định đến quản lý lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, ngày 12/8/2024, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 91-KL/TW về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Tại mục 8 của Kết luận, Bộ Chính trị đã nhấn mạnh “*Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Khuyến khích các cơ sở giáo dục và đào tạo trong nước liên kết, hợp tác với các cơ sở giáo dục và đào tạo tiên tiến trên thế giới. Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để thu hút, sử dụng chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc tại các cơ sở giáo dục và đào tạo trong nước*”. Tiếp theo đó, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong đó nhấn mạnh việc phát triển trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đặc biệt, Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo nhấn mạnh đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng; thu hút giảng viên xuất sắc từ nước ngoài với những ưu đãi vượt trội. Việc này cho thấy tầm quan trọng của việc ban hành Nghị định nêu trên để thể chế hóa Kết luận của Bộ Chính trị.

2. Cơ sở thực tiễn

Trong những năm qua, số lượng chuyên gia, giảng viên, nhà khoa học nước ngoài đến làm việc tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam ngày càng tăng, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, thúc đẩy nghiên cứu khoa học (NCKH), chuyển giao tri thức và công nghệ. Tuy nhiên, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành mới chỉ quy định chung về quản lý lao động nước ngoài tại Việt

Nam, chưa có quy định cụ thể thống nhất cho lĩnh vực giáo dục và NCKH, trao đổi học thuật. Điều này dẫn đến việc áp dụng còn thiếu đồng bộ, gây khó khăn cho các cơ sở giáo dục, đồng thời chưa tạo được cơ chế thuận lợi để thu hút và sử dụng hiệu quả đội ngũ chuyên gia quốc tế.

Bộ GD&ĐT đã thực hiện rà soát, lấy ý kiến của các địa phương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (CSGDNN) và các cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH) về việc người nước ngoài làm việc tại các cơ sở giáo dục tại các văn bản: Công văn số 2979/BGDĐT-HTQT ngày 3/6/2025; Công văn số 3917/ BGDĐT-HTQT ngày 11/7/2025; Công văn số 3916/ BGDĐT-HTQT ngày 11/7/2025. Kết quả báo cáo rà soát cụ thể như sau:

a) Tổng hợp tại các CSGD mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên:

- Kết quả thực hiện: Dựa trên báo cáo của 25/34 Sở GD&ĐT, có 4.700 người nước ngoài hiện đang làm giảng viên, nhà quản lý, chuyên gia nước ngoài đang làm việc tại các cấp học mầm non, phổ thông và thường xuyên, trong đó có trên 3.600 người có trình độ Đại học, 623 người có trình độ Thạc sĩ, 171 người có trình độ Tiến sĩ và khoảng 250 người có trình độ khác. Hình thức làm việc chủ yếu của các chuyên gia là thông qua hợp đồng lao động (4.100 người), thông qua các hiệp định hoặc thỏa thuận hợp tác là 290 người, tình nguyện viên (TNV) là 76 người, còn lại là các hình thức khác. Giảng dạy ngoại ngữ là lĩnh vực công tác phổ biến nhất chiếm ưu thế với 3.531 người chiếm 73.5%, giảng dạy các môn chuyên ngành là 809 người chiếm 18%, nhà quản lý là 191 người, Nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật là 59 người và số còn lại là công việc khác 206 người. Một số địa phương nổi bật có nhiều chuyên gia nước ngoài làm việc tại các cơ sở giáo dục như Hà Nội, Hồ Chí Minh và Ninh Bình. Các địa phương khác có số lượng đáng kể bao gồm: Hưng Yên (432 người), Phú Thọ (286 người) và TP Hải Phòng (252 người). Một số tỉnh không ghi nhận chuyên gia nước ngoài nào là Tây Ninh, Hà Tĩnh, Cà Mau, Vĩnh Long.

- Hạn chế, khó khăn: Mặc dù đã đạt được những kết quả tích cực từ hành lang pháp lý với các quy định của Bộ Luật Lao động, Nghị định quản lý người lao động nước ngoài tại Việt Nam, chất lượng đội ngũ chuyên gia được đánh giá cao, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, khó khăn và vướng mắc ảnh hưởng đến kết quả thu hút đội ngũ lao động nước ngoài. Đáng kể nhất là thủ tục hành chính (TTHC) nhiều phức tạp, rắc rối, thời gian xử lý chậm. Hồ sơ cấp/miễn giấy phép lao động (GPLĐ) đòi hỏi nhiều giấy tờ phải hợp pháp hóa lãnh sự, dịch thuật công chứng, gây tốn thời gian và chi phí. Việc phải đăng tin tuyển dụng lao động Việt Nam thay thế trong 15 ngày trước khi nộp hồ sơ cấp GPLĐ gây mất thời gian. Thủ tục gia hạn GPLĐ phức tạp, chỉ được gia hạn một lần sau đó phải xin cấp mới, gây khó khăn cho các đơn vị. Thời gian của GPLĐ được 2 năm, sau đó phải làm mới nên gây nhiều khó khăn cho các đơn vị sử dụng người nước ngoài. Mức lương và chính sách đãi ngộ tại nhiều cơ sở công lập chưa đủ sức cạnh tranh so với thị trường lao động quốc tế. Việc hỗ trợ ăn ở, đi lại, bảo hiểm y tế còn rất hạn chế. Nhiều tỉnh thành chưa thu hút được chuyên gia nước ngoài đến làm việc điển hình như Lào Cai và Yên Bái. Quy trình công chứng, dịch thuật, hợp pháp hóa tốn nhiều chi phí và thời gian. Việc công nhận chứng chỉ sư phạm với giáo viên ngôn ngữ, thỉnh giảng chưa thật sự linh hoạt. Việc công nhận văn bằng, chứng chỉ quốc tế chưa có cơ chế rõ ràng và nhất quán. Đặc

biệt, chưa có danh mục các loại chứng chỉ quốc tế như TESOL, TEFL được chấp nhận chính thức, do chất lượng không đồng đều từ hàng trăm tổ chức cấp.

b) Tổng hợp tại các CSGDDH:

- Kết quả thực hiện: trên cơ sở tổng hợp các báo cáo của 110/241 CSGDDH. Trong giai đoạn 2020-2025, có 35 trường (31,8%) có dưới 02 người làm việc, 12 trường (10,9%) có từ 3-5 người, 5 trường (4,5%) từ 5-10 người, 16 (14,5%) trường tiếp nhận trên 10 người (Trường ĐH RMIT >300 người, ĐH Ngoại thương khoảng 200 người và trường ĐH Thương mại khoảng 100 người. Nhìn chung, các CSGDDH đã ban hành quy định về quản lý các hoạt động đối ngoại và quy trình đề nghị cấp, gia hạn thị thực và giấy phép lao động cho người nước ngoài và phân công đơn vị đầu mối hỗ trợ xử lý hồ sơ để tiếp nhận chuyên gia nước ngoài vào làm việc. Các CSGDNN đều bảo đảm chính sách, chế độ đối với lao động nước ngoài như tiền lương (đối với lao động hợp đồng) và hỗ trợ nhà ở, sinh hoạt (đối với TNV không nhận lương). Về lĩnh vực công tác, đa số GVNN đến làm việc để giảng dạy ngoại ngữ (các ngôn ngữ: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Anh), hoặc 1 số ít làm chuyên gia ODA (theo dự án). Nhiều CSGD đào tạo chuyên sâu về kỹ thuật nhưng số lượng giáo viên nước ngoài chủ yếu sang giảng dạy ngoại ngữ, các chuyên ngành khác có ít hoặc hầu như không có chuyên gia NN (ví dụ: ĐH BK Hà Nội, Trường ĐH Bách khoa TP HCM tỷ trọng giảng viên NN giảng dạy tiếng Nhật chiếm đa số, hiện trường lại không có GVNN dạy các ngành công nghệ; ĐH Quốc gia Hà Nội số lượng GVNN dạy chuyên ngành rất ít). Có một số đại học chuyên ngành tài chính, kinh tế không có người nước ngoài đến làm việc như Học viện tài chính....

Sự hỗ trợ của chuyên gia nước ngoài trong công tác giảng dạy tại các CSGDDH góp phần nâng cao năng lực ngoại ngữ và trình độ chuyên môn cũng như phương pháp giảng dạy của giảng viên Việt Nam. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực tế, vẫn còn tồn tại một số bất cập liên quan đến thủ tục pháp lý, thủ tục hành chính và công tác quản lý.

- Hạn chế, khó khăn:

+ Tên ngành hoặc chuyên ngành giảng dạy trong hệ thống giáo dục các nước có sự khác nhau và khác với danh mục đào tạo của Việt Nam, gây khó khăn cho việc xác định ngành phù hợp với vị trí việc làm, chuyên môn giảng dạy của giáo viên nước ngoài khi làm thủ tục cấp GPLĐ.

+ Hiện nay chưa có cơ chế, quy định tạo điều kiện và thu hút người nước ngoài có trình độ chuyên môn cao (có bằng Tiến sĩ hoặc giáo sư) vào giảng dạy, nghiên cứu tại các CSGDDH tại Việt Nam. Các CSGD đại học, nhất là các trường có chương trình liên kết 2+2, chương trình dạy bằng tiếng Anh, chương trình tiên tiến có nhu cầu mời giáo sư là người nước ngoài tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học (NCKH), thúc đẩy hợp tác giảng dạy, NCKH, chuyển giao công nghệ tại các cơ sở giáo dục và cơ sở giáo dục đại học nhưng thủ tục còn khó khăn.

+ Giấy phép lao động cho người nước ngoài ở Việt Nam có thời hạn là 2 năm, mỗi lần gia hạn cũng chỉ được 2 năm; trong khi ở một số nước khác, giấy phép lao động có thể kéo dài tới 5 năm hoặc theo thực tế thời gian hợp đồng. Điều này gây khó khăn cho các CSGDDH Việt Nam trong việc thu hút giảng viên nước ngoài.

- Quy định giữa các cơ quan quản lý có thẩm quyền thu hút, sử dụng và quản lý lao động nước ngoài còn thiếu thống nhất. Ví dụ Bộ Luật Lao động 2019, Nghị định số 152/2023/NĐ-CP và Nghị định số 70/2020/NĐ-CP và Nghị định số 219/2025/NĐ-CP về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam cho phép các cơ quan, tổ chức của Việt Nam được phép ký hợp đồng lao động với người lao động nước ngoài theo một số điều kiện nhất định. Tuy nhiên, Nghị định số 111/2022/NĐ-CP lại giới hạn đơn vị sự nghiệp công lập chỉ được phép ký hợp đồng với người lao động có một số quốc tịch.

c) Tổng hợp kết quả rà soát tại CSGDNN

Kết quả thực hiện: trên cơ sở tổng hợp các báo cáo của 31/417 CSGDNN. Có 130 giảng viên, nhà quản lý và chuyên gia nước ngoài đang hoặc đã làm việc tại Việt Nam. Tuy nhiên, sự phân bố đội ngũ này không đồng đều, phần lớn tập trung ở một số trường cao đẳng lớn, trong khi nhiều trường khác không có chuyên gia nước ngoài (Đội ngũ này tập trung chủ yếu tại các trường như Cao đẳng Sư phạm TW HCM 37 người, Cao đẳng Du lịch Hà Nội 29 người và Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi 18 người; Trình độ chuyên môn: Chủ yếu là đại học và thạc sĩ 59 người và các trình độ khác 47 người; phần lớn làm việc diện TNV 74 người hoặc theo hiệp định hợp tác 29 người.

- Hạn chế, khó khăn:

- Rào cản về thủ tục hành chính và pháp lý

+ Giấy phép lao động (GPLĐ): Thủ tục xin cấp phép còn phức tạp, nhiều bước và đòi hỏi nhiều giấy tờ cần hợp pháp hóa lãnh sự, gây tốn kém thời gian và chi phí. Thời hạn của GPLĐ tối đa chỉ 2 năm và chỉ được gia hạn một lần, gây bất tiện cho các chuyên gia muốn làm việc lâu dài hoặc tham gia các dự án kéo dài. Trên thực tế, đã có trường hợp không thể tiếp nhận trợ giảng người Mỹ vào năm 2023 do vướng mắc thủ tục xin miễn GPLĐ.

+ Công nhận văn bằng và trình độ: Các quy định hiện hành còn cứng nhắc, quá chú trọng vào bằng cấp mà chưa linh hoạt công nhận kinh nghiệm thực tiễn dày dạn của chuyên gia. Thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự và công nhận văn bằng, chứng chỉ quốc tế còn phức tạp và tốn thời gian.

+ Thủ tục xuất nhập cảnh và Visa: Thủ tục xin visa lao động còn tách biệt với quy trình xin GPLĐ, dẫn đến sự chồng chéo và kéo dài thời gian¹⁶. Việc thiếu cơ chế visa dài hạn (3-5 năm) gắn với hợp đồng lao động gây ra tâm lý không ổn định cho chuyên gia.

+ Hợp pháp hóa lãnh sự: Quy trình hợp pháp hóa giấy tờ của người nước ngoài được mô tả là rườm rà, tốn kém thời gian và chi phí, đặc biệt với các quốc gia không có cơ quan ngoại giao tại Việt Nam.

- Hạn chế về chính sách thu hút và đãi ngộ

+ Tài chính và lương bổng: Các trường công lập bị hạn chế bởi quy định về quỹ lương và định mức chi tiêu công, khiến mức lương khó cạnh tranh với khu vực tư nhân và các nước khác. Nguồn ngân sách hạn hẹp và công tác tuyển sinh gặp khó khăn càng làm giảm khả năng chi trả đãi ngộ hấp dẫn.

+ Hợp đồng lao động: Việc phải có GPLĐ trước khi ký hợp đồng chính thức gây chậm trễ, ảnh hưởng đến kế hoạch chuyên môn. Hiện chưa có khung hợp đồng mẫu chung cho chuyên gia nước ngoài, gây lúng túng cho các cơ sở khi soạn thảo.

+ Thuế và bảo hiểm: Mức thuế thu nhập cá nhân (TNCN) lũy tiến lên đến 35% được cho là cao và làm giảm thu nhập thực tế của chuyên gia. Các khoản đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) và bảo hiểm y tế (BHYT) bắt buộc cũng tạo gánh nặng tài chính, đặc biệt với chuyên gia làm việc ngắn hạn.

+ Chính sách cho gia đình: Hiện chưa có các chính sách hỗ trợ cụ thể và đủ sức hấp dẫn về nhà ở, học tập cho con cái hay việc làm cho vợ/chồng của chuyên gia, làm giảm sức cạnh tranh trong việc thu hút nhân tài.

d) Tổng hợp kinh nghiệm từ một số quốc gia thi hành chính sách thu hút người nước ngoài vào làm việc tại nước sở tại

- Kinh nghiệm từ Trung Quốc: Trong 5 năm gần đây, Trung Quốc đã triển khai nhiều chính sách đổi mới nhằm thu hút chuyên gia nước ngoài, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo, bán dẫn và sinh học. So với giai đoạn trước, các chính sách này không chỉ tăng cường về quy mô mà còn nâng cao về chất lượng và tính cạnh tranh quốc tế.

Bắt đầu từ năm 2008, nhằm thu hút các nhà khoa học, học giả và chuyên gia kỹ thuật cấp cao từ nước ngoài, từ các trường đại học và viện nghiên cứu hàng đầu thế giới, đặc biệt là người gốc Hoa, Trung Quốc đã thực hiện các chương trình thu hút nổi bật như Kế hoạch ngàn nhân tài, Chương trình Vạn nhân tài, Kế hoạch nhân tài trẻ tuổi, Chương trình Plan 111 tập trung vào lĩnh vực hàng không, quốc phòng và Công nghệ thông tin, Kế hoạch thu hút chuyên gia nước ngoài trình độ cao, Chương trình Qiming tập trung vào việc thu hút chuyên gia trong các lĩnh vực như bán dẫn và trí tuệ nhân tạo đặc biệt ưu tiên các lĩnh vực chiến lược: công nghệ cao, năng lượng mới, vật liệu mới, y sinh học, AI đồng thời cung cấp lương cao, hỗ trợ tài chính và điều kiện làm việc tốt, cung cấp tài trợ nghiên cứu, trợ cấp sinh hoạt và các ưu đãi về thuế và cư trú. Trung Quốc thực hiện chính sách thị thực và cư trú dành riêng cho "nhân tài cấp cao", có thể cấp tới 5-10 năm với nhiều lần nhập cảnh hoặc thẻ xanh, ưu đãi tài chính và điều kiện làm việc với mức lương và chế độ đãi ngộ cao.

- Kinh nghiệm từ In-đô-nê-xi-a: Indonesia từ lâu đã nhận thấy nhu cầu về chuyên gia nước ngoài để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế quốc gia, đặc biệt ở các lĩnh vực mà nguồn nhân lực trong nước còn thiếu hoặc cần chuyển giao công nghệ. Chính phủ Indonesia đã đơn giản hóa các quy định về giấy phép kinh doanh và lao động để thu hút đầu tư và nhân tài nước ngoài, nổi bật là Luật Omnibus (Luật số 11/2020 về Tạo việc làm) và các quy định liên quan. Chính phủ tập trung chương trình thu hút Chuyên gia nước ngoài trong các lĩnh vực kinh tế số, năng lượng xanh, hạ tầng, sản xuất tiên tiến, cấp visa 5 năm cho chuyên gia làm việc từ xa trong các lĩnh vực công nghệ, tài chính số, sáng tạo – nhằm đưa Bali trở thành trung tâm sáng tạo số, đơn giản hóa các TTHC để thu hút chuyên gia nước ngoài.

- Kinh nghiệm từ Malaysia: Malaysia tự định vị là trung tâm khu vực về đầu tư và nhân lực, với chính sách khuyến khích mạnh mẽ đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và thu hút chuyên gia quốc tế. Malaysia có vị trí chiến lược, hạ tầng phát triển và

môi trường kinh doanh thân thiện là những yếu tố hấp dẫn doanh nghiệp và chuyên gia nước ngoài. Malaysia cung cấp ưu đãi thuế, tín dụng R&D và các chính sách khuyến khích cho các ngành như công nghệ, sản xuất tiên tiến, năng lượng tái tạo. Malaysia công bố chiến lược đẩy mạnh ngành bán dẫn – lĩnh vực ưu tiên thu hút chuyên gia cao cấp, đặc biệt từ Đài Loan (TQ), Mỹ, châu Âu

- Kinh nghiệm từ Hoa Kỳ: Hoa Kỳ từ lâu đã nổi tiếng với chính sách thu hút người nước ngoài có trình độ cao, các nhà khoa học, chuyên gia giỏi ở các lĩnh vực đặc biệt là lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Các cơ sở giáo dục Hoa Kỳ thường trả mức lương hấp dẫn so với mặt bằng chung, kèm theo bảo hiểm y tế, hưu trí, học phí ưu đãi cho con cái, hỗ trợ nhà ở, hỗ trợ thị thực và thủ tục pháp lý cho giảng viên và nhà nghiên cứu quốc tế. Các nhà khoa học, nghiên cứu, giảng viên người nước ngoài được hưởng các chính sách đãi ngộ cá nhân, có cơ hội thăng tiến, tự do nghiên cứu, khuyến khích sáng tạo, được cung cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất hiện đại, được tham gia vào các dự án hợp tác quốc tế và các chương trình trao đổi quốc tế.

Từ kết quả rà soát thực tiễn cho thấy mặc dù Chính phủ đã có những quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Tuy nhiên, chưa có quy định cụ thể và khuyến khích người nước ngoài có trình độ chuyên môn cao làm việc tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam nên hiệu quả của việc thu hút người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam còn hạn chế.

Trên cơ sở tiếp thu đề xuất, kiến nghị của địa phương và các cơ sở giáo dục cũng như học tập kinh nghiệm từ một số quốc gia, Bộ GDĐT đã xây dựng dự thảo Nghị định. Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng về giáo dục - đào tạo và KHCN, việc ban hành Nghị định là hết sức cần thiết nhằm cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng và quy định của pháp luật; hoàn thiện cơ sở pháp lý cho công tác quản lý, sử dụng người nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; bảo đảm vừa mở rộng hợp tác quốc tế, vừa giữ vững chủ quyền, an ninh quốc gia, đồng thời tạo môi trường pháp lý minh bạch, thuận lợi để các CSGD Việt Nam chủ động thu hút, khai thác và phát huy nguồn lực trí thức quốc tế thúc đẩy, tăng cường chất lượng giáo dục, năng lực cạnh tranh, vị thế của CSGD nói riêng và góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành

a) Cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần đẩy mạnh quá trình hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

b) Giúp thu hút người nước ngoài, chuyên gia, giảng viên người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam; thúc đẩy đầu tư và xã hội hóa giáo dục.

c) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, NCKH và trao đổi học thuật tại cơ sở giáo dục.

d) Xây dựng hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ và minh bạch nhằm quản lý, sử dụng hiệu quả đội ngũ chuyên gia, giảng viên, nhà khoa học nước ngoài làm việc tại các CSGD của Việt Nam đồng thời tạo cơ sở để các cơ quan, tổ chức thực hiện thuận lợi, thống nhất, tránh chồng chéo với các quy định pháp luật khác.

đ) Khắc phục những hạn chế và phát huy các ưu điểm; giải quyết các vấn đề

khó khăn, phát sinh trong thực tiễn, tạo điều kiện thuận lợi để các CSGD Việt Nam thu hút trí thức, nhà quản lý giáo dục, giảng viên, nhà khoa học quốc tế có trình độ cao, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, chuyển giao trí thức và công nghệ đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

e) Bảo đảm việc mời, tiếp nhận và quản lý người nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục được thực hiện theo đúng pháp luật, phù hợp với yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội đồng thời giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

a) Nghị định được xây dựng phải phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đảm bảo tính phù hợp, thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật về giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ, hội nhập quốc tế đồng thời kế thừa, phát huy các quy định hiện hành, khắc phục những hạn chế bất cập trong thực tiễn.

b) Nghị định này được xây dựng để hướng dẫn người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, NCKH và trao đổi học thuật xuất phát từ nhu cầu của cơ sở giáo dục có đủ điều kiện để thực hiện.

c) Nghị định này được xây dựng để tạo hành lang pháp lý thông thoáng, thuận lợi để thu hút, sử dụng hiệu quả đội ngũ chuyên gia, nhà quản lý giáo dục, giảng viên, nhà khoa học nước ngoài góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

d) Nghị định được xây dựng phải phù hợp với các cam kết và điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký hoặc là thành viên.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Bộ GDĐT đã chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập (Quyết định số 1899/QĐ-BGDĐT ngày 07/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

2. Soạn thảo Báo cáo rà soát về người nước ngoài vào giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật trên cơ sở 25 báo cáo của các sở GDĐT và 110 báo cáo của CSGDĐH; 31 CSGDNN và 7 báo cáo về kinh nghiệm thu hút người nước ngoài vào làm việc tại các cơ sở giáo dục của một số quốc gia.

3. Xây dựng đề cương, dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình Chính phủ; rà soát các văn bản quy định hiện hành có liên quan; Bản đánh giá tác động thủ tục hành chính, Báo cáo rà soát các văn bản quy định của pháp luật có liên quan; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách.

4. Tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập Nghị định 02 lần (lần 1 ngày và lần 2 ngày), gửi dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình lấy ý kiến thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập (02 lần).

5. Ngày, Bộ GDĐT đã gửi Công văn sốđể đăng mạng "Dự thảo, Tờ trình Nghị định người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại cơ sở giáo dục của Việt Nam" lên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và trang website của Bộ GDĐT.

6. Ngày, Bộ GDĐT gửi Công văn số/BGDĐT-HTQT kèm hồ sơ dự thảo Nghị định và Tờ trình Chính phủ lấy ý kiến 17 bộ, ngành và 34 ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

7. Ngày, Bộ GDĐT đã gửi Công văn số/BGDĐT-HTQT kèm hồ sơ dự thảo Nghị định và Tờ trình Chính phủ để lấy ý kiến của một số cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

8. Ngày, Bộ GDĐT đã gửi công văn số/HTQT-QHQT xin ý kiến Cục kiểm soát thủ tục hành chính của Văn phòng chính phủ về việc tham gia ý kiến đối với quy định về thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định.

9. Ngày, Bộ GDĐT đã gửi Công văn số/BGDĐT-HTQT về hồ sơ xây dựng Nghị định đến Bộ Tư pháp thẩm định.

10. Ngày, Bộ GDĐT đã nhận được Báo cáo thẩm định số/BCTĐ-BTP của Bộ Tư pháp.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

- Nghị định này quy định về việc người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam, bao gồm quy định các trường hợp không thuộc diện cấp giấy phép lao động, yêu cầu đối với các cơ sở giáo dục và người nước ngoài, trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, thu hồi và huỷ giấy xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động khi vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam.

- Yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ, kinh nghiệm chuyên môn đối với người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam.

- Quy định về trách nhiệm và quyền hạn của người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục Việt Nam và các cơ sở giáo dục tuyển dụng, sử dụng người nước ngoài.

b) Đối tượng áp dụng

- Nghị định này áp dụng đối với:

+ Các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học và các trường thuộc cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục); Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tuyển dụng, sử dụng người nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam;

+ Người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục Việt Nam; là chuyên gia hoặc tình nguyện viên tham gia các chương trình, dự án hợp tác giáo dục, đào tạo;

- Nghị định này không áp dụng đối với các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động dưới hình thức phân hiệu tại Việt Nam.

2. Bố cục của Dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 05 Chương và 20 Điều:

a) Chương I: Quy định chung, gồm 04 điều (từ Điều 1 đến Điều 4).

b) Chương II: Quy định điều kiện không thuộc diện cấp giấy phép lao động, yêu cầu đối với người nước ngoài và cơ sở giáo dục, gồm 5 điều (từ Điều 5 đến Điều 9).

c) Chương III: Quy định về thẩm quyền, quy trình, hồ sơ, thủ tục cấp, gia hạn, thu hồi và hủy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, gồm 5 điều (từ Điều 10 đến Điều 14).

d) Chương IV: Quy định về tổ chức thực hiện, gồm 4 điều (từ Điều 15 đến Điều 18).

đ) Chương V: Quy định về điều khoản thi hành, gồm 02 điều (từ Điều 19 đến Điều 20).

3. Nội dung cơ bản của Dự thảo

3.1 Nội dung cơ bản

a) Chương I: Quy định chung

Chương I có 4 điều (Điều 1. Phạm vi điều chỉnh; Điều 2. Đối tượng áp dụng; Điều 3. Giải thích từ ngữ; Điều 4. Nguyên tắc quản lý người nước ngoài làm việc tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam).

b) Chương II: Quy định người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động, các yêu cầu đối với người nước ngoài và cơ sở giáo dục của Việt Nam

Chương II có 5 điều (Điều 5. Các trường hợp không thuộc diện cấp giấy phép lao động; Điều 6. Yêu cầu về trình độ chuyên môn đối với người nước ngoài làm công tác quản lý tại các cơ sở giáo dục; Điều 7. Yêu cầu về trình độ chuyên môn đối với người nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục; Điều 8. Quyền hạn, trách nhiệm của người nước ngoài; Điều 9. Quyền hạn, trách nhiệm của cơ sở giáo dục của Việt Nam).

c) Chương III: Quy định về thẩm quyền, thủ tục cấp, gia hạn, thu hồi và hủy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Chương III có 5 điều (Điều 10. Thẩm quyền cấp xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động; Điều 11. Quy trình, hồ sơ, trình tự thủ tục đề nghị xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động; Điều 12. Thời hạn hiệu lực của giấy xác nhận người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động; Điều 13. Gia hạn Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động. Điều 14. Thu hồi và hủy Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

d) Chương IV: Tổ chức thực hiện

Chương IV có 4 điều (Điều 15. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Điều 16. Trách nhiệm của các bộ, ngành; Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương; Điều 18. Chế độ báo cáo

đ) Chương V: Điều khoản thi hành

Chương này gồm 2 điều (Điều 19. Hiệu lực thi hành; Điều 20. Trách nhiệm thi hành).

3.2 Những nội dung cần làm rõ:

a) Việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước:

Các quy định tại Chương I của dự thảo Nghị định phù hợp với các quy định về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước hiện hành; bảo đảm vừa mở rộng hợp tác quốc tế, vừa giữ vững chủ quyền, an ninh quốc gia.

Các quy định tại Chương II của dự thảo Nghị định phù hợp với các quy định hiện hành về quản lý người lao động nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam tuy nhiên đã đưa ra nhiều quy định mang tính đột phá, tạo cơ chế chính sách thu hút chuyên gia nước ngoài, người nước ngoài có trình độ cao hoặc có tài năng đặc biệt vào làm việc tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam. Việc quy định các điều kiện tại Chương này tạo môi trường pháp lý minh bạch, thuận lợi để các CSGD Việt Nam chủ động thu hút, khai thác và phát huy nguồn lực trí thức quốc tế thúc đẩy, tăng cường chất lượng giáo dục, năng lực cạnh tranh, vị thế của CSGD nói riêng và góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung.

- Lý do: Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 7 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Nghị định này quy định chung các đối tượng là người nước ngoài vào làm việc tại các lĩnh vực chưa có quy định chi tiết cụ thể về các yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ và cơ chế thu hút ưu đãi trong các lĩnh vực giáo dục. Đặc biệt, với các đối tượng cần ưu đãi thu hút như yêu cầu của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 57/KL-BCT thì Nghị định số 249/2025/NĐ-CP ngày 19/9/2025 quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Nghị định 221/2025/NĐ-CP quy định miễn thị thực có thời hạn cho người nước ngoài thuộc diện đối tượng đặc biệt cần ưu đãi phục vụ phát triển kinh tế xã hội vào Việt Nam. Tuy nhiên, các Nghị định này chưa quy định cụ thể về các đối tượng người nước ngoài làm việc trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo cần được ưu đãi một cách cụ thể nhất là về các quy định TTHC về giấy phép lao động hoặc miễn giấy phép lao động. Như vậy, việc quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, các điều kiện được xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, các yêu cầu tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ của người nước ngoài và trách nhiệm của các cơ sở giáo dục tại dự thảo Nghị định đã phủ được các đối tượng được quy định theo Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và Luật Giáo dục nghề nghiệp và hoàn thiện cơ sở pháp lý còn thiếu của Nghị định 219/NĐ-CP và làm cụ thể hơn ưu đãi cho các đối tượng quy định của Nghị định 221/NĐ-CP, Nghị định 249/NĐ-CP và tránh trùng lặp các quy định tại các Nghị định nói trên, đồng thời đáp ứng những vướng mắc, bất cập từ thực tiễn triển khai.

b) Về nội dung cắt giảm TTHC

Chương III dự thảo Nghị định quy định các TTHC của Nghị định khi được triển khai thực hiện. Nghị định này chỉ quy định 03 TTHC gồm xin xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, gia hạn, thu hồi và hủy giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài. Các nội dung của TTHC

đưa ra cơ bản bảo đảm tính cân xứng, tương đồng với các quy định hiện hành và đơn giản hóa các TTHC thông qua hình thức nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến để giảm thiểu các chi phí đi lại và xử lý hồ sơ.

TTHC trong Dự thảo Nghị định không làm phát sinh chi phí, lệ phí hồ sơ theo quy định của pháp luật hiện hành về phí, lệ phí trong lập và thực hiện TTHC.

- Lý do: Cần quy định cụ thể để phù hợp với các quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025 và làm rõ các quy trình TTHC hiện vẫn còn thiếu chưa cụ thể tại Nghị định số 219/2025/NĐ-CP về người nước ngoài làm việc trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. TTHC tại dự thảo Nghị định đã giảm tối đa thời gian thực hiện các TTHC tạo điều kiện cho các CSGD và người nước ngoài, giải quyết được những vướng mắc bất cập từ thực tiễn thực hiện qua việc xin cấp miễn giấy phép lao động trong nhiều năm qua.

c) Nội dung phân cấp, phân quyền

Về thẩm quyền phê duyệt cấp xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động: dự thảo Nghị định đã thực hiện tối đa phân cấp, phân quyền cụ thể như sau:

Đối với các trường hợp có bằng tiến sĩ trở lên, việc xác nhận đối tượng không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được giao cho giám đốc, hiệu trưởng các cơ sở giáo dục đại học làm tăng quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục. Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên thẩm quyền phê duyệt được giao cho Sở GDĐT theo các quy định hiện hành về phân cấp quản lý trong giáo dục. Đối với các cơ sở giáo dục thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thẩm quyền phê duyệt được giao cho cơ quan quản lý phù hợp với các quy định hiện hành.

- Lý do: Bộ GDĐT quy định cụ thể phù hợp với các quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15, Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 và Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15, Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và Nghị quyết số 57-NQ/TW.

d) Vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA, BAN HÀNH (NẾU CÓ)

1. Đánh giá tác động chính sách kinh tế - xã hội

Dự thảo Nghị định không làm phát sinh các ràng buộc kinh tế mới trong việc cấp phép thành lập, triển khai các nội dung thuộc phạm vi áp dụng của văn bản này.

Dự thảo Nghị định ban hành kịp thời, khắc phục được những điểm tồn tại của các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục chủ động thu hút nguồn trí thức có trình độ ngoài nước trong lĩnh vực giáo dục, KHCN.

2. Tác động chính sách đối với hệ thống pháp luật

Dự thảo Nghị định đảm bảo tính phù hợp, thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật về giáo dục và đào tạo, KHCN và lao động, nâng cao hiệu lực hiệu quả thực thi trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, khoa học và công nghệ; tạo hành lang pháp lý đầy đủ để công tác quản lý, tuyển dụng và sử dụng người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, NCKH và trao đổi học thuật ổn định hơn và theo đúng khuôn khổ của pháp luật.

Dự thảo Nghị định không trái với các quy định liên quan khác trong lĩnh vực giáo dục và khoa học, công nghệ.

3. Đánh giá tính tương thích của Dự thảo Nghị định với các điều ước quốc tế có liên quan

Nội dung của Dự thảo không mâu thuẫn với các điều ước quốc tế khác trong cùng lĩnh vực mà Việt Nam là thành viên, phù hợp với các quy định về hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

4. Tác động chính sách đối với quyền và nghĩa vụ của công dân và tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân

Dự thảo Nghị định tạo hành lang pháp lý mở và công bằng. Trong đó, quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức tham gia được quy định cụ thể với quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác nhau.

Tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tự giải trình của các cơ sở giáo dục trong việc tuyển dụng và sử dụng người nước ngoài vào làm việc, giảng dạy, NCKH và trao đổi học thuật.

5. Tác động chính sách đối với thủ tục hành chính (TTHC)

Các TTHC được quy định trong Dự thảo giúp các cơ sở giáo dục thuận tiện trong việc xây dựng kế hoạch thu hút người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, NCKH và trao đổi học thuật theo quy định.

Các nội dung của TTHC đưa ra cơ bản bảo đảm tính cân xứng, tương đồng với các quy định hiện hành và đơn giản hóa các TTHC đặc biệt bổ sung hình thức nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến để giảm thiểu các chi phí đi lại và xử lý hồ sơ.

TTHC trong Dự thảo Nghị định không làm phát sinh chi phí, lệ phí hồ sơ theo quy định của pháp luật hiện hành về phí, lệ phí trong lập và thực hiện TTHC.

6. Nguồn lực cần bảo đảm thực hiện

Về cơ sở vật chất: Các cơ sở giáo dục cần được trang bị hỗ trợ các cơ sở vật chất như nhà ở chuyên gia, các trang thiết bị thí nghiệm khoa học công nghệ ...

Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý, tuyển dụng người nước ngoài, xử lý hồ sơ cấp hoặc miễn giấy phép lao động cho người nước ngoài. Nhiệm vụ này là nhiệm vụ chung của toàn ngành, của địa phương, của mỗi cơ sở giáo dục.

Về tài chính, việc thực hiện Nghị định nằm trong chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa đối với giáo dục và đào tạo và một phần yêu cầu kinh phí từ ngân sách nhà nước nhằm hỗ trợ thêm về chế độ ưu đãi nhà ở, lương, thưởng cho những người nước ngoài thuộc diện thu hút nhân tài.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học. Các trường hợp người nước ngoài vào làm việc tại các cơ sở giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động được miễn thủ tục hành chính cấp giấy xác nhận tại cấp có thẩm quyền ở địa phương.

2. Hiệu trưởng, Giám đốc một số cơ sở giáo dục đại học trọng điểm do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy được phép xác nhận trường hợp chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài có trình độ tiến sĩ được mời làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật đối với cơ sở giáo dục của mình không thuộc diện cấp giấy phép lao động. Việc xác nhận của cơ sở giáo dục đại học được miễn thủ tục hành chính cấp giấy xác nhận tại cấp có thẩm quyền ở địa phương.

Trong quá trình soạn thảo, Bộ GDĐT đã tiếp thu ý kiến từ các cơ sở giáo dục đại học, địa phương và bộ, ngành để hoàn thiện Dự thảo Nghị định, các văn bản liên quan và đã được Bộ Tư pháp thẩm định. Bộ GDĐT kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam và các hồ sơ liên quan.

Kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm Tờ trình này:

- Dự thảo Nghị định kèm các Phụ lục.
- Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp.
- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.
- Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và tổ chức có liên quan; kèm bản chụp Công văn góp ý.
- Bản đánh giá TTHC, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn kèm các Biểu mẫu TTHC.
- Báo cáo đánh giá tác động chính sách.
- Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và các điều ước quốc tế có liên quan.
- Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Cục kiểm soát thủ tục hành chính - Văn phòng Chính phủ về thủ tục hành chính; kèm bản chụp Công văn góp ý của Cục kiểm soát thủ tục hành chính - Văn phòng Chính phủ.
- Bản so sánh thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định;
- Báo cáo rà soát người nước ngoài vào làm việc, giảng dạy và nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, HTQT.

BỘ TRƯỞNG**Nguyễn Kim Sơn**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH SO SÁNH

NỘI DUNG	Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
Việc xây dựng Nghị định	Mục đích: Tạo ra một Khung pháp lý riêng và rõ ràng để tiếp nhận và quản lý người nước ngoài làm việc tại các cơ sở giáo dục (CSGD) Việt Nam. Đây là lĩnh vực này có tính đặc thù cao, đòi hỏi chất lượng nhân sự khắt khe và có ảnh hưởng lớn đến thể hệ tương lai, do đó không thể áp dụng chung chung các quy định về lao động phổ thông. Trước đây, việc quản lý người nước ngoài làm việc trong lĩnh vực giáo dục nằm rải rác ở nhiều văn bản khác nhau (<i>Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn, Luật Giáo dục, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, Luật Nhà giáo và các văn bản hướng dẫn thi hành</i>). Việc ban hành một Nghị định riêng nhằm hợp nhất và làm rõ các quy định, tạo ra một hành lang pháp lý thống nhất, dễ tra cứu và áp dụng cho cả CSGD và người nước ngoài đồng thời quản lý nhóm đối tượng người nước ngoài làm việc trong lĩnh vực giáo dục. Đây là Nghị định thực hiện cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc tại Việt Nam.
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Nghị định này quy định về việc người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam, bao gồm quy định các trường hợp không thuộc diện cấp giấy phép lao động, yêu cầu đối với các cơ sở giáo dục và người nước ngoài, trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, thu hồi và hủy giấy xác nhận người	Điều 1 xác định rõ phạm vi điều chỉnh của Nghị định, tập trung vào việc quản lý người nước ngoài vào làm việc trong lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam với ba nhóm vấn đề chính: (i) Các quy định liên quan đến trường hợp không thuộc diện cấp giấy phép lao động và thủ tục hành chính về cấp, gia hạn, thu hồi, hủy giấy xác nhận.

NỘI DUNG		Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động khi vào Việt Nam làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam. 2. Yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ, kinh nghiệm chuyên môn đối với người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam. 3. Quy định về trách nhiệm và quyền hạn của người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục Việt Nam và của các cơ sở giáo dục tuyển dụng, sử dụng người nước ngoài.		(ii) Các yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ, kinh nghiệm chuyên môn đối với người nước ngoài tham gia quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật. (iii) Các quy định về quyền hạn, trách nhiệm của người nước ngoài và của cơ sở giáo dục tiếp nhận, sử dụng họ. Qua các hoạt động khảo sát, lấy ý kiến của các CSGD, có một thực tế rằng các thủ tục xin cấp giấy phép lao động hiện đang thực hiện phức tạp và tốn thời gian, gây cản trở cho việc thu hút các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý giáo dục chất lượng cao. Do đó, khoản này tạo ra một cơ chế đặc thù là miễn giấy phép lao động cho chuyên gia với thủ tục linh hoạt và đơn giản hơn đồng thời cũng quy định điều kiện, trình tự, thủ tục nhằm quản lý chặt chẽ đối ngũ này. Đây là một chính sách ưu đãi nhằm tăng tính hấp dẫn của môi trường giáo dục Việt Nam. Khoản 1 đưa ra một con đường thuận lợi để tiếp nhận chuyên gia, thì ở Khoản 2 sẽ đảm bảo chất lượng cho đội ngũ chuyên gia được miễn giấy phép lao động theo quy định ở khoản 1. Mục đích là để ngăn chặn tình trạng người nước ngoài không đủ trình độ chuyên môn lợi dụng chính sách thông thoáng để vào làm việc trong các CSGD, gây ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng đào tạo và uy tín của giáo dục Việt Nam. Quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên nhằm ràng buộc trách nhiệm của các bên liên quan trong việc tiếp nhận, sử dụng và quản lý chuyên gia nước ngoài làm việc tại các CSGD Việt Nam.
Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Nghị định này áp dụng đối với: a) Các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học và các trường thuộc cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, các trường chuyên biệt và cơ sở giáo dục khác (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục); cơ quan, tổ chức và các cá		Điều 2 xác định rõ những đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định và không thuộc phạm vi điều chỉnh đảm bảo tính toàn diện, tránh chồng chéo với các quy định pháp luật khác. 1. Điểm a liệt kê toàn diện các CSGD và tổ chức liên quan nhằm đảm bảo sự quản lý thống nhất và bao quát không một loại hình CSGD nào của Việt Nam bị bỏ sót. Điều này tạo ra một mặt bằng pháp lý chung, áp dụng thông nhất trên toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân.

NỘI DUNG		Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
nhân có liên quan đến việc tuyên dụng, sử dụng người nước ngoài trong giáo dục, đào tạo tại Việt Nam; tổ chức, cá nhân trong nước liên kết với người nước ngoài vào Việt Nam vào làm việc trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; b) Người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục theo các hình thức ký hợp đồng lao động, là chuyên gia hoặc tình nguyện viên tham gia các chương trình, dự án hợp tác giáo dục, đào tạo. 2. Nghị định này không áp dụng đối với các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động dưới hình thức phân hiệu tại Việt Nam.		2. Điểm b xác định cụ thể tính chất công việc của người nước ngoài làm việc tại Việt Nam (làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu, chuyên gia, tình nguyện viên) được áp dụng nhằm mục đích tập trung vào đúng đối tượng cần điều chỉnh. Đây là điểm để tách biệt nhóm chuyên gia, học giả này với các lao động nước ngoài ở lĩnh vực khác (ví dụ: lao động phổ thông, quản lý doanh nghiệp...). Việc này cho phép xây dựng các chính sách đặc thù (như miễn giấy phép lao động) chỉ dành riêng cho nhóm đối tượng cần thu hút trong lĩnh vực giáo dục, thay vì áp dụng đại trà.
Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Người nước ngoài là người mang giấy tờ xác định quốc tịch của nước khác không phải quốc tịch Việt Nam. 2. Chuyên gia nước ngoài là người nước ngoài có chuyên môn cao, có kinh nghiệm tham gia giảng dạy, thực hiện các dự án, chương trình hợp tác về giáo dục và đào tạo, các chương trình nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục Việt Nam. 3. Tình nguyện viên là người nước ngoài làm việc tại các cơ sở giáo dục Việt Nam theo hình thức tự nguyện, không hưởng lương thông qua các dự án, chương trình hợp tác về giáo dục và đào tạo và các điều ước, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là thành viên. 4. Nhà quản lý là người nước ngoài đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo, chịu trách nhiệm điều hành tại cơ sở giáo dục hoặc các đơn vị chức năng có liên quan đến hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật và hợp tác quốc tế.	Điều 3 quy định về định nghĩa các khái niệm: Chuyên gia, tình nguyện viên, nhà quản lý để đảm bảo tính rõ ràng, nhất quán, tránh việc lạm dụng hoặc hiểu sai các nhóm đối tượng. 1. Chuyên gia không chỉ giới hạn ở việc "giảng dạy" mà còn bao gồm cả thực hiện các dự án, chương trình hợp tác về giáo dục và đào tạo, các chương trình nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục Việt Nam. Quy định nhằm bao quát tất cả các hoạt động chuyên môn, học thuật chất lượng cao mà Việt Nam muốn thu hút, thay vì chỉ tập trung vào vai trò giáo viên truyền thống. 2. Tình nguyện viên là chuyên gia "tự nguyện" và "không hưởng lương". Quy định nhằm phân biệt rõ với lao động có trả lương tạo ra một hành lang pháp lý riêng cho các hoạt động phi lợi nhuận, mang tính công hiến. Việc định nghĩa chặt chẽ như vậy giúp ngăn chặn tình trạng lạm dụng danh nghĩa "tình nguyện viên" để trốn tránh các nghĩa vụ về hợp đồng lao động, thuế, bảo hiểm xã hội và các quy định về giấy phép lao động. Nó bảo vệ cả người lao động và đảm bảo sự minh bạch trong quản lý. 3. Nhà quản lý: Xác định nhóm nhân sự cấp cao, có vai trò chiến lược tập trung vào các chức vụ "lãnh đạo, điều hành". Lý do là vì nhóm đối	

NỘI DUNG	Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
Điều 4. Nguyên tắc quản lý người nước ngoài làm việc tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam 1. Người nước ngoài phải tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. 2. Người nước ngoài phải tôn trọng văn hóa, truyền thống, môi trường học thuật tại Việt Nam; ứng xử văn hóa, phù hợp với thuần phong mỹ tục và văn hóa giáo dục của Việt Nam; không được lợi dụng hoạt động nghề nghiệp gây ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết toàn dân tộc, trái với quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam. 3. Việc tuyển dụng, sử dụng người nước ngoài phải đảm bảo chủ quyền độc lập, an ninh quốc gia và không để bị lợi dụng vào mục đích trái pháp luật. 4. Chỉ tiếp nhận người nước ngoài đối với vị trí công việc, chuyên môn mà lao động trong nước chưa đáp ứng hoặc cần bổ sung để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu. 5. Nhà nước tôn trọng và tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục, đặc biệt là các cơ sở giáo dục đại học thực hiện quyền tự chủ trong việc quyết định nhu cầu, lựa chọn, đàm phán, ký kết hợp đồng, thỏa thuận hợp tác và sử dụng người nước ngoài theo quy định của pháp luật. 6. Việc quản lý người nước ngoài trong cơ sở giáo dục được thực hiện thống nhất, có sự phối hợp giữa cơ quan quản lý giáo dục, cơ quan lao động, cơ quan xuất nhập cảnh và chính quyền địa phương.	tương này có những yêu cầu, trách nhiệm và quy trình bổ nhiệm khác biệt so với giảng viên hay nhà nghiên cứu thông thường. Việc tách bạch "Nhà quản lý" thành một thuật ngữ riêng là cơ sở để xây dựng các quy định đặc thù về tiêu chuẩn, điều kiện (như đã thấy ở Điều 6 của dự thảo) và thẩm quyền cho nhóm nhân sự giữ vai trò quan trọng này trong các CSGD. 1. Quy định những nguyên tắc cơ bản nhằm thiết lập một khung khổ pháp lý và đạo đức toàn diện, định hướng toàn bộ hoạt động quản lý người nước ngoài trong các cơ sở giáo dục tại Việt Nam. - Quy định nhằm đảm bảo rằng việc thu hút người nước ngoài không ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh, trật tự, văn hóa và chính trị quốc gia. - Tạo cơ chế cân bằng giữa việc mở cửa của hội nhập để tận dụng nguồn lực quốc tế, vừa kiểm soát chặt chẽ để tránh bị lợi dụng. - Tăng cường quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục, đặc biệt là đại học, theo xu hướng đổi mới quản trị giáo dục. - Thiết lập sự phối hợp liên ngành nhằm quản lý đồng bộ và hiệu quả. 2. Quy định nguyên tắc nhằm tối các tác động dự kiến - Đối với người nước ngoài: Nhận thức rõ nghĩa vụ tuân thủ pháp luật và văn hóa Việt Nam, tạo điều kiện hội nhập thuận lợi. - Đối với cơ sở giáo dục: Có cơ sở pháp lý để chủ động tuyển dụng, nhưng vẫn phải đảm bảo an ninh, minh bạch và hiệu quả. - Đối với Nhà nước: Duy trì được sự kiểm soát thống nhất, tránh tình trạng mỗi địa phương hay cơ quan áp dụng khác nhau, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong quá trình hội nhập quốc tế.

NỘI DUNG		Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
7. Nghị định này quy định các trường hợp đặc thù cho người nước ngoài làm việc trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Các quy định tại Nghị định này sẽ được ưu tiên áp dụng. Các vấn đề không được quy định tại Nghị định này sẽ thực hiện theo các quy định pháp luật chung về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.		
Chương II NGƯỜI NƯỚC NGOÀI KHÔNG THUỘC ĐIỆN CẤP GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG; CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI VÀ CƠ SỞ GIÁO DỤC CỦA VIỆT NAM		Chương II được thiết kế để cải cách thủ tục tiếp nhận chuyên gia nước ngoài
Điều 5. Các trường hợp không thuộc diện cấp giấy phép lao động 1. Người nước ngoài thuộc đối tượng được quy định tại Điều 7 của Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 7 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. 2. Người nước ngoài thuộc đối tượng được quy định tại mục I, mục II, điểm 01, điểm 02 mục III, mục V của Phụ lục I của Nghị định số 221/2025/NĐ-CP ngày 8 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về việc miễn thị thực có thời hạn cho người nước ngoài thuộc đối tượng đặc biệt cần ưu đãi phục vụ phát triển kinh tế xã hội vào Việt Nam làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam. 3. Người nước ngoài có trình độ chuyên môn hoặc có uy tín, danh tiếng quốc tế trong lĩnh vực chuyên môn được cơ sở giáo dục Việt Nam mời thực hiện hoạt động giảng dạy, hướng dẫn nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức. 4. Người nước ngoài là chuyên gia có 03 năm kinh nghiệm trong một lĩnh vực chuyên ngành nhất định, được mời hoặc cử đến Việt Nam để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn bao gồm soạn chương trình giáo dục và đào tạo; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo		Điều 5 liệt kê đặc thù trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo ngoài các trường hợp được quy định trong Nghị định số 219/2025/NĐ-CP về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và Nghị định số 221/2025/NĐ-CP, phục vụ phát triển kinh tế – xã hội trong lĩnh vực giáo dục mà người nước ngoài không phải xin cấp giấy phép lao động khi làm việc tại Việt Nam, cụ thể: Quy định này nhằm mục tiêu: - Bổ sung và cụ thể hóa các trường hợp ngoại lệ được miễn giấy phép lao động trong lĩnh vực giáo dục, phù hợp với thông lệ quốc tế và nhu cầu đặc thù của Việt Nam. Tạo sự đồng bộ và thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và thể hiện định hướng ưu tiên thu hút nhân tài quốc tế vào lĩnh vực giáo dục, đào tạo, nghiên cứu. - Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho chuyên gia, nhà khoa học quốc tế đến làm việc tại Việt Nam. - Khuyến khích sự tham gia của những cá nhân có học hàm, học vị cao, có uy tín quốc tế nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và nghiên cứu. - Xác định rõ những vị trí, trường hợp được miễn để tránh lạm dụng, đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho cơ quan quản lý nhà nước trong kiểm tra, giám sát.

NỘI DUNG		Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
đục; hỗ trợ xây dựng hệ thống đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tham gia các chương trình trao đổi học thuật, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trình bày học thuật tại hội thảo, hội nghị, lớp chuyên đề trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. 5. Nhà quản lý là người nước ngoài đảm nhiệm các chức danh hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, trưởng khoa và các chức danh điều hành chuyên môn theo quy định của pháp luật. 6. Người nước ngoài có trình độ tiến sĩ hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư, viện sĩ làm công tác quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật.		Quy định này giúp: - Đối với người nước ngoài: giảm bớt rào cản pháp lý, tạo điều kiện nhanh chóng để tham gia giảng dạy, nghiên cứu, chuyển giao tri thức. - Đối với cơ sở giáo dục: thuận lợi trong việc mời gọi và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, kịp thời đáp ứng nhu cầu phát triển. - Đối với Nhà nước: bảo đảm cân bằng giữa thu hút nhân lực quốc tế và duy trì sự kiểm soát trong quản lý, tránh nguy cơ bị lợi dụng cho mục đích trái pháp luật.
Điều 6. Yêu cầu về trình độ chuyên môn đối với người nước ngoài làm công tác quản lý tại các cơ sở giáo dục 1. Đối với người nước ngoài làm quản lý tại các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên a) Có bằng cử nhân về quản lý, quản lý giáo dục hoặc liên quan đến quản lý, quản lý giáo dục và ít nhất hai (02) năm kinh nghiệm trong công tác quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên; b) Không yêu cầu kinh nghiệm đối với người có trình độ tiến sĩ hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư, viện sĩ; c) Có năng lực ngoại ngữ giao tiếp và quản lý tại các cơ sở giáo dục ưu tiên sử dụng thành thạo tiếng Anh. 2. Đối với người nước ngoài làm quản lý tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Điều 6 là để thiết lập một khung tiêu chuẩn chất lượng tối thiểu và rõ ràng cho các vị trí lãnh đạo, quản lý người nước ngoài trong toàn bộ hệ thống giáo dục Việt Nam. Đảm bảo rằng các vị trí "thuyền trưởng" trong các CSGD phải được trao cho những người không chỉ có bằng cấp mà còn có kinh nghiệm thực tiễn và các kỹ năng phù hợp với yêu cầu phức tạp của từng cấp học. Đặt ra chuẩn đầu vào cho người nước ngoài muốn tham gia quản lý cơ sở giáo dục tại Việt Nam nhằm bảo đảm rằng chỉ những người có năng lực chuyên môn, học vấn và kinh nghiệm phù hợp mới được tuyển dụng, tránh tình trạng tuyển dụng tùy tiện. Đồng thời, tạo sự minh bạch, khách quan và có thể kiểm chứng khi xét duyệt hồ sơ của ứng viên nước ngoài. Điều này giúp cho CSGD có cơ sở pháp lý rõ ràng để lựa chọn, tuyển dụng và sử dụng người quản lý nước ngoài và người nước ngoài cũng có chuẩn bị trước có lộ trình, điều kiện rõ ràng để chuẩn bị hồ sơ, bằng cấp và chứng chỉ trước khi sang Việt Nam làm việc. Đối với Nhà nước đảm bảo tính đồng bộ trong quản lý, góp phần nâng cao chất lượng quản trị cơ sở giáo dục trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa.	

NỘI DUNG	Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
a) Có bằng thực sĩ phù hợp với lĩnh vực quản lý, tương ứng với vị trí công tác được đảm nhiệm hoặc người có trình độ tiến sĩ hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư, viện sĩ; b) Có ít nhất hai (02) năm kinh nghiệm quản lý cơ sở, tổ chức giáo dục thực hiện đào tạo các trình độ giáo dục nghề nghiệp hoặc có kinh nghiệm trong công tác quản lý giáo dục đối với người có trình độ tiến sĩ quản lý giáo dục hoặc các ngành liên quan; c) Có năng lực ngoại ngữ giao tiếp và quản lý tại các cơ sở giáo dục, ưu tiên sử dụng thành thạo tiếng Anh. 3. Đối với người nước ngoài làm quản lý tại các cơ sở giáo dục đại học a) Có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với lĩnh vực quản lý, tương ứng với vị trí công tác được đảm nhiệm hoặc người có trình độ tiến sĩ hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư, viện sĩ; b) Có ít nhất hai (02) năm kinh nghiệm trong công tác quản lý các cơ sở giáo dục đại học hoặc có kinh nghiệm trong công tác quản lý giáo dục đối với người có trình độ tiến sĩ quản lý giáo dục hoặc các ngành liên quan. c) Có năng lực ngoại ngữ giao tiếp và quản lý tại các cơ sở giáo dục, ưu tiên sử dụng thành thạo tiếng Anh.	- Yêu cầu Bằng Thạc sĩ trở lên đảm bảo năng lực quản trị chuyên nghiệp: có một nền tảng kiến thức vững chắc về quản lý, quản trị có tư duy hệ thống và kiến thức chuyên sâu, điều mà một chương trình sau đại học có thể cung cấp. - Yêu cầu kinh nghiệm thực tiễn (ít nhất 02 năm) đảm bảo người quản lý ngoại lý thuyết cần phải có kỹ năng xử lý các tình huống thực tế, đã từng trải qua công tác điều hành và hiểu được cách vận hành của một tổ chức giáo dục tránh rủi ro bỏ nhiệm những người chỉ có bằng cấp mà thiếu năng lực lãnh đạo thực tế. - Phân loại yêu cầu phù hợp với tính chất từng cấp học, giữa khối mầm non/phổ thông và khối giáo dục nghề nghiệp/đại học vì tính chất và độ phức tạp trong quản lý của hai khối này là khác nhau. Đối với Mầm non, Phổ thông (Khảo 1): Yêu cầu tập trung vào bằng cấp về quản lý giáo dục và kinh nghiệm quản lý chung do công tác quản lý ở cấp này chủ yếu liên quan đến vận hành trường học, quản lý giáo viên và chương trình giảng dạy. Đối với Giáo dục nghề nghiệp, Đại học (Khảo 2): Yêu cầu được đặt ra cao và chi tiết hơn: Bằng cấp phải "phù hợp với lĩnh vực quản lý" là do ở bậc đại học, người quản lý (ví dụ: trưởng khoa) cần có chuyên môn sâu về chính lĩnh vực họ phụ trách (kinh tế, kỹ thuật...) để có thể định hướng chiến lược về đào tạo và nghiên cứu và yêu cầu năng lực ngoại ngữ vì môi trường đại học và giáo dục nghề nghiệp có tính quốc tế hóa rất cao, đòi hỏi nhà quản lý phải có khả năng làm việc, đàm phán, hợp tác với các đối tác và học giả quốc tế.
Điều 7. Yêu cầu về trình độ học vấn và chuyên môn đối với người nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật tại các CSGD 1. Người nước ngoài giảng dạy tại các CSGD mầm non, CSGD phổ thông, CSGD thường xuyên	Điều 7 nhằm thiết lập một bộ tiêu chuẩn chất lượng chuyên môn bắt buộc tối thiểu bằng với giáo viên, giảng viên Việt Nam. Đây là quy định đóng vai trò là "bộ lọc" để đảm bảo chất lượng của đội ngũ giảng viên và nhà nghiên cứu nước ngoài tại Việt Nam nhằm bảo vệ người học và nâng cao uy tín của nền giáo dục quốc gia.

NỘI DUNG	Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
a) Có bằng thạc sĩ chuyên ngành sư phạm hoặc chuyên ngành phù hợp với môn học được phân công giảng dạy; b) Trường hợp có bằng cấp không thuộc lĩnh vực sư phạm thì phải có chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ sư phạm hoặc tương đương; c) Có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn hiệu lực, phù hợp với ngôn ngữ giảng dạy trong chương trình học (nếu giảng dạy bằng tiếng nước ngoài); d) Có kinh nghiệm giảng dạy, làm việc phù hợp với vị trí công tác tại các CSGD, ưu tiên người có kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực giáo dục. 2. Người nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật tại các CSGD nghề nghiệp, CSGD đại học a) Có bằng tiến sĩ trở lên, chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực giảng dạy, nghiên cứu hoặc trao đổi học thuật được phân công; b) Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu tại các CSGD đại học hoặc viện nghiên cứu có uy tín ở nước ngoài; c) Có công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế có bình duyệt, có sách hoặc chương sách đã xuất bản hoặc đã tham gia các đề tài, dự án, chương trình nghiên cứu có giá trị chuyên môn thực tiễn; d) Ưu tiên người có chức danh giáo sư, phó giáo sư, viện sĩ; đ) Trường hợp đặc biệt, có thể xem xét chấp thuận đối với cá nhân chưa đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều này nhưng có năng lực chuyên môn đặc biệt, có bằng sáng chế hoặc có các giải thưởng khoa học, có đóng góp thực tế được chứng minh, được tổ chức giáo dục quốc tế uy tín đề cử hoặc trong chương trình hợp tác cấp chính phủ, được xác nhận từ cơ quan có thẩm quyền.	1. Đối với Mầm non và Phổ thông (Khoản 1) mục tiêu là đảm bảo giáo viên không chỉ giỏi về kiến thức mà còn phải vững về kỹ năng giảng dạy. - Bằng Thạc sĩ và Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm: Yêu cầu bằng Thạc sĩ là để đảm bảo giáo viên có kiến thức chuyên sâu về môn học mình dạy và kỹ năng sư phạm, biết cách quản lý lớp học và xây dựng bài giảng phù hợp với tâm lý lứa tuổi học sinh. - Chứng chỉ ngoại ngữ và Kinh nghiệm: Yêu cầu "chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế" và kinh nghiệm là để đảm bảo chất lượng ngôn ngữ khi giảng dạy bằng tiếng nước ngoài tránh ảnh hưởng đến khả năng ngôn ngữ của học sinh. 2. Đối với Giáo dục nghề nghiệp và Đại học (Khoản 2) ở hai bậc học này yêu cầu không chỉ tập trung vào việc "dạy" mà còn cả "nghiên cứu" và "sáng tạo tri thức". - Bằng Tiến sĩ, công trình nghiên cứu khoa học: Tiến sĩ là tiêu chuẩn vàng toàn cầu cho giảng viên đại học, đảm bảo họ là chuyên gia ở bậc cao nhất trong lĩnh vực của mình. Trường hợp chuyên gia nước ngoài có "công trình nghiên cứu khoa học được công bố" là minh chứng họ là những nhà khoa học thực thụ, đang tích cực đóng góp vào tri thức của nhân loại. Điều này giúp thúc đẩy văn hóa nghiên cứu và nâng cao thứ hạng của các trường đại học Việt Nam. - Yêu cầu kinh nghiệm làm việc tại các viện, trường uy tín ở nước ngoài giúp đảm bảo giảng viên đã quen với môi trường học thuật. - Việc "ưu tiên người có chức danh giáo sư, phó giáo sư" là một chính sách rõ ràng nhằm thu hút những bộ óc hàng đầu thế giới, những người có thể dẫn dắt các nhóm nghiên cứu mạnh và nâng tầm uy tín cho nhà trường. - Quy định về "Trường hợp đặc biệt" ở điểm d) cho thấy sự linh hoạt, không bỏ lỡ những nhân tài kiệt xuất nhưng có con đường sự nghiệp không theo truyền thống (ví dụ: một nhà phát minh có nhiều bằng sáng chế nhưng

NỘI DUNG	Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
Điều 8. Quyền hạn, trách nhiệm của người nước ngoài 1. Quyền hạn của người nước ngoài a) Được làm việc tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định này; b) Được tham gia làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật theo đúng vị trí việc làm, trình độ chuyên môn và hợp đồng hoặc thỏa thuận đã ký; c) Được tham gia hợp tác, trao đổi học thuật, hội thảo quốc tế tại Việt Nam theo lời mời hoặc thỏa thuận hợp tác của cơ sở giáo dục; d) Được hưởng đầy đủ mức lương, thù lao, chế độ bảo hiểm, điều kiện sinh hoạt, y tế, cư trú theo hợp đồng hoặc thỏa thuận theo quy định; đ) Được cư trú và đi lại hợp pháp theo quy định pháp luật hiện hành; được cấp thị thực, thẻ tạm trú phục vụ mục đích làm việc, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật. 2. Trách nhiệm của người nước ngoài a) Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; b) Thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu, trao đổi học thuật theo đúng chương trình, nội dung, khối lượng công việc quy định trong hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở giáo dục Việt Nam; c) Tôn trọng văn hóa, truyền thống, môi trường giáo dục, môi trường học thuật tại Việt Nam; ứng xử văn hóa, phù hợp với thuần phong mỹ tục và văn hóa giáo dục của Việt Nam trong thời gian làm việc tại Việt Nam;	không có bằng Tiến sĩ, hoặc một chuyên gia được giải thưởng danh giá). Điều khoản này cho phép một sự xem xét toàn diện hơn, dựa trên đóng góp thực tế thay vì chỉ dựa vào bằng cấp.
	Điều 8 là để thiết lập một khung pháp lý hai chiều, cân bằng và minh bạch cho người nước ngoài khi làm việc trong lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam. Điều này nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của người nước ngoài đồng thời đặt ra trách nhiệm bắt buộc khi làm việc tại Việt Nam vừa giúp thu hút nhân tài, vừa đảm bảo an ninh, trật tự và chủ quyền quốc gia. 1. Quy định về "Quyền hạn" (Khoản 1) như một lời cam kết của nhà nước Việt Nam nhằm tạo ra một môi trường làm việc hấp dẫn, an toàn và chuyên nghiệp. Đảm bảo sự an tâm về pháp lý và nghề nghiệp, sự công bằng và điều kiện sống. Đây là yếu tố then chốt để cạnh tranh và thu hút các chuyên gia, học giả chất lượng cao trên toàn cầu. 2. Lý do quy định về "Trách nhiệm" (Khoản 2) Trách nhiệm phải tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam, các trách nhiệm như thực hiện đúng hợp đồng, cung cấp hồ sơ trung thực, và giữ gìn đạo đức nhà giáo, tôn trọng văn hóa, truyền thống và thuần phong mỹ tục của Việt Nam; trách nhiệm chấp hành các quy định về xuất nhập cảnh và thực hiện nghĩa vụ thuế ... Khoản này là về đối trọng, thể hiện các yêu cầu bắt buộc mà người nước ngoài phải tuân thủ để được hưởng các quyền lợi nêu trên. Đây là công cụ để nhà nước bảo vệ lợi ích quốc gia và duy trì trật tự xã hội.

NỘI DUNG	Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
d) Chấp hành các quy định về quản lý lao động nước ngoài, quy định xuất nhập cảnh đối với người nước ngoài tại Việt Nam; không được ở lại, làm việc tại Việt Nam nếu không có giấy phép lao động hợp lệ hoặc không thuộc diện được miễn giấy phép lao động theo quy định của pháp luật; đ) Cung cấp đầy đủ và trung thực hồ sơ cá nhân, lý lịch, văn bằng, chứng chỉ chứng minh đáp ứng điều kiện không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho cơ sở giáo dục hoặc tổ chức mời tại Việt Nam. e) Thực hiện nghĩa vụ về các loại thuế, phí, thuế thu nhập cá nhân (nếu có) theo quy định hiện hành.	
Điều 9. Quyền hạn, trách nhiệm của cơ sở giáo dục của Việt Nam 1. Quyền hạn của cơ sở giáo dục của Việt Nam a) Cơ sở giáo dục được tuyển dụng, sử dụng người nước ngoài phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục, nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức và đổi mới sáng tạo, đặc biệt trong các ngành khoa học, công nghệ ưu tiên, mũi nhọn của quốc gia; việc tuyển dụng, sử dụng, ký kết hợp đồng, thỏa thuận hợp tác, thực hiện các chế độ đãi ngộ đối với người nước ngoài phải được thực hiện trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trái với quy định của pháp luật. b) Chủ động trong việc xác định nhu cầu, lĩnh vực, vị trí, trình độ và thời gian sử dụng người nước ngoài cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật. 2. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục của Việt Nam a) Xây dựng quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý người nước ngoài vào giảng dạy, giáo dục, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật. Bảo đảm điều kiện sử dụng người nước ngoài phù hợp với mục tiêu giáo dục, đào tạo, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật; Việc tuyển dụng, sử dụng người nước ngoài phải được thực hiện trên nguyên	Điều 9 quy định nhằm trao quyền tự chủ cho các CSGD và ràng buộc trách nhiệm giải trình tương xứng. Bảo đảm cơ sở giáo dục không chỉ được quyền chủ động trong tuyển dụng, đồng thời cũng phải tuân thủ quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Tránh tình trạng buông lỏng quản lý, tuyển dụng không minh bạch hoặc lợi dụng người nước ngoài vào mục đích ngoài giáo dục. 1. Quy định về "Quyền hạn" (Khoản 1) trao quyền tự quyết cho các CSGD để họ có thể phát triển một cách linh hoạt và cạnh tranh. 2. Quy định về "Trách nhiệm" (Khoản 2) Yêu cầu thiết lập cơ chế quản trị nội bộ trong tuyển dụng nhân sự, đảm bảo sự công bằng, minh bạch và chuyên nghiệp, trách nhiệm trong việc tuyển dụng, sử dụng chuyên gia, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của chuyên gia nước ngoài, trách nhiệm quản lý chuyên gia nước ngoài từ lúc họ đến cho tới khi rời đi và thực hiện báo cáo định kỳ ... đảm bảo các CSGD phải hoạt động trong một khuôn khổ minh bạch và chịu sự giám sát của nhà nước.

NỘI DUNG	Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trái với quy định của pháp luật. b) Xác định nhu cầu và bảo đảm điều kiện sử dụng người nước ngoài phù hợp với mục tiêu giáo dục, đào tạo, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật; c) Việc mời, tuyển dụng và sử dụng người nước ngoài phải được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy định, đúng mục đích đã đăng ký; không sử dụng người nước ngoài vào các hoạt động trái pháp luật, ngoài phạm vi chuyên môn hoặc vượt quá thời gian cho phép. d) Bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của người nước ngoài về tiền lương, chế độ đãi ngộ, điều kiện làm việc, sinh hoạt, an ninh và phúc lợi xã hội, sở hữu trí tuệ và các quyền khác được quy định trong hợp đồng hoặc thỏa thuận hợp tác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế; đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về người nước ngoài do cơ sở giáo dục mời, tiếp nhận, tuyển dụng, sử dụng và quản lý người nước ngoài kể từ thời điểm người nước ngoài có mặt tại Việt Nam cho tới khi rời khỏi Việt Nam do hết thời hạn của giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động hoặc chấm dứt hợp đồng hoặc chấm dứt thỏa thuận hợp tác; chịu trách nhiệm báo cáo, giải trình về hiệu quả sử dụng người nước ngoài cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định hiện hành; e) Cơ sở giáo dục đại học chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của văn bằng, chứng chỉ và điều kiện làm việc của chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài theo quy định của pháp luật.	
Chương III THĂM QUYỀN, THỦ TỤC CẤP, GIA HẠN, THU HỒI VÀ HỦY XÁC NHẬN KHÔNG THUỘC DIỆN CẤP GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG	Chương III nhằm hiện thực hóa và vận hành các chính sách miễn giấy phép lao động cho chuyên gia nước ngoài. Mục đích chính là tạo ra một quy trình hành chính rõ ràng, minh bạch đảm bảo việc cấp xác nhận miễn giấy phép lao động được thực hiện một cách thông nhất và đúng pháp luật trên cả nước.

NỘI DUNG		Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
Điều 10. Thẩm quyền cấp xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động 1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo cấp xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động (sau đây gọi là Giấy xác nhận) cho người nước ngoài làm quản lý, giảng dạy, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo. 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học từ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này; các trường hợp người nước ngoài vào làm việc tại các cơ sở giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động được miễn thủ tục hành chính cấp giấy xác nhận tại cấp có thẩm quyền ở địa phương. 3. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng cấp xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng. 4. Hiệu trưởng, Giám đốc một số cơ sở giáo dục đại học trọng điểm do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định (sau đây gọi chung là Hiệu trưởng) được phép xác nhận trường hợp chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài có trình độ tiến sĩ được mời làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật đối với cơ sở giáo dục của mình không thuộc diện cấp giấy phép lao động. Việc xác nhận của cơ sở giáo dục đại học được miễn thủ tục hành chính cấp giấy xác nhận tại cấp có thẩm quyền ở địa phương.		Điều 10 phân định rõ các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong việc cấp xác nhận cho người nước ngoài làm việc tại cơ sở giáo dục Việt Nam mà không thuộc diện cấp giấy phép lao động tránh chồng chéo hoặc bỏ sót đối tượng. Điều này được xây dựng nhằm mục đích Tạo hành lang pháp lý để phân cấp, tăng cường tính tự chủ cho cơ sở giáo dục, đặc biệt là đại học trọng điểm. Việc phân cấp, phân quyền một cách khoa học, đảm bảo hồ sơ được xử lý bởi cơ quan phù hợp nhất, giảm tải thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở giáo dục và người nước ngoài. Vừa mở rộng quyền tự chủ cho các trường đại học, vừa bảo đảm quản lý chặt chẽ ở các lĩnh vực nhạy cảm (an ninh – quốc phòng).
Điều 11. Quy trình, hồ sơ, trình tự thủ tục đề nghị xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động		1. Thống nhất với các văn bản khác như: Nghị định số 219/2025/NĐ-CP đồng thời cụ thể hóa quy trình, hồ sơ, thủ tục nhằm bảo đảm tính minh

NỘI DUNG	Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
1. Quy trình xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động a) Người nước ngoài có trình độ tiến sĩ hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư, viện sĩ và người nước ngoài quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 10 Nghị định này thực hiện thủ tục cấp, gia hạn, thu hồi và hủy giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy trình thủ tục quy định tại Nghị định này. b) Người nước ngoài không quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này thực hiện thủ tục cấp, gia hạn, thu hồi và hủy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy trình thủ tục quy định tại Nghị định số 219/2025/NĐ-CP. c) Các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự trong trường hợp được cấp bởi các quốc gia đã ký kết hiệp định tương trợ tư pháp với Việt Nam về vấn đề này, hoặc trong các trường hợp khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trên cơ sở phối hợp với Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Hồ sơ đề nghị xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động a) Văn bản đề nghị xác nhận người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; b) Hộ chiếu còn thời hạn ít nhất sáu (06) tháng và nhiều hơn thời hạn ký hợp đồng hoặc thỏa thuận hợp tác; c) Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ban hành đến ngày nộp hồ sơ. Trong trường hợp giấy khám sức khỏe do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp phải đảm bảo không mắc bệnh truyền nhiễm có nguy cơ lây lan ra cộng đồng theo hướng dẫn của Bộ Y tế; d) Giấy tờ chứng minh người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là một trong các giấy tờ sau:	bach và khả thi. Việc chia thành 2 nhóm đối tượng áp dụng giúp tránh chồng chéo giữa các văn bản pháp luật, thể hiện chính sách trọng dụng trí thức nước ngoài nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu và vị thế học thuật của Việt Nam: - nhóm người có trình độ cao như tiến sĩ, giáo sư, phó giáo sư, viện sĩ, nghệ nhân ... làm việc trong các CSGD Việt Nam do Nghị định này quản lý; - Các trường hợp khác thực hiện theo Nghị định 219/2025/NĐ-CP 2. Quy định rõ thành phần hồ sơ (Khoản 1): Việc liệt kê chi tiết các giấy tờ cần thiết giúp các CSGD có một "danh sách kiểm tra" (checklist) rõ ràng, tránh việc nộp hồ sơ thiếu sót, sai quy định phải đi lại nhiều lần. 3. Quy định thời hạn xử lý (Khoản 2): Đặt ra thời hạn cụ thể là một cam kết về chất lượng dịch vụ công. Điều này chống lại sự trì trệ, những nhiễu và giúp các trường chủ động lên kế hoạch nhân sự của mình. 4. Tạo cơ chế báo cáo linh hoạt (Khoản 3): Đối với các trường hợp làm việc rất ngắn hạn hoặc di chuyển giữa nhiều tỉnh, quy trình xin xác nhận có thể quá cồng kềnh. Do đó, cơ quan soạn thảo đã tạo ra một cơ chế báo cáo đơn giản hơn. Lý do là để giảm gánh nặng hành chính không cần thiết cho các hoạt động có tính linh hoạt cao, phù hợp với tính thần thu hút và tạo điều kiện cho chuyên gia.

NỘI DUNG	Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
Văn bản của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nước ngoài cử người nước ngoài kèm thỏa thuận của cơ sở giáo dục nước ngoài và cơ sở giáo dục của Việt Nam hoặc điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 154 của Bộ luật Lao động năm 2019 và hoặc một trong các trường hợp quy định tại Điều 5 Nghị định này; Văn bản chấp thuận hoặc hợp đồng mời làm việc, thỏa thuận hợp tác của cơ sở giáo dục Việt Nam trong đó ghi rõ thời gian làm việc, vị trí công tác, nội dung công việc; đ) Bảng cấp, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với công việc dự kiến đảm nhận được quy định tại Điều 7 Nghị định này. 3. Trình tự, thủ tục xác nhận người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động a) Trong thời hạn 30 ngày và không ít hơn 10 ngày tính đến ngày người nước ngoài dự kiến làm việc, cơ sở giáo dục sử dụng người nước ngoài có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền xác nhận người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động; b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, cơ quan có thẩm quyền xem xét xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; Trường hợp không xác nhận người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời cho cơ sở giáo dục biết và nêu rõ lý do; c) Các trường hợp quy định tại các khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 8 Điều 154 của Bộ luật Lao động hoặc vào Việt Nam làm việc có tổng thời gian dưới 90 ngày trong 01 năm, tính từ 01 tháng 01 đến ngày cuối cùng của năm không phải làm thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động nhưng phải báo cáo với cơ	

NỘI DUNG	Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
quan có thẩm quyền nơi người lao động nước ngoài dự kiến làm việc trước ít nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày người lao động nước ngoài dự kiến bắt đầu làm việc tại Việt Nam; Thông tin báo cáo gồm các nội dung cơ bản sau: họ và tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, số hộ chiếu, tên người sử dụng lao động nước ngoài, địa điểm làm việc và thời hạn làm việc. d) Các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 5 của Nghị định này được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Nghị định này xác nhận không thuộc diện cấp phép lao động, được miễn thủ tục hành chính cấp giấy xác nhận người lao động không thuộc diện cấp giấy phép lao động tại cấp có thẩm quyền tại địa phương; đ) Trường hợp người nước ngoài đã được xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động có nhu cầu làm việc cho một cơ sở giáo dục tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong thời gian không quá sáu (06) tháng thì trước ít nhất ba (03) ngày, cơ sở giáo dục phải báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền nơi người lao động nước ngoài dự kiến làm việc thông tin: họ và tên, tuổi, quốc tịch, số hộ chiếu, tên cơ sở giáo dục, ngày bắt đầu và ngày kết thúc làm việc.	
Điều 12 Thời hạn hiệu lực của giấy xác nhận người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động Thời hạn giấy xác nhận người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động tối đa là 02 năm.	Thời hạn đảm bảo theo quy định của Bộ Luật Lao động
Điều 13. Gia hạn Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động 1. Nguyên tắc gia hạn Việc gia hạn Giấy xác nhận phải được thực hiện trong thời hạn tối thiểu 20 ngày làm việc trước khi Giấy xác nhận hết thời hạn;	Tạo thuận lợi cho CSGD trong trường hợp tiếp tục sử dụng chuyên gia nước ngoài; giảm và đơn giản hoá thành phần hồ sơ giúp giảm thủ tục hành chính, chi phí thực hiện.

NỘI DUNG	Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
2. Điều kiện gia hạn Người nước ngoài được xem xét gia hạn Giấy xác nhận nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau: a) Tiếp tục thực hiện đúng vị trí làm việc theo các nội dung trong Giấy xác nhận đã được cấp; b) Có chương trình làm việc, giảng dạy, nghiên cứu khoa học cụ thể; c) Có báo cáo đánh giá kết quả làm việc của cơ sở giáo dục tiếp nhận, sử dụng người nước ngoài; d) Không thuộc trường hợp vi phạm pháp luật, bị xử lý hành chính hoặc bị cơ quan có thẩm quyền yêu cầu chấm dứt làm việc hoặc bị trục xuất về nước. 3. Hồ sơ đề nghị gia hạn a) Văn bản đề nghị gia hạn của cơ sở giáo dục gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cấp giấy xác nhận kèm theo Báo cáo đánh giá kết quả làm việc của người nước ngoài; b) Tài liệu chứng minh việc tiếp tục hợp tác bao gồm hợp đồng lao động hoặc thư xác nhận từ đối tác hoặc thỏa thuận hợp tác giữa các bên liên quan; c) Giấy tờ cư trú hợp lệ của người nước ngoài tại thời điểm gia hạn; d) Giấy chứng nhận sức khoẻ hoặc giấy khám sức khoẻ do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ban hành đến ngày nộp hồ sơ; đ) Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp. 4. Thẩm quyền, quy trình, thủ tục gia hạn	

NỘI DUNG	Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
a) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận thì có thẩm quyền gia hạn. Hồ sơ đề nghị gia hạn cần nộp cho cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Nghị định này; b) Cơ sở giáo dục nộp 01 bộ hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền được quy định tại Điều 10 Nghị định này qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp hoặc qua công dịch vụ công trực tuyến; Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ xin gia hạn, nếu hồ sơ không đáp ứng được những nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này, cơ quan có thẩm quyền thông báo cho cơ sở giáo dục để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận gia hạn. Trường hợp không gia hạn giấy xác nhận, cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do cho cơ sở giáo dục biết, thực hiện. 5. Thời hạn cấp gia hạn: giấy gia hạn không được quá hai (02) năm.	
Điều 14. Thu hồi và hủy Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động 1. Thu hồi và hủy Giấy xác nhận a) Thu hồi và hủy Giấy xác nhận một trong những trường hợp sau: Người nước ngoài chấm dứt làm việc trước thời hạn ghi trong Giấy xác nhận; Cơ sở giáo dục không còn nhu cầu sử dụng người nước ngoài; Hồ sơ đề nghị cấp có thông tin gian dối, giả mạo hoặc không đúng sự thật; Người nước ngoài có hành vi vi phạm pháp luật hoặc bị các cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.	Điều 14 nhằm thiết lập một cơ chế hậu, quản lý rủi ro, xử lý các vi phạm. 1. các trường hợp Thu hồi và Hủy (Khoản 1) Khi điều kiện ban đầu không còn tồn tại, khi có hành vi gian lận hoặc vi phạm 2. Trình tự, Thủ tục (Khoản 2) Khoản này được xây dựng để đảm bảo rằng việc thu hồi và hủy giấy xác nhận được tiến hành một cách bài bản, đúng quy trình, và có sự phối hợp chặt chẽ, thay vì thực hiện một cách tùy tiện.

NỘI DUNG	Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
b) Thẩm quyền thu hồi và hủy Giấy xác nhận Cơ quan có thẩm quyền thu hồi và hủy Giấy xác nhận là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cấp Giấy xác nhận. 2. Trình tự thủ tục thực hiện a) Khi phát hiện người nước ngoài vi phạm hoặc hồ sơ đề nghị cấp có thông tin không đúng sự thật quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá thực tế, lập biên bản kiểm tra, thông báo cho cơ sở giáo dục được biết về hành vi vi phạm của người nước ngoài; b) Trước ít nhất 10 ngày làm việc nhưng không quá 20 ngày trước khi hết thời hạn của Giấy xác nhận hoặc dự kiến đề nghị thu hồi Giấy xác nhận do không còn nhu cầu sử dụng người nước ngoài hoặc do người nước ngoài vi phạm pháp luật, cơ sở giáo dục gửi văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi và hủy giấy xác nhận của người nước ngoài được quy định tại Điều 10 Nghị định này qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp hoặc qua công dịch vụ công trực tuyến; c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo cho cơ sở giáo dục về hành vi vi phạm hoặc chấp thuận đề nghị của cơ sở giáo dục, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi và hủy Giấy xác nhận theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Phụ lục Nghị định này, thông báo bằng văn bản cho cơ sở giáo dục được biết, thực hiện; d) Trong vòng 10 ngày làm việc, sau khi nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc thu hồi và hủy Giấy xác nhận, cơ sở giáo dục phải thông báo cho người nước ngoài biết, thực hiện, đồng thời thông báo cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và cơ quan an ninh địa phương để biết, phối hợp và quản lý.	
Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN Điều 15. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chương này nhằm mục đích thiết lập một cơ chế trách nhiệm rõ ràng, phân cấp và phối hợp đồng bộ để đảm bảo Nghị định được triển khai hiệu quả từ trung ương đến địa phương.

NỘI DUNG		Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
1. Chỉ đạo, hướng dẫn việc quản lý người nước ngoài làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật trong cơ sở giáo dục trong phạm vi quản lý nhà nước; kiểm tra việc thực hiện quản lý người nước ngoài tại các địa phương, cơ sở giáo dục thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý nhà nước. 2. Nghiên cứu, đề xuất trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền chính sách nhằm nâng cao chất lượng, thu hút người nước ngoài vào làm việc, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật trong các cơ sở giáo dục của Việt Nam. 3. Nghiên cứu, ban hành danh mục các chứng chỉ giảng dạy ngoài ngữ quốc tế được công nhận để sử dụng tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam; hướng dẫn hoặc có quy trình xác định một số chứng chỉ về giảng dạy của nước ngoài tương đương với nghiệp vụ sư phạm của Việt Nam; ban hành danh sách các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm được phép cấp xác nhận người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động.		Điều 15: Xác định vai trò chủ trì của Bộ Giáo dục và Đào tạo Điều này đặt Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDDT) là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm cao nhất về mặt chuyên môn là đúng với chức năng và nhiệm vụ của Bộ. Tạo cơ sở pháp lý để Bộ GDDT vừa có quyền ban hành hướng dẫn, vừa có trách nhiệm kiểm tra, giám sát. Giao cho một đầu mối là Bộ GDDT sẽ giúp việc quản lý được thống nhất trên toàn quốc, tránh tình trạng mỗi bộ, ngành, địa phương lại có một cách hiểu và áp dụng khác nhau.
Điều 16. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ 1. Khuyến khích và tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý tăng cường thu hút người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật trong các cơ sở giáo dục. 2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật trong các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.		Điều 16: Tăng cường sự phối hợp liên ngành giải quyết vấn đề quản lý chông chéo: Nhiều CSGD (đặc biệt là các trường đại học, học viện) trực thuộc các bộ, ngành khác chứ không phải Bộ GDDT (ví dụ: Học viện Tài chính thuộc Bộ Tài chính, các trường thuộc khối công an, quân đội...). Quy định yêu cầu các bộ này phải phối hợp với Bộ GDDT để đảm bảo một mặt bằng quản lý chung.
Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 1. Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị định này đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn.		Giao nhiệm vụ triển khai tại địa phương để hiện thực hóa chính sách tại cơ sở. Chính quyền địa phương (UBND cấp tỉnh) là cấp quản lý trực tiếp và gần gũi nhất với phần lớn các CSGD trên địa bàn, đặc biệt là khối mầm

NỘI DUNG		Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
2. Căn cứ chính sách phát triển giáo dục và điều kiện thực tế của địa phương, bố trí nguồn lực, tăng cường xã hội hóa, tạo điều kiện và có giải pháp để khuyến khích người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật trong các cơ sở giáo dục. 3. Thanh tra, kiểm tra, xử lý khiếu nại, tố cáo và thực hiện chức năng quản lý nhà nước về việc người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn.		non và phổ thông. UBND cấp tỉnh có trách nhiệm "tổ chức thực hiện" Nghị định trên địa bàn của mình, là cầu nối đưa chính sách từ trung ương xuống các trường học. Địa phương phải "bố trí nguồn lực" và "có giải pháp" khuyến khích có những chính sách ưu đãi riêng để thu hút chuyên gia nước ngoài phù hợp với thể mạnh và nhu cầu phát triển của địa phương mình. Đảm bảo chức năng thanh tra, giám sát tại chỗ, xử lý khiếu nại đảm bảo các CSGD trên địa bàn tuân thủ quy định, cũng như xử lý các vấn đề phát sinh một cách nhanh chóng và kịp thời.
Điều 18. Chế độ báo cáo 1. Nội dung báo cáo: việc tuyên dụng, sử dụng và quản lý người nước ngoài làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục; khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất (nếu có). 2. Cơ quan gửi, nhận báo cáo và thời hạn báo cáo a) Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên trên địa bàn gửi báo cáo về Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (qua Sở Giáo dục và Đào tạo); b) Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, các trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tổ chức hoạt động đào tạo các trình độ của giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo; c) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo. 3. Phương thức gửi báo cáo: qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp hoặc qua công dịch vụ công trực tuyến. 4. Căn cứ vào chế độ báo cáo được quy định tại Điều này, cơ quan gửi báo cáo thực hiện việc tích hợp nội dung báo cáo việc tuyên dụng, sử dụng		Điều 18 (Chế độ báo cáo) nhằm thiết lập một cơ chế thu thập thông tin và giám sát có hệ thống, đóng vai trò cực kỳ quan trọng cho quá trình thực thi chính sách. Đảm bảo rằng các cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt là Bộ Giáo dục và Đào tạo, có thể đánh giá được hiệu quả thực tế của Nghị định, phát hiện kịp thời các vấn đề và có dữ liệu để đưa ra các điều chỉnh chính sách trong tương lai. - Quy trình gửi và nhận báo cáo (Khoản 2) được thiết kế theo một hệ thống phân cấp hợp lý, đảm bảo thông tin được tổng hợp một cách có trật tự: Từ cơ sở lên địa phương, từ địa phương và các trường CSGD cao đẳng, đại học lên trung ương. Mô hình này tạo ra một dòng chảy thông tin hình chớp, giúp Bộ Giáo dục và Đào tạo có được bức tranh toàn cảnh của cả nước. 3. Việc cho phép gửi báo cáo qua "công dịch vụ công trực tuyến" bên cạnh các phương thức truyền thống cho thấy định hướng đẩy mạnh chính phủ điện tử, giảm giấy tờ và tạo sự thuận tiện cho các đơn vị. Yêu cầu "tích hợp nội dung báo cáo vào báo cáo định kỳ" là một quy định giúp các CSGD và địa phương giảm bớt gánh nặng hành chính.

NỘI DUNG	Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
và quản lý người nước ngoài làm việc, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục vào báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	
Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH Điều 19. Hiệu lực thi hành Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày Điều 20. Trách nhiệm thi hành Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.	

BÁO CÁO RÀ SOÁT NGƯỜI NƯỚC NGOÀI VÀO LÀM VIỆC, GIẢNG DẠY TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

I. Tình hình lao động nước ngoài tại các cơ sở giáo dục đại học

1. Tình hình chung

Hàng năm, Bộ GDĐT hỗ trợ các cơ sở giáo dục làm thủ tục xác nhận miễn giấy phép lao động cho khoảng gần 300 lượt tình nguyện viên và chuyên gia tại các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc hoặc giáo viên tình nguyện theo các chương trình hợp tác theo văn bản ký kết của Bộ, giữa các trường phổ thông, các CSGD phổ thông của các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam. Chủ yếu các giáo viên tình nguyện sang dạy ngôn ngữ bản địa (Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Nga, Tiếng Trung/Tiếng Hoa, Nhật, Hàn, Ba Lan, Bungary...). Tổ chức phía nước ngoài cử giáo viên sẽ chi trả lương. CSGD Việt Nam có thể hỗ trợ một số chi phí tối thiểu (ngoài giờ, nhà ở, phương tiện thô sơ ...). Một số giảng viên sang giảng dạy tại các chương trình đại học và sau đại học bằng tiếng Anh tại các CSGDDH, chủ yếu ở các chương trình liên kết quốc tế hoặc trường quốc tế.

2. Kết quả khảo sát

Để khảo sát thực trạng tình trạng lao động nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam và theo đề nghị của Bộ Nội vụ về đánh giá tổng kết người nước ngoài làm việc tại Việt Nam giai đoạn 2020-2025, ngày 03/6/2025, Bộ GDĐT đã gửi Công văn số 2979/BGDĐT-HTQT về việc giảng viên nước ngoài làm việc tại các cơ sở giáo dục đại học. Đến nay, Cục HTQT đã nhận được 110 văn bản trả lời. Cụ thể như sau:

Trong giai đoạn 2020-2025, tổng số người nước ngoài làm việc làm việc dài hạn hoặc làm thủ tục miễn giấy phép lao động tại các CSGDDH cụ thể số lượng như sau:

- + 35 trường (31,8%) có dưới 02 người làm việc,
- + 12 trường (10,9%) có từ 3-5 người,
- + 5 trường (4,5%) từ 5-10 người,
- + 16 (14,5%) trường tiếp nhận trên 10 người (Trường ĐH RMIT >300 người, ĐH Ngoại thương khoảng 200 người và trường ĐH Thương mại khoảng 100

người.

+ Có 42 trường (chiếm 38%) không có người nước ngoài vào giảng dạy.

Cục Hợp tác quốc tế đã tổ chức khảo sát thực tế tại 04 CSGDDH (ĐH Đà Nẵng, ĐH Kinh tế Hồ Chí Minh, ĐH Cần Thơ và trường Đại học Cửu Long), đồng thời tổ chức Tọa đàm về lao động nước ngoài tại ĐH Đà Nẵng với sự tham gia của khoảng 50 đại biểu đến từ các trường đại học khu vực miền Trung – Tây Nguyên.

Nhìn chung, các CSGDDH đã ban hành quy định về quản lý các hoạt động đối ngoại và quy trình đề nghị cấp, gia hạn thị thực và giấy phép lao động cho người nước ngoài và phân công đơn vị đầu mối hỗ trợ xử lý hồ sơ để tiếp nhận chuyên gia nước ngoài vào làm việc. Về vấn đề xin thị thực nhập cảnh, qua nắm bắt thông tin, các CSGDDH luôn phối hợp hiệu quả với các đơn vị chức năng (Cục Quản lý Xuất nhập cảnh và Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh Công an địa phương, Cục An ninh chính trị nội bộ) trong việc xin cấp thị thực và trao đổi thông tin về người nước ngoài, đồng thời, các chuyên gia, giảng viên người nước ngoài đều được cơ sở tuyên truyền và hướng dẫn đầy đủ các quy định về xin thị thực và đăng ký tạm trú. Đối với người nước ngoài đến từ các quốc gia nằm trong danh sách được nhập cảnh miễn thị thực, CSGDDH đã chủ động làm thủ tục xin thị thực để được tạm trú lâu dài. Các CSGDNN đều đảm bảo chính sách, chế độ đối với lao động nước ngoài như tiền lương (đối với lao động hợp đồng) và hỗ trợ nhà ở, sinh hoạt (đối với tình nguyện viên không nhận lương).

Một số trường có giảng viên nước ngoài đến làm việc bao gồm: ĐH RMIT số lượng GVNN đông, đến từ nhiều nước khác nhau, tham gia vào nhiều vị trí giảng dạy chuyên ngành và vị trí nghiệp vụ. Trường ĐH Thương mại cũng là trường hiện có số lượng GVNN chủ yếu dạy chuyên ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh (115/116 GVNN). Trường Đại học Ngoại thương với khoảng 200 giảng viên nước ngoài trong giai đoạn 2022-2025. Đại học Duy Tân có số lượng GVNN giảng dạy trong nhiều ngành nghề tại trường.

Về lĩnh vực công tác, đa số GVNN đến làm việc để giảng dạy ngoại ngữ (các ngôn ngữ: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Anh), hoặc 1 số ít làm chuyên gia ODA (theo dự án). Nhiều cơ sở giáo dục đào tạo chuyên sâu về kỹ thuật nhưng số lượng giáo viên nước ngoài chủ yếu sang giảng dạy ngoại ngữ, các chuyên ngành khác có ít hoặc hầu như không có chuyên gia NN (ví dụ: ĐH BK Hà Nội, Trường ĐH Bách khoa TP HCM tỷ trọng giảng viên NN giảng dạy tiếng Nhật chiếm đa số, hiện trường lại không có GVNN dạy các ngành công nghệ; ĐH Quốc gia Hà Nội số

lượng GVNN dạy chuyên ngành rất ít). Có một số đại học chuyên ngành tài chính, kinh tế không có người nước ngoài đến làm việc như Học viện tài chính....

3. Đánh giá chung hiệu quả của việc sử dụng lao động nước ngoài

Việc thu hút và sử dụng lao động là người nước ngoài trong các cơ sở giáo dục đại học là một trong những ưu tiên của ngành giáo dục nhằm thúc đẩy hội nhập quốc tế, nâng cao chất lượng đào tạo và mở rộng hợp tác học thuật. Thu hút đội ngũ giảng viên có yếu tố nước ngoài giúp CSGDDH mở rộng hợp tác, nghiên cứu phát triển, nâng cao uy tín và là chỉ số đánh giá thứ hạng theo chuẩn quốc tế. Việc tiếp nhận chuyên gia nước ngoài vào làm việc tại các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam thực sự là nhu cầu thực tiễn của các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước và có xu hướng ngày càng nhiều do nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo (trong đó có ngoại ngữ) và nghiên cứu khoa học. Sự hỗ trợ của chuyên gia nước ngoài trong công tác giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học góp phần nâng cao năng lực ngoại ngữ và trình độ chuyên môn cũng như phương pháp giảng dạy của giảng viên Việt Nam. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực tế, vẫn còn tồn tại một số bất cập liên quan đến thủ tục pháp lý, thủ tục hành chính và công tác quản lý. Hiện nay, chưa có cơ chế, chính sách cụ thể để thu hút chuyên gia trong lĩnh vực công nghệ cao.

II. Một số khó khăn, vướng mắc:

1. Về quy định chung

- Tên ngành hoặc chuyên ngành giảng dạy trong hệ thống giáo dục các nước có sự khác nhau và khác với danh mục đào tạo của Việt Nam, gây khó khăn cho Cục Việc làm, Bộ Nội vụ xác định **ngành phù hợp** với vị trí việc làm, chuyên môn giảng dạy của giáo viên nước ngoài khi làm thủ tục cấp GPLĐ.

- Hiện nay chưa có cơ chế, quy định tạo điều kiện và thu hút người nước ngoài có trình độ chuyên môn cao (có bằng Tiến sĩ hoặc giáo sư) vào giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam. Các CSGD đại học, nhất là các trường có chương trình liên kết 2+2, chương trình dạy bằng tiếng Anh, chương trình tiên tiến có nhu cầu mời giáo sư là người nước ngoài tham gia giảng dạy và NCKH, thúc đẩy hợp tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tại các cơ sở giáo dục và cơ sở giáo dục đại học nhưng thủ tục còn khó khăn.

- Giấy phép lao động cho người nước ngoài ở Việt Nam có thời hạn là 2 năm, mỗi lần gia hạn cũng chỉ được 2 năm; trong khi ở một số nước khác, giấy phép lao động có thể kéo dài tới 5 năm hoặc theo thực tế thời gian hợp đồng. Điều này gây khó khăn cho các CSGDDH Việt Nam trong việc thu hút giảng viên nước ngoài vì

khi thấy giấy phép lao động quá ngắn, giảng viên nước ngoài sẽ ngần ngại trong việc ký hợp đồng với CSGDDH.

- Qui định giữa các cơ quan quản lý có thẩm quyền thu hút, sử dụng và quản lý lao động nước ngoài còn thiếu thống nhất. VD Luật Lao động 2019, NĐ 152 và NĐ70 về tuyển dụng và quản lý lao động NN làm việc tại VN thì các cơ quan, tổ chức được phép ký hợp đồng lao động với người lao động NN theo một số điều kiện nhất định, Tuy nhiên Nghị định 111/2022/NĐ-CP lại giới hạn đơn vị sự nghiệp công lập chỉ được phép ký hợp đồng với người lao động có một số quốc tịch.

- Liên quan đến dạy ngoại ngữ:

+ Luật Giáo dục đang chưa có quy định đối với giáo viên giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn (viện, trung tâm thuộc trường đại học). Điểm a khoản 1 Điều 38 Nghị định số 86 quy định điều kiện đối với giảng viên nước ngoài giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn như sau: *“a) Giáo viên ít nhất phải có trình độ cao đẳng hoặc tương đương, có ngành đào tạo phù hợp với chuyên môn được phân công giảng dạy;”*

+ Thực tế, một số giáo viên nước ngoài vào giảng dạy ngôn ngữ bản địa tại Việt Nam (theo hình thức tình nguyện viên dạy Tiếng Anh, Tiếng Nhật, tiếng Hàn...) không được đào tạo chuyên ngành sư phạm, họ chỉ có bằng đại học. Để được giảng dạy tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam, đội ngũ này phải có minh chứng về năng lực sư phạm. Việc xác định minh chứng về nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ giáo viên nước ngoài nêu trên gặp khó khăn do một số quốc gia không có Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc có nhiều tên gọi khác nhau đối với loại chứng chỉ này. Cụ thể: Tiếng Hàn (chứng chỉ hoàn thành lớp bồi dưỡng về giảng dạy tiếng Hàn như ngoại ngữ), Tiếng Anh (chứng chỉ TESOL), ...

+ Hiện nay chưa có quy định cụ thể quốc gia nào được coi là bản ngữ; chưa có danh sách các quốc gia được coi là bản ngữ đối với từng ngôn ngữ khi dạy và chưa có quy định về chứng chỉ giảng dạy ngoại ngữ phù hợp.

2. Về quy trình, thủ tục:

- Giải trình về nhu cầu sử dụng LĐNN:

+ Theo quy định hiện hành, các trường đại học phải giải trình với Cục việc làm – Bộ Nội vụ (trước đây là Bộ Lao động, Thương binh và xã hội) về lý do không tuyển giảng viên trong nước mà lại lựa chọn giảng viên nước ngoài. Lý do không tuyển người lao động Việt Nam vào vị trí sử dụng lao động nước ngoài nhiều khi không được Cục Việc làm chấp thuận.

Đây cũng là một quy trình trong thủ tục dẫn đến trở ngại vì làm chậm quá trình tuyển dụng và ảnh hưởng đến kế hoạch giảng dạy, gia tăng chi phí và áp lực hành chính cho các cơ sở đại học.

+ Thủ tục đăng ký nhu cầu lao động nước ngoài trên cổng thông tin trực tuyến của Cục Việc làm gặp khó khăn. Sự hướng dẫn của Cục Việc làm chưa thống nhất. Mẫu hồ sơ còn khó khăn cho việc thực hiện. Cách hiểu khác nhau giữa đơn vị khai báo nhu cầu và cơ quan chức năng đối với quy định về từng mục hồ sơ, một số thời điểm (vào năm 2022 và 2023) hệ thống khai báo trực tuyến bị báo lỗi (thông tin từ ĐH Cần Thơ) nên tiến độ xử lý hồ sơ kéo dài.

- Việc chứng minh kinh nghiệm làm việc của giảng viên:

+ Chưa có hướng dẫn cụ thể trong việc xin giấy xác nhận kinh nghiệm và thu giới thiệu với giảng viên nước ngoài khi xin GPLĐ. Hiện nay đã có mẫu nhưng không hướng dẫn cụ thể dẫn đến đơn vị thực hiện theo cách hiểu khác nhau, phải thực hiện nhiều lần, mất nhiều thời gian, dẫn đến tình trạng kéo dài hồ sơ, làm chậm tiến độ giảng dạy.

+ Quy định yêu cầu người lao động nước ngoài phải phù hợp với vị trí giảng dạy, có bằng cấp chuyên ngành và ít nhất 3 năm kinh nghiệm (theo Nghị định 152/2020/NĐ-CP) dẫn đến tình trạng một số chuyên gia tuy có kinh nghiệm thực tế nhưng thiếu chứng chỉ/bằng cấp đúng chuyên ngành, dẫn đến không đủ điều kiện để xin giấy phép lao động.

- Khó khăn về giấy tờ từ phía chuyên gia nước ngoài:

Việc thực hiện quy định hướng dẫn về việc hợp pháp hóa lãnh sự, công chứng bản dịch, giấy tờ liên quan đến người nước ngoài còn nhiều hạn chế. Một số giấy tờ phải được hợp pháp hóa lãnh sự hoặc dịch công chứng sang tiếng Việt (ví dụ: bằng cấp, xác nhận kinh nghiệm). Việc xác nhận kinh nghiệm làm việc chuyên môn từ nước ngoài đôi khi gặp khó khăn do khác biệt hệ thống hành chính. Một số chuyên gia gặp khó khăn trong việc chứng minh hồ sơ học thuật do sự khác biệt về hệ thống giáo dục hoặc ngôn ngữ hành chính. Chứng nhận không có tiền án tiền sự hoặc giấy tờ tương đương có thể khó xin tại nước sở tại.

- Thủ tục hành chính phức tạp:

+ Thủ tục còn nhiều khâu, chưa có hướng dẫn chi tiết về các mẫu văn bản, hồ sơ cần nộp và các cơ quan chưa liên thông với nhau nên cơ sở phải chuẩn bị nhiều giấy tờ và bổ sung nhiều lần dẫn đến thời gian xử lý hồ sơ bị kéo dài và phải sửa nhiều lần. Hồ sơ xin giấy phép lao động yêu cầu nhiều loại giấy tờ và phải làm việc với nhiều cơ quan khác nhau: Bộ GDĐT, Bộ Nội vụ (Bộ Lao động – Thương binh

và Xã hội trước đây), Cục Quản lý Xuất nhập cảnh và có thể phát sinh yêu cầu bổ sung hồ sơ do quy định diễn giải không nhất quán.

+ Biểu mẫu và hướng dẫn thay đổi không đồng bộ: Một số trường thông tin, Mẫu 01 /PL1 hoặc mẫu 02/PL2I (công văn giải trình nhu cầu/ thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài) theo NĐ số 152 (sửa đổi bởi NĐ số 70) có thể bị yêu cầu điều chỉnh theo hướng dẫn, yêu cầu không chính thức của cán bộ xử lý, gây kéo dài thời gian trong việc chuẩn hóa hồ sơ, khó chủ động tiến độ.

+ Việc ký hợp đồng với người lao động NN còn khá phức tạp mặc dù tại Mục 6 Nghị quyết số 39/NQ-CP của Chính phủ tại phiên họp thường kỳ tháng 5/2019 có nội dung “Người lao động NN tham gia giảng dạy và nghiên cứu tại Trường ĐH Bách khoa Hà Nội, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, ĐH Kinh tế TP HCM có xác nhận của các trường này thì không thuộc diện cấp giấy phép lao động. Điều này dẫn đến thực trạng lao động nước ngoài tại ĐH KT TP HCM là quá ít so với nhu cầu (2 người lao động nước ngoài trong 5 năm gần đây).

- Việc phân cấp, phân quyền quản lý chưa triệt để, trước đây, nhiều trường hợp CSGD đại học ở phía Nam (Ví dụ: Trường ĐH Trà Vinh...) vẫn phải nộp hồ sơ tại Cục Việc làm (Hà Nội). Lý do: Theo quy định người sử dụng lao động là cơ quan do Thủ tướng Chính phủ thành lập phải nộp hồ sơ tại Cục Việc làm. Trừ các trường ĐH tại thành phố Hồ Chí Minh nộp tại Sở Nội vụ. Hiện nay, sau khi sáp nhập các địa phương, việc thực hiện thủ tục giấy phép lao động đã chuyển về Sở Nội vụ.

- Có sự khác biệt giữa quy định và thực tiễn áp dụng tại địa phương. Chưa có hướng dẫn chi tiết dành riêng cho giảng viên/chuyên gia làm việc theo hình thức hợp tác giáo dục quốc tế.

+ Hạn chế về thời gian và kế hoạch giảng dạy: Quá trình làm thủ tục thường kéo dài nên ảnh hưởng đến lịch trình giảng dạy đã lên kế hoạch trước của các giảng viên/chuyên gia. Trường hợp giảng viên/chuyên gia cần giảng dạy hoặc làm việc ngắn hạn thì việc chứng minh nhu cầu và xin miễn giấy phép cũng không đơn giản.

Như vậy có thể thấy, việc xin cấp giấy phép lao động hoặc xin miễn giấy phép lao động phải thực hiện rất nhiều trình tự, thủ tục khác nhau; thời gian xin 01 bộ hồ sơ có thể kéo dài từ 02 tháng đến 06 tháng (cá biệt còn đến 8 tháng). Với quy trình xin giấy phép lao động như trên, cơ sở giáo dục tốn rất nhiều thời gian để có thể tiếp nhận giáo viên, giảng viên nước ngoài vào giảng dạy.

III. Đề xuất, kiến nghị

1. Đề xuất về thủ tục cấp và miễn giấy phép lao động

Ban hành Nghị định thay thế Nghị định 152 để tạo điều kiện cho người nước ngoài có trình độ cao hoặc những trường hợp đặc biệt vào giảng dạy, nghiên cứu tại cơ sở giáo dục đại học Việt Nam. Cụ thể như sau:

- Về Miễn GPLĐ: bổ sung các đối tượng sau đây:

+ Học viên cao học, nghiên cứu sinh đang học tập, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục và đào tạo ở nước ngoài (hiện chỉ ghi chung là học sinh, sinh viên)

+ Vào Việt Nam giảng dạy và nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo: thời hạn tối đa 01 năm.

+ Tình nguyện viên giáo dục trong các chương trình hợp tác quốc tế theo hình thức tự nguyện, không hưởng lương theo điều ước, thỏa thuận quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác các cơ sở giáo dục.

+ Tình nguyện viên dạy ngôn ngữ bản địa (native speaker) được phái cử từ các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế.

+ Có học hàm giáo sư, hoặc học vị tiến sĩ giảng dạy, nghiên cứu ở các lĩnh vực đặc thù và lĩnh vực ưu tiên theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (STEM, kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh) có xác nhận của người đứng đầu cơ sở giáo dục nước ngoài nơi người lao động nước ngoài đang làm việc.

+ Các GVNN dưới hình thức thỉnh giảng hoặc trao đổi GV với các trường đối tác nước ngoài và tăng quyền tự chủ trong tiếp nhận lao động NN đối với các trường có năng lực. Lý do: Mở rộng thêm đối tượng được miễn xin cấp giấy phép lao động, tăng tính tự chủ của các đại học và giảm bớt thủ tục hành chính.

- Hồ sơ đề nghị xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động:

Bổ sung trích dẫn, quy định cụ thể tại Thông tư liên quan của Bộ Y tế về danh mục cần khám đối với người lao động nước ngoài. Lý do: quy định cụ thể để người lao động nước ngoài hoặc người sử dụng lao động hiểu rõ yêu cầu gồm những nội dung gì để hướng dẫn.

- Về cấp GPLĐ:

+ Bổ sung: Người sử dụng lao động có thể nộp bản scan hợp đồng lao động qua hệ thống trực tuyến của cơ quan cấp phép thay thế cho bản gốc trong việc làm thủ tục cấp GPLĐ. Lý do: Khả năng trong tương lai có thể sử dụng nhiều hợp đồng lao động điện tử.

+ Chuyên gia, giảng viên làm việc cho 01 CSGD mà có từ 2 địa điểm trở lên, có thể được di chuyển mà không cần phải xin cấp lại GPLĐ. Lý do: giảm bớt thủ tục

hành chính và tạo điều kiện cho CSGD (có phân hiệu) có thể tận dụng lao động làm việc. Nếu việc di chuyển trong nội bộ mà phải xin cấp lại giấy phép lao động sẽ tốn thời gian.

+ Về trình độ: Quy định rõ nếu chuyên ngành không yêu cầu kinh nghiệm thì không cần điều kiện này khi cấp phép.

+ Đề xuất đưa điểm 9, Điều 154 Luật Lao động vào điều 7, NĐ 152/2020NĐ-CP cho trường hợp người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động;

- Hồ sơ thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ chứng minh kinh nghiệm làm việc: xem xét thành yêu cầu không bắt buộc

- Quy định về giao dịch điện tử trong cấp, cấp lại gia hạn giấy phép lao động và xác nhận không thuộc diện cấp phép:

Trong quy định cần nêu cụ thể về hình thức nộp hồ sơ là trực tiếp hay trực tuyến thông qua cổng thông tin của Bộ Nội Vụ. Ngoài ra cần bổ sung cụ thể hình thức hỗ trợ nhận hồ sơ qua đường bưu điện trong trường hợp không sử dụng hình thức nộp trực tuyến và quy trình theo dõi hồ sơ;

- Tạo điều kiện về yêu cầu bằng cấp đối với giảng viên NN dạy lớp kỹ năng ngoại ngữ tại các trường ĐH, cụ thể là giảng viên dạy NN chỉ cần có bằng ĐH hoặc tương đương trở lên thay vì bằng Thạc sĩ theo Luật Giáo dục ĐH như hiện nay.

- Thời hạn giấy phép lao động cần được kéo dài hơn. Thủ tục cấp giấy phép lao động cũng cần đơn giản, thuận tiện hơn cho các trường để từ đó thu hút các giảng viên, cán bộ quản lý giỏi đến làm việc. Trong tương lai, cần xem xét đưa ra cơ chế ưu đãi phù hợp, tăng thời hạn cấp giấy phép lao động từ 02 năm lên 05 năm (đề xuất sửa Luật Lao động) để tương thích với tiêu chuẩn quốc tế;

- Nghiên cứu điều kiện miễn giấy phép lao động có thời hạn ít nhất là 01 năm cho các giáo viên, giảng viên, nhà khoa học có học hàm giáo sư, có trình độ tiến sĩ, hoặc có giải thưởng quốc tế trong nghiên cứu khoa học; cải cách thủ tục hành chính trong việc cấp giấy phép lao động để khuyến khích nhằm thu hút giảng viên, chuyên gia, trí thức là người nước ngoài có trình độ chuyên môn cao tham gia giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục, thúc đẩy hợp tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tại cơ sở giáo dục đại học.

- Xem xét có những ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân tương tự In-đô-nê-xi-a, Trung Quốc ... và có thể xem xét lại các quy định về giảng viên là người bản ngữ

nước ngoài. Hiện nay giáo dục mở nên những người có đủ năng lực không nhất thiết là người nước ngoài (native speaker).

- Cần bổ sung quy định riêng đối với tình nguyện viên NN không hưởng lương, làm việc trong lĩnh vực giáo dục, hỗ trợ chuyên môn.

- Đảm bảo tính cập nhật của thông tin trên các trang thông tin điện tử; mở rộng các kênh hỗ trợ, đa dạng hóa ngôn ngữ hướng dẫn.

2. Đề xuất về chính sách ưu đãi thị thực:

Bổ sung người lao động nước ngoài được miễn thị thực có thời hạn (thời gian theo đề xuất của đơn vị tiếp nhận tại Việt Nam và tối đa là 01 năm) vào làm việc, giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục, cụ thể như sau:

- + Đại biểu được mời tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế về giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền phê duyệt của các Bộ ngành, Ủy ban Nhân dân;

- Nhà nghiên cứu, chuyên gia có trình độ tiến sĩ trong các lĩnh vực STEM, kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh được mời tham gia hội thảo, giảng dạy hoặc tham gia các đề tài nghiên cứu chung tại các cơ sở giáo dục đại học (thời hạn thị thực tối đa 01 năm);

- Các nhà khoa học nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài có đóng góp đặc biệt cho quan hệ hợp tác trong lĩnh vực giáo dục hoặc đạt giải thưởng quốc tế có uy tín về khoa học kỹ thuật được công nhận.

3. Ý kiến đề xuất của Cục Hợp tác quốc tế đối với công tác quản lý về người lao động nước ngoài của Bộ:

- Ban hành văn bản theo hướng trao quyền tự chủ hơn cho các cơ sở giáo dục đại học trong việc tiếp nhận và quản lý nhân sự giảng dạy tại các trường, dễ dàng tiếp cận và thu hút giảng viên quốc tế theo nhu cầu thực tế. Cụ thể là ủy quyền cho các trường đại học tự xác nhận để thực hiện thủ tục miễn giấy phép lao động hoặc không phải thực hiện thủ tục xin giấy phép lao động. Lý do: hiện nay CSGD đại học có nhu cầu lớn trong việc tìm chuyên gia trình độ cao giảng dạy.

- Có hướng dẫn danh mục về các ngành đặc thù và công nghệ cao để thu hút lao động nước ngoài.

- Ban hành Hướng dẫn ngành đào tạo phù hợp với môn học mà giáo viên nước ngoài giảng dạy ở bậc đại học.

- Xây dựng danh sách các quốc gia được coi là bản ngữ đối với tiếng Anh và ngôn ngữ khác. Làm rõ khái niệm “bản ngữ”. Hướng dẫn về chứng chỉ giảng dạy ngoại ngữ phù hợp (Tiếng Anh và ngôn ngữ khác)

- Hướng dẫn chứng chỉ giảng dạy nào của nước ngoài hoặc chứng chỉ tương đương được công nhận tại Việt Nam.

- Thường xuyên khảo sát và thực hiện các cuộc kiểm tra định kỳ để đảm bảo việc tuân thủ các quy định và nắm bắt thông tin kịp thời về các vướng mắc thực tế tại các cơ sở giáo dục.

- Tăng cường đào tạo và nâng cao nhận thức: Tổ chức các hội nghị tập huấn để phổ biến quy định về quản lý lao động nước ngoài, cũng như các quy định pháp luật liên quan.

Báo cáo này được thực hiện trong bối cảnh Bộ Nội vụ đang trình Chính phủ Nghị định mới thay thế Nghị định 152 về người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam. Đồng thời, Bộ Công an đang xây dựng Nghị định ưu đãi miễn thị thực cho một số đối tượng người nước ngoài vào Việt Nam. Để thực hiện Nghị quyết 57 của Trung ương, Năm 2025, Bộ GDĐT được Chính phủ giao giao xây dựng Nghị định về lao động nước ngoài đến làm việc tại các cơ sở giáo dục và Đề án thu hút chuyên gia trong lĩnh vực công nghệ cao. Hy vọng sau khi ban hành Nghị định và Đề án, tình hình thu hút người nước ngoài vào làm việc tại các cơ sở giáo dục đại học sẽ được cải thiện đáng kể.

Các Phụ lục đính kèm:

- Phụ lục 1: Báo cáo kinh nghiệm các nước
- Phụ lục 2: Thông kê các văn bản quy định về lao động nước ngoài
- Phụ lục 3: Danh sách các trường ĐH nộp báo cáo và có lao động nước ngoài

**BÁO CÁO KINH NGHIỆM QUỐC TẾ
VỀ THU HÚT CHUYÊN GIA NƯỚC NGOÀI VÀO LÀM VIỆC TẠI MỘT
SỐ NƯỚC CHÂU Á
(Trung Quốc, Indonesia, Malaysia)**

A. KINH NGHIỆM CỦA TRUNG QUỐC

I. Khái quát chung

Trung Quốc đang tích cực triển khai các chính sách nhằm thu hút chuyên gia nước ngoài, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo. Mục tiêu là xây dựng một "quốc gia tài năng" để thúc đẩy sự phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh toàn cầu.

Trong 5 năm gần đây, Trung Quốc đã triển khai nhiều chính sách đổi mới nhằm thu hút chuyên gia nước ngoài, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo, bán dẫn và sinh học. So với giai đoạn trước, các chính sách này không chỉ tăng cường về quy mô mà còn nâng cao về chất lượng và tính cạnh tranh quốc tế.

II. Các chương trình thu hút nổi bật

1. Kế hoạch Ngàn nhân tài "Thousand Talents Plan"

- Bắt đầu từ năm 2008, nhằm thu hút các nhà khoa học, học giả và chuyên gia kỹ thuật cấp cao từ nước ngoài, từ các trường đại học và viện nghiên cứu hàng đầu thế giới, đặc biệt là người gốc Hoa.

- Ưu tiên các lĩnh vực chiến lược: công nghệ cao, năng lượng mới, vật liệu mới, y sinh học, AI, v.v.

- Cung cấp lương cao, hỗ trợ tài chính và điều kiện làm việc tốt, cung cấp tài trợ nghiên cứu, trợ cấp sinh hoạt và các ưu đãi về thuế và cư trú.

2. Chương trình Vạn nhân tài "Ten Thousand Talents Program"

- Bổ sung cho Kế hoạch Ngàn nhân tài, hướng tới việc xây dựng đội ngũ chuyên gia khoa học và công nghệ đẳng cấp quốc tế.

- Nhắm tới nhân tài trong và ngoài nước, có các nhánh khác nhau cho giảng viên đại học, nhà nghiên cứu, kỹ sư, v.v.

3. Kế hoạch nhân tài trẻ tuổi “Youth Thousand Talents Plan”

Hướng đến các nhà khoa học trẻ (thường dưới 40 tuổi), tốt nghiệp hoặc làm việc tại các trường đại học/cơ sở nghiên cứu hàng đầu thế giới.

4. Chương trình “Plan 111”

- Mục tiêu: Thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo tại các trường đại học hàng đầu.

- Đối tượng: Các chuyên gia nước ngoài có kinh nghiệm trong chuyển giao công nghệ.

- Đặc điểm: Tập trung vào các lĩnh vực như kỹ thuật hàng không, quốc phòng và công nghệ thông tin.

5. Kế hoạch thu hút chuyên gia nước ngoài trình độ cao “High-End Foreign Expert Recruitment Plan”

- Được triển khai từ năm 2019, chương trình này đã thu hút hàng nghìn chuyên gia quốc tế, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược, là một sáng kiến của chính phủ Trung Quốc nhằm thu hút các chuyên gia nước ngoài có trình độ cao đến làm việc và cống hiến tại Trung Quốc. Đây là một phần trong chiến lược phát triển nhân tài và đổi mới sáng tạo quốc gia.

- Mục tiêu chính

- Thu hút các chuyên gia nước ngoài hàng đầu trong các lĩnh vực chiến lược như khoa học – công nghệ, y tế, giáo dục, tài chính, kỹ thuật, và quản lý.
- Thúc đẩy chuyển giao công nghệ và tri thức.
- Nâng cao năng lực đổi mới và cạnh tranh quốc tế của Trung Quốc.

- Đối tượng tuyển chọn

- Các nhà khoa học, kỹ sư, giáo sư, chuyên gia kỹ thuật và quản lý cấp cao có kinh nghiệm tại các viện nghiên cứu, trường đại học, tập đoàn hàng đầu quốc tế.
- Những người từng làm việc hoặc giữ vị trí cao tại các tổ chức như các trường thuộc nhóm Ivy League, các viện nghiên cứu quốc gia, công ty Fortune 500, v.v.

- Lợi ích và hỗ trợ:

Các chuyên gia được tuyển chọn sẽ nhận được:

- Lương cao và trợ cấp sinh hoạt hấp dẫn.
- Hỗ trợ tài chính cho nghiên cứu và phát triển dự án.
- Hỗ trợ nhà ở, bảo hiểm và thủ tục cư trú.
- Điều kiện làm việc tiên tiến, phòng thí nghiệm hiện đại, cơ hội hợp tác với các tổ chức nghiên cứu hàng đầu tại Trung Quốc.

6. Chương trình Qiming

Được biết đến như là sự kế thừa của Kế hoạch Ngàn nhân tài “Thousand Talents Plan”, Chương trình Qiming tập trung vào việc thu hút chuyên gia trong các lĩnh vực như bán dẫn và trí tuệ nhân tạo.

7. Giải thưởng Hữu nghị "Friendship Award"

- Mục tiêu: Tôn vinh những đóng góp xuất sắc của chuyên gia nước ngoài trong việc thúc đẩy hợp tác và phát triển tại Trung Quốc.

- Hình thức: Cung cấp huy chương và chứng nhận, đồng thời tạo cơ hội giao lưu và hợp tác lâu dài.

III. Chính sách thu hút nổi bật

1. Chính sách thị thực và cư trú

- Visa R: Dành riêng cho "nhân tài cấp cao", có thể cấp tới 5–10 năm với nhiều lần nhập cảnh.
- Thẻ xanh Trung Quốc: Dành cho chuyên gia có đóng góp nổi bật trong các lĩnh vực chiến lược.
- Quy trình: Đơn giản hóa thủ tục, giảm bớt yêu cầu về kinh nghiệm và trình độ học vấn.

2. Ưu đãi tài chính và điều kiện làm việc

- Mức lương cạnh tranh và phụ cấp sinh hoạt cao (nhất là tại các thành phố lớn như Bắc Kinh, Thượng Hải, Thâm Quyển).
- Hỗ trợ nhà ở, nghiên cứu, và khởi nghiệp, bao gồm cung cấp kinh phí nghiên cứu lên tới hàng triệu nhân dân tệ.
- Nhiều trường đại học và viện nghiên cứu Trung Quốc thành lập các trung tâm nghiên cứu chung quốc tế để mời gọi nhân tài.

- Ưu đãi thuế: Thuế thu nhập cá nhân giảm xuống còn 15%, thậm chí 10% tại một số khu vực.

Ví dụ:

- Thành phố Bắc Kinh: Mức lương cho chuyên gia AI có thể lên tới 412.000 USD/năm, cùng với trợ cấp nhà ở và thuế suất 15%.
- Khu vực Greater Bay Area: Chính quyền địa phương cung cấp các ưu đãi như miễn thuế thu nhập trong 3 năm đầu cho chuyên gia công nghệ cao.
- Khu vực Hainan: Triển khai chương trình “One Million Talent Recruitment Action Plan” với mục tiêu thu hút 1 triệu nhân tài đến năm 2025, cung cấp hỗ trợ về nhà ở, giáo dục và y tế cho gia đình chuyên gia.
- Trợ cấp sinh hoạt: Các thành phố như Thâm Quyển, Thượng Hải và Thành Đô cung cấp trợ cấp sinh hoạt lên đến 200.000 nhân dân tệ cho chuyên gia nước ngoài.
- Hỗ trợ nghiên cứu: Các quỹ nghiên cứu lên đến 5 triệu nhân dân tệ cho các dự án đổi mới sáng tạo.
- Thâm Quyển: Hỗ trợ tài chính lên đến 200.000 nhân dân tệ cho chuyên gia trong lĩnh vực AI và fintech.
- Thượng Hải: Miễn phí thuê văn phòng trong 3 năm cho các dự án khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ sinh học.
- Hải Nam: Hoàn trả chi phí thuê nhà thực tế cho chuyên gia làm việc tại khu vực này.

3. Môi trường nghiên cứu và hợp tác quốc tế

- Đẩy mạnh hợp tác học thuật quốc tế, cho phép các chuyên gia nước ngoài đứng đầu các nhóm nghiên cứu.
- Các khu công nghệ cao như Zhongguancun (Bắc Kinh), Khu công nghệ cao Thâm Quyển, v.v. có chính sách riêng để thu hút chuyên gia.

4. Phúc lợi gia đình

Hỗ trợ gia đình: Cung cấp hỗ trợ việc làm cho vợ/chồng, ưu tiên nhập học cho con cái và bảo hiểm y tế toàn diện.

5. So sánh chính sách thu hút chuyên gia nước ngoài giai đoạn 2015–2025 với các giai đoạn trước

Tiêu chí	2015–2019	2020–2025
Chương trình tiêu biểu	Thousand Talents Plan, Yangtze River Scholar	High-End Foreign Expert Recruitment Plan, Qiming
Chính sách visa	Thủ tục phức tạp, thời gian xét duyệt lâu	R-Visa (15 ngày), Green Card cho chuyên gia
Chế độ đãi ngộ	Hỗ trợ tài chính cơ bản, nhà ở	Lương cao (ví dụ: Bắc Kinh 412.000 USD/năm), trợ cấp nhà ở, thuế suất 15%
Hỗ trợ gia đình	Hạn chế	Hỗ trợ vợ/chồng, trường quốc tế cho con cái
Chính sách khu vực	Phân tán, thiếu đồng bộ	Chính sách linh hoạt theo khu vực (Greater Bay Area, Hainan)
Đổi mới công nghệ	Tập trung vào nghiên cứu cơ bản	Ưu tiên công nghệ chiến lược như AI, bán dẫn, sinh học
Chính sách hậu cần	Hạn chế	Chương trình “Golden Handcuffs”, bảo hiểm rủi ro địa chính trị

III. Phân tích và đánh giá

1. Ưu điểm

- Tăng cường cạnh tranh quốc tế: Các chính sách mới giúp Trung Quốc thu hút được nhiều chuyên gia quốc tế, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược.
- Tăng cường đổi mới sáng tạo: Thu hút chuyên gia giúp nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển.
- Cải thiện môi trường đầu tư: Chính sách minh bạch và hỗ trợ mạnh mẽ tạo niềm tin cho nhà đầu tư.
- Hỗ trợ toàn diện: Chính sách hỗ trợ không chỉ dành cho cá nhân chuyên gia mà còn mở rộng đến gia đình, giúp họ dễ dàng hòa nhập với môi trường sống và làm việc tại Trung Quốc.

- Định hướng công nghệ chiến lược: Trung Quốc đã chuyển hướng từ việc thu hút nhân tài chung sang tập trung vào các lĩnh vực công nghệ cao, phù hợp với chiến lược phát triển quốc gia.

2. Hạn chế

- Tác động của chính trị và địa chính trị: Một số quốc gia như Mỹ và các nước châu Âu đã có những phản ứng tiêu cực đối với các chính sách thu hút nhân tài của Trung Quốc, lo ngại về vấn đề sở hữu trí tuệ và an ninh quốc gia. Các quy định về an ninh quốc gia và giám sát dữ liệu có thể gây lo ngại cho chuyên gia nước ngoài.
- Cạnh tranh quốc tế: Các quốc gia khác như Mỹ và châu Âu cũng đang tích cực thu hút nhân tài.
- Khó khăn trong việc duy trì nhân tài: Mặc dù có nhiều chính sách hấp dẫn, nhưng tỷ lệ giữ chân chuyên gia sau 5 năm vẫn còn thấp, do sự khác biệt về văn hóa và môi trường làm việc.

VI. Kết luận

Trung Quốc đang nỗ lực xây dựng một môi trường thuận lợi để thu hút chuyên gia nước ngoài, với các chính sách và hỗ trợ đa dạng. Chính sách thu hút chuyên gia nước ngoài của Trung Quốc trong giai đoạn 2020–2025 đã có những bước tiến đáng kể so với trước đây, đặc biệt trong việc cải thiện môi trường làm việc và hỗ trợ gia đình chuyên gia. Tuy nhiên, để duy trì và phát triển bền vững nguồn nhân lực chất lượng cao, Trung Quốc cần tiếp tục cải thiện các chính sách về văn hóa, xã hội và giảm thiểu tác động từ các yếu tố chính trị và địa chính trị, cần tiếp tục cải thiện môi trường pháp lý và tăng cường hợp tác quốc tế.

B. KINH NGHIỆM CỦA INDONESIA

Indonesia từ lâu đã nhận thấy nhu cầu về chuyên gia nước ngoài để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế quốc gia, đặc biệt ở các lĩnh vực mà nguồn nhân lực trong nước còn thiếu hoặc cần chuyển giao công nghệ. Chính phủ Indonesia đã đơn giản hóa các quy định về giấy phép kinh doanh và lao động để thu hút đầu tư và nhân tài nước ngoài, nổi bật là Luật Omnibus (Luật số 11/2020 về Tạo việc làm) và các quy định liên quan.

1. Cơ chế quản lý chính

- **Kế hoạch sử dụng lao động nước ngoài:** Doanh nghiệp phải xin phê duyệt kế hoạch chi tiết về vị trí, thời gian và lý do cần tuyển chuyên gia nước ngoài, sau đó mới được xin giấy phép lao động và visa lưu trú có thời hạn (VITAS/KITAS).

- **Hạn chế ngành nghề:** Lao động nước ngoài chủ yếu được tuyển vào các vị trí quản lý, kỹ thuật hoặc chuyên môn cao. Các vị trí nhân sự, pháp lý, hành chính tổng hợp dành riêng cho công dân Indonesia.

- **Chuyển giao kỹ năng bắt buộc:** Doanh nghiệp phải triển khai chương trình đào tạo, chuyển giao kiến thức để công dân Indonesia (nhân viên bản địa) có thể đảm nhiệm vị trí của chuyên gia nước ngoài trong tương lai. Báo cáo tiến độ của việc đào tạo này là bắt buộc, vi phạm có thể bị thu hồi giấy phép.

2. Những điểm mới trong việc thu hút lao động, chuyên gia nước ngoài

- **Số hóa thủ tục:** Quy trình tuyển dụng lao động nước ngoài đã được số hóa, rút ngắn thời gian xử lý nhưng yêu cầu hồ sơ chính xác hơn.

- **Tập trung vào lĩnh vực giá trị cao:** Chuyên gia nước ngoài đặc biệt được săn đón trong các lĩnh vực kinh tế số, năng lượng xanh, hạ tầng, sản xuất tiên tiến.

- **Chiến lược nhân lực trong kỷ nguyên công nghiệp 4.0:** Indonesia triển khai chương trình “Making Indonesia 4.0” với nhu cầu lớn về chuyên gia trong lĩnh vực tự động hóa, AI, logistics, và công nghệ cao. Chính phủ đang xúc tiến hợp tác quốc tế để đưa chuyên gia đến đào tạo đội ngũ bản địa.

- **Cấp visa đặc biệt cho chuyên gia số và nhà đầu tư (Digital Nomad Visa):** Visa 5 năm cho chuyên gia làm việc từ xa trong các lĩnh vực công nghệ, tài chính số, sáng tạo – nhằm đưa Bali trở thành trung tâm sáng tạo số.

- **Hợp tác khu vực ASEAN:** Indonesia tăng cường ký các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA) trong lĩnh vực nghề nghiệp như kỹ thuật, kiến trúc, điều dưỡng – tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho chuyên gia ASEAN.

3. Kết quả

- Sự hiện diện của chuyên gia nước ngoài giúp chuyển giao công nghệ, nâng cao kỹ năng cho đội ngũ địa phương, đóng góp vào mục tiêu hiện đại hóa kinh tế của Indonesia.

- Tuy nhiên, số lượng lao động nước ngoài vẫn thấp so với tổng lực lượng lao động (dưới 100.000/140 triệu).

- Các công ty đa quốc gia và công nghệ hưởng lợi từ thủ tục đơn giản hóa nhưng vẫn gặp khó khăn về tuân thủ, đặc biệt trong chuyển giao kỹ năng và hạn chế ngành nghề.

4. Khó khăn

- Sự không nhất quán thủ tục giữa các vùng có thể làm chậm quá trình tuyển dụng.

- Yêu cầu đào tạo cho đội ngũ địa phương và các báo cáo bắt buộc tạo áp lực cho các doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp phải chứng minh lý do tuyển dụng và sự thiếu hụt nhân lực trong nước, gây phức tạp cho quy trình.

C. MALAYSIA

Malaysia tự định vị là trung tâm khu vực về đầu tư và nhân lực, với chính sách khuyến khích mạnh mẽ đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và thu hút chuyên gia quốc tế. Malaysia có vị trí chiến lược, hạ tầng phát triển và môi trường kinh doanh thân thiện là những yếu tố hấp dẫn doanh nghiệp và chuyên gia nước ngoài.

1. Khung pháp lý

- **Ngành nghề cụ thể:** Lao động nước ngoài được phép làm việc ở các ngành được phê duyệt như sản xuất, xây dựng, trồng trọt, nông nghiệp, khai khoáng. Chuyên gia (expatriate) chủ yếu ở vị trí quản lý, kỹ thuật hoặc chuyên môn cao.

- **Hệ thống hạn ngạch (quota) và phê duyệt:** Doanh nghiệp muốn tuyển lao động nước ngoài phải xin cấp hạn ngạch từ Bộ Nội vụ Malaysia trước khi tiến hành các thủ tục tuyển dụng tiếp theo. Hạn ngạch này được phân bổ dựa trên nhu cầu thực tế của từng ngành nghề và chính sách điều tiết lao động của nhà nước, đảm bảo tỷ lệ lao động nước ngoài không vượt quá mức trần quy định.

- **Thay đổi pháp lý gần đây:** Luật Lao động sửa đổi 2022 yêu cầu phải được Tổng Cục trưởng Lao động phê duyệt trước khi tuyển dụng bất kỳ lao động nước ngoài nào, kể cả chuyên gia. Doanh nghiệp phải tuân thủ các quy trình chuẩn bị hồ sơ.

- **Cơ chế thu phí nhiều tầng (Multi-Tier Levy Mechanism - MTLM):** Cơ chế thu phí nhiều tầng là một giải pháp tài chính và quản lý nhân lực mang tính chiến lược của Malaysia, nhằm kiểm soát dòng lao động nước ngoài, khuyến khích tuyển dụng lao động kỹ năng cao và thúc đẩy quá trình hiện đại hóa, tự động hóa sản xuất, đồng thời bảo vệ quyền lợi lao động bản địa và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Mục tiêu chính của MTLM là: Hạn chế tỷ lệ lao động nước ngoài ở mức không quá 15% tổng lực lượng lao động quốc gia vào năm 2025; Tạo động lực để doanh nghiệp đầu tư vào đào tạo, nâng cao kỹ năng cho lao động địa phương và áp dụng công nghệ mới; Tăng nguồn thu ngân sách để tái đầu tư vào các chương trình nâng cao năng suất và tự động hóa ngành công nghiệp.

Cách Thức Hoạt Động

- Nguyên tắc tính phí: Doanh nghiệp càng sử dụng nhiều lao động nước ngoài, mức phí (levy) phải nộp cho mỗi lao động càng cao. Các mức phí sẽ được chia thành nhiều tầng (tiers) dựa trên tỷ lệ lao động nước ngoài/doanh nghiệp hoặc tổng số lao động nước ngoài mà doanh nghiệp sử dụng.
- Phân chia ngành nghề: MTLM áp dụng cho các lĩnh vực như sản xuất, xây dựng, dịch vụ, nông nghiệp, khai khoáng... với các ngưỡng tỷ lệ khác nhau tùy theo từng ngành.
- Cơ sở xác định mức phí: Chính phủ sẽ dựa vào “trần tỷ lệ phụ thuộc” (Dependency Ratio Ceiling - DRC) của từng ngành để xác định từng mức phí. Nếu doanh nghiệp vượt quá ngưỡng này, mức phí tăng lên đáng kể.
- Tái đầu tư nguồn thu: Một phần tiền thu từ MTLM sẽ được sử dụng để hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo, nâng cao kỹ năng lao động địa phương và đầu tư vào tự động hóa, giúp giảm dần nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài phổ thông.

2. Kết quả

- Tính đến tháng 6/2022, Malaysia có khoảng 2,1 triệu lao động nước ngoài, chiếm khoảng 15% lực lượng lao động, chủ yếu là lao động phổ thông.
- Chỉ khoảng 6,6% lực lượng lao động có kỹ năng là chuyên gia nước ngoài, cho thấy nhóm này tuy nhỏ nhưng rất quan trọng.
- Chính phủ đã áp dụng các đợt ngừng tuyển dụng và chương trình hồi hương để kiểm soát tổng số lao động nước ngoài, ưu tiên nhân lực chất lượng cao.

3. Thu hút chuyên gia nước ngoài

- **Ưu đãi cho lĩnh vực giá trị cao:** Malaysia cung cấp ưu đãi thuế, tín dụng R&D và các chính sách khuyến khích cho các ngành như công nghệ, sản xuất tiên tiến, năng lượng tái tạo.
- **Đơn giản hóa thủ tục:** Chính phủ số hóa dịch vụ, hợp nhất các cơ quan đầu tư giúp tăng hiệu quả cấp phép lao động, dù vẫn còn chậm ở một số ngành trọng điểm.
- **Tập trung phát triển nguồn nhân lực:** Chính phủ chú trọng hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu hàng đầu để phát triển nguồn nhân lực kết hợp giữa nội địa và quốc tế.

4. Các sáng kiến mới giai đoạn 2023–2025:

- **Malaysia Digital Economy Blueprint (MyDIGITAL):** Mục tiêu đến 2025 có 500.000 việc làm trong lĩnh vực kinh tế số. Malaysia tích cực thu hút chuyên gia trong lĩnh vực dữ liệu lớn, an ninh mạng, điện toán đám mây, fintech.

- **TalentCorp – Nền tảng một cửa về nhân lực cao:** Malaysia củng cố tổ chức TalentCorp như một cơ quan trung gian để kết nối chuyên gia nước ngoài với các doanh nghiệp trong nước, nhất là qua các chương trình như “Returning Expert Programme” và “MYXpats Centre”.

- **Chiến lược quốc gia về bán dẫn:** Trong năm 2024, Malaysia công bố chiến lược đẩy mạnh ngành bán dẫn – lĩnh vực ưu tiên thu hút chuyên gia cao cấp, đặc biệt từ Đài Loan (TQ), Mỹ, châu Âu.

5. Khó khăn

- Thủ tục phức tạp và các đợt ngừng tuyển dụng định kỳ có thể làm chậm quá trình tuyển chuyên gia nước ngoài.

- Sự phụ thuộc vào lao động phổ thông vẫn là vấn đề, thúc đẩy chính sách thu hút và giữ chân chuyên gia kỹ năng cao.

- Chi phí tăng và bất ổn kinh tế toàn cầu đòi hỏi chính sách phải liên tục điều chỉnh.

BÁO CÁO VỀ THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP THU HÚT, QUẢN LÝ CHUYÊN GIA NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

1. Thực Trạng Sử Dụng Chuyên Gia Nước Ngoài

Theo thống kê từ 31 cơ sở giáo dục, hiện có tổng cộng 130 giảng viên, nhà quản lý và chuyên gia nước ngoài đang hoặc đã làm việc tại Việt Nam. Tuy nhiên, sự phân bố đội ngũ này không đồng đều, phần lớn tập trung ở một số trường cao đẳng lớn, trong khi nhiều trường khác không có chuyên gia nước ngoài nào.

Số liệu chi tiết:

- Tổng số: 130 chuyên gia.
- Trình độ chuyên môn: Chủ yếu là đại học và thạc sĩ (59 người) và các trình độ khác (47 người).
- Hình thức làm việc: Phần lớn làm việc diện tình nguyện viên (74 người) hoặc theo hiệp định hợp tác (29 người).
- Thời gian làm việc: Đa số làm việc ngắn hạn, với 63 người làm việc dưới 3 tháng và 31 người làm việc dưới 12 tháng.
- Nhiệm vụ chính: Các công việc chủ yếu là giảng dạy các môn chuyên ngành (25 người) và giảng dạy ngoại ngữ (31 người), 41 người làm việc khác.
- Phân bố: Có sự chênh lệch lớn khi 17 trong số 31 cơ sở được thống kê không có chuyên gia nước ngoài nào. Đội ngũ này tập trung chủ yếu tại các trường như Cao đẳng Sư phạm TW HCM (37 người), Cao đẳng Du lịch Hà Nội (29 người) và Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi (18 người).

2. Những khó khăn và vướng mắc

Mặc dù Nhà nước đã có những chính sách ưu đãi ban đầu, việc thu hút và sử dụng chuyên gia nước ngoài vẫn đối mặt với nhiều rào cản lớn về thủ tục hành chính, chính sách đãi ngộ và các quy định pháp lý.

a. Rào cản về thủ tục hành chính và pháp lý

- Giấy phép lao động (GPLĐ): Thủ tục xin cấp phép còn phức tạp, nhiều bước và đòi hỏi nhiều giấy tờ cần hợp pháp hóa lãnh sự, gây tốn kém thời gian và chi phí. Thời hạn của GPLĐ tối đa chỉ 2 năm và chỉ được gia hạn một lần, gây bất tiện cho các chuyên gia muốn làm việc lâu dài hoặc tham gia các dự án kéo dài. Trên thực tế, đã có trường hợp không thể tiếp nhận trợ giảng người Mỹ vào năm 2023 do vướng mắc thủ tục xin miễn GPLĐ.

- Công nhận văn bằng và trình độ: Các quy định hiện hành còn cứng nhắc, quá chú trọng vào bằng cấp mà chưa linh hoạt công nhận kinh nghiệm thực tiễn dày dạn của chuyên gia. Thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự và công nhận văn bằng, chứng chỉ quốc tế còn phức tạp và tốn thời gian.

- Thủ tục xuất nhập cảnh và Visa: Thủ tục xin visa lao động còn tách biệt với quy trình xin GPLĐ, dẫn đến sự chồng chéo và kéo dài thời gian¹⁶. Việc thiếu cơ chế visa dài hạn (3-5 năm) gắn với hợp đồng lao động gây ra tâm lý không ổn định cho chuyên gia.

- Hợp pháp hóa lãnh sự: Quy trình hợp pháp hóa giấy tờ của người nước ngoài được mô tả là rườm rà, tốn kém thời gian và chi phí, đặc biệt với các quốc gia không có cơ quan ngoại giao tại Việt Nam.

b. Hạn chế về chính sách thu hút và đãi ngộ

- Tài chính và lương bổng: Các trường công lập bị hạn chế bởi quy định về quỹ lương và định mức chi tiêu công, khiến mức lương khó cạnh tranh với khu vực tư nhân và các nước khác. Nguồn ngân sách hạn hẹp và công tác tuyển sinh gặp khó khăn càng làm giảm khả năng chi trả đãi ngộ hấp dẫn.

- Hợp đồng lao động: Việc phải có GPLĐ trước khi ký hợp đồng chính thức gây chậm trễ, ảnh hưởng đến kế hoạch chuyên môn. Hiện chưa có khung hợp đồng mẫu chung cho chuyên gia nước ngoài, gây lúng túng cho các cơ sở khi soạn thảo.

- Thuế và bảo hiểm: Mức thuế thu nhập cá nhân (TNCN) lũy tiến lên đến 35% được cho là cao và làm giảm thu nhập thực tế của chuyên gia. Các khoản đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) và bảo hiểm y tế (BHYT) bắt buộc cũng tạo gánh nặng tài chính, đặc biệt với chuyên gia làm việc ngắn hạn.

- Chính sách cho gia đình: Hiện chưa có các chính sách hỗ trợ cụ thể và đủ sức hấp dẫn về nhà ở, học tập cho con cái hay việc làm cho vợ/chồng của chuyên gia, làm giảm sức cạnh tranh trong việc thu hút nhân tài.

3. Đề xuất và kiến nghị giải pháp

Để tháo gỡ các vướng mắc và tạo môi trường thuận lợi hơn, các cơ sở giáo dục đã đề xuất nhiều giải pháp đột phá, tập trung vào cải cách hành chính và hoàn thiện chính sách.

a. Cải cách thủ tục hành chính

- Đồng bộ hóa và số hóa: Xây dựng cơ chế "một cửa liên thông", cho phép nộp hồ sơ trực tuyến để đồng bộ hóa thủ tục cấp GPLĐ, visa, và đăng ký lưu trú.

- Đơn giản hóa hồ sơ: Rút gọn các giấy tờ cần thiết, cho phép miễn hợp pháp hóa lãnh sự đối với chuyên gia đến từ các chương trình hợp tác quốc tế hoặc các quốc gia đã có hiệp định tương trợ tư pháp với Việt Nam.

- Cơ chế đặc thù cho GDNN: Đề xuất xây dựng "thẻ chuyên gia giáo dục nghề nghiệp" có thời hạn 2-5 năm (có thể gia hạn không giới hạn) để thay thế GPLĐ. Ban hành loại visa chuyên biệt cho chuyên gia giáo dục, nhà nghiên cứu với thời hạn tối thiểu 12 tháng và cho phép gia hạn nhanh.

b. Hoàn thiện chính sách đãi ngộ và thu hút

- Tăng quyền tự chủ tài chính: Cho phép các cơ sở giáo dục công lập được tự chủ hoàn toàn trong việc quyết định mức lương và đãi ngộ cho chuyên gia nước ngoài mà không bị ràng buộc bởi định mức tài chính công.

- Chính sách thuế và bảo hiểm ưu đãi: Nghiên cứu chính sách miễn, giảm thuế TNCN trong 2-3 năm đầu cho chuyên gia làm việc tại các cơ sở GDNN công lập.

Cho phép họ lựa chọn hình thức bảo hiểm linh hoạt (tự nguyện hoặc thương mại) thay vì BHXH bắt buộc, đặc biệt với hợp đồng ngắn hạn.

- Hỗ trợ toàn diện: Xây dựng gói chính sách hỗ trợ gia đình chuyên gia đi kèm, bao gồm tư vấn tìm nhà ở, giới thiệu trường học cho con, và tạo điều kiện cho người thân tiếp cận cơ hội việc làm.

- Cải thiện mức lương: Đề xuất tăng mức lương cho chuyên gia dựa trên khảo sát thực tế, có thể đạt khoảng 80% trở lên so với mức lương họ nhận tại nước sở tại.

c. Các giải pháp chiến lược cấp quốc gia

- Xây dựng chiến lược quốc gia: Ban hành chương trình quốc gia về thu hút chuyên gia GDNN nước ngoài, xác định rõ các ngành nghề và địa phương ưu tiên.

- Thành lập trung tâm điều phối: Xây dựng một trung tâm điều phối chuyên gia GDNN quốc tế để làm đầu mối quản lý hồ sơ, hướng dẫn thủ tục và kết nối chuyên gia với các cơ sở đào tạo.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu: Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử quốc gia về chuyên gia quốc tế trong GDNN để dễ dàng tra cứu, quản lý và đánh giá hiệu quả làm việc.

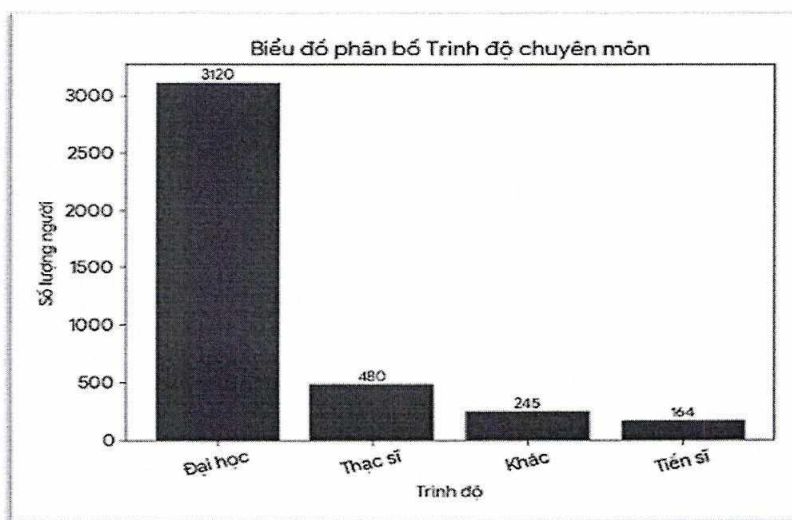
BÁO CÁO**TỔNG HỢP VỀ VIỆC THU HÚT VÀ SỬ DỤNG CHUYÊN GIA NƯỚC NGOÀI TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG VÀ THƯỜNG XUYỀN TẠI VIỆT NAM****1. Tình hình chung**

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, Việt Nam đã và đang thu hút một lượng đáng kể chuyên gia, nhà quản lý và giảng viên nước ngoài vào làm việc trong lĩnh vực giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học, đặc biệt là ngoại ngữ.

Dựa trên số liệu thống kê báo cáo của 22/34 Sở GDĐT¹, hiện có tổng số có 4.009 người nước ngoài hiện đang làm giảng viên, nhà quản lý, chuyên gia nước ngoài đang làm việc tại các cấp học mầm non, phổ thông và thường xuyên.

Trong đó phân loại như sau:

Theo trình độ của chuyên gia: Phần lớn chuyên gia có trình độ từ Đại học trở lên (trong đó có 3.120 người có trình độ Đại học, 480 người có trình độ Thạc sĩ, 164 người có trình độ Tiến sĩ) còn lại và 245 người có trình độ khác.

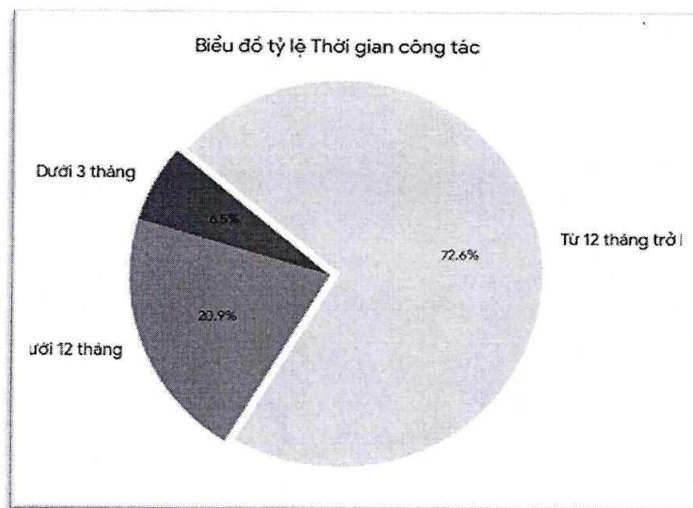


Biểu đồ cho thấy số lượng chuyên gia nước ngoài theo từng loại trình độ chuyên môn, trong đó số lượng người có trình độ Đại học là cao nhất, chiếm phần lớn trong tổng số.

Theo hình thức làm việc: Hình thức làm việc chủ yếu của các chuyên gia là thông qua hợp đồng lao động (3.607 người), thông qua các hiệp định hoặc thỏa thuận hợp tác là 180 người, Tình nguyện viên là 69 người, còn lại là các hình thức khác.

¹ 12 Sở GDĐT không gửi báo cáo: Huế, Điện Biên, Quảng Trị, Nghệ An, Đà Nẵng, Khánh Hoà, Lâm Đồng, Đắk Lắk, TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Đồng Tháp, An Giang

Thời gian làm việc: Đa số làm việc từ trên 12 tháng trở lên 2.897 người chiếm tỷ lệ là 72.6%, từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng là 836 người, số người làm việc dưới 3 tháng chiếm số lượng ít nhất (260 người).



2. Biểu đồ tỷ lệ các Hình thức làm việc

Biểu đồ tròn này minh họa tỷ trọng của các hình thức làm việc. "Hợp đồng lao động" là hình thức phổ biến nhất, chiếm đến 89.9%.

3. Biểu đồ phân bố Lĩnh vực công việc

4. Biểu đồ tỷ lệ Thời gian công tác

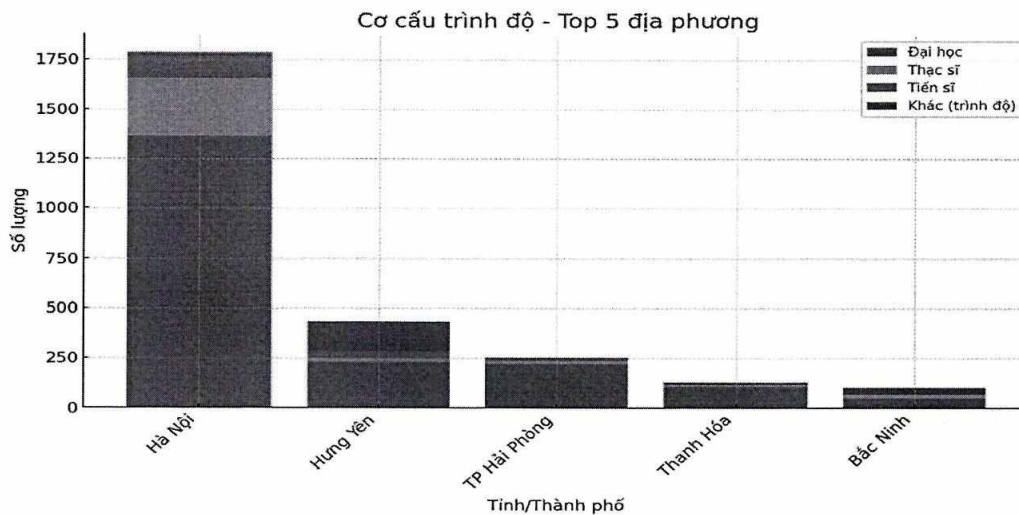
Biểu đồ tròn cuối cùng cho thấy phần lớn các chuyên gia (72.3%) làm việc tại Việt Nam trong khoảng thời gian dài hạn, từ 12 tháng trở lên.

Công việc chính: Giảng dạy ngoại ngữ là lĩnh vực công tác phổ biến nhất chiếm ưu thế với 3.057 người chiếm 73.5%, giảng dạy các môn chuyên ngành là 623 người chiếm 15%, nhà quản lý là 216 người, Nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật là 58 người và số còn lại là công việc khác 205 người



Một số địa phương nổi bật có nhiều chuyên gia nước ngoài làm việc tại các cơ sở giáo dục: Hà Nội là địa phương có số lượng chuyên gia nước ngoài đông nhất với 1.786 người. Các địa phương khác có số lượng đáng kể bao gồm: Ninh

Bình (741 người), Hưng Yên (432 người), Phú Thọ (286 người) và TP Hải Phòng (252 người). Một số tỉnh không ghi nhận chuyên gia nước ngoài nào là Tây Ninh, Hà Tĩnh, Cà Mau, Vĩnh Long.



Biểu đồ thị 5 địa phương có số lượng chuyên gia nước ngoài nhiều nhất.

Biểu đồ cho thấy **Hà Nội** có số lượng chuyên gia vượt trội cả về số lượng và trình độ so với các tỉnh thành khác, **Ninh Bình** và **Hưng Yên** cũng là những trung tâm thu hút nhiều chuyên gia. Cột "Tổng số còn lại" bao gồm 17 tỉnh thành khác đã cung cấp số liệu⁴.

Trong khi đó, có 12 tỉnh chưa báo cáo trong đó có nhiều tỉnh thành lớn như Huế, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh, Nghệ an, Khánh Hòa nên các số liệu trên chỉ mang tính tương đối, chưa phản ánh hết tình hình chuyên gia nước ngoài ở các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông của Việt Nam.

Số liệu tại Phụ lục kèm theo.

I. THUẬN LỢI

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, việc thu hút và sử dụng chuyên gia nước ngoài đã góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng giáo dục tại Việt Nam. Các kết quả tích cực được ghi nhận trên nhiều phương diện.

1. Trong việc tiếp nhận chuyên gia

a) Cấp GPLĐ/miễn GPLĐ: Hành lang pháp lý đã dần hoàn thiện, với các văn bản như Bộ luật Lao động 2019, Nghị định 152/2020/NĐ-CP, quy định rõ ràng về điều kiện, trình tự cấp và miễn giấy phép lao động (GPLĐ).

Thủ tục hành chính có sự cải tiến, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3-4 được triển khai, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ. Một số thủ tục có thể thực hiện online giúp tiết kiệm chi phí và thời gian đi lại. Tại các tỉnh như Lào Cai, Yên Bái, quy trình tiếp nhận người nước ngoài vào làm việc khá rõ ràng, đảm bảo quy định về phân cấp quản lý và dễ thực hiện.

b) Tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ: Các quy định cụ thể, rõ ràng trong nghị định hiện hành giúp các cơ sở có định hướng rõ khi tuyển dụng. Khung pháp lý chấp nhận linh hoạt nhiều loại văn bằng quốc tế.

Chất lượng đội ngũ chuyên gia được đánh giá cao, hầu hết có trình độ đại học trở lên và sở hữu các chứng chỉ giảng dạy quốc tế như TEFL, TESOL, CELTA. Sự có mặt của giáo viên bản ngữ giúp học sinh tiếp cận cách phát âm chuẩn, phương pháp giao tiếp linh hoạt, tạo môi trường học tập sinh động, hấp dẫn hơn. Nhiều trường chủ động ký hợp đồng trực tiếp với giáo viên nước ngoài hoặc liên kết với các trung tâm uy tín, giúp chủ động trong việc sắp xếp thời khóa biểu và lên kế hoạch đào tạo.

c) Xuất nhập cảnh/Visa: Quy định tương đối rõ ràng, có hướng dẫn cụ thể, cho phép xin thẻ tạm trú dài hạn và có thể chuyển đổi loại visa phù hợp khi ở trong nước.

d) Quốc tịch: Quy định hiện hành không phân biệt quốc tịch khi xét cấp GPLĐ, giúp tiếp cận giáo viên đa quốc gia dễ dàng hơn.

đ) Hợp pháp hóa lãnh sự: Đã có quy trình rõ ràng và thống nhất trên toàn quốc, đảm bảo tính pháp lý của giấy tờ nước ngoài khi sử dụng tại Việt Nam.

2. Việc thu hút và sử dụng chuyên gia

a) Tuyển dụng/Ký hợp đồng: Chính sách pháp lý tương đối rõ ràng, cho phép linh hoạt các loại hợp đồng.

b) Hỗ trợ gia đình: Có quy định cho phép bảo lãnh người thân theo diện visa/thẻ tạm trú; môi trường sống ổn định và chi phí sinh hoạt hợp lý cũng là một lợi thế.

c) Phát triển nghề nghiệp: Khung pháp lý về tự chủ đại học và nghiên cứu khoa học đang được mở rộng, tạo cơ hội cho chuyên gia tham gia nghiên cứu và phát triển.

d) Tài chính, lương, đãi ngộ: Các quy định hiện hành đã tạo cơ chế mở cho việc thỏa thuận tiền lương, cho phép doanh nghiệp linh hoạt trong việc đưa ra mức lương cạnh tranh.

đ) Thuế và bảo hiểm: Đã có hệ thống quy định rõ ràng và đồng bộ về thuế thu nhập cá nhân (TNCN). Việt Nam cũng đã ký nhiều hiệp định tránh đánh thuế hai lần. Hệ thống chính sách Bảo hiểm xã hội (BHXH), Bảo hiểm y tế (BHYT) rõ ràng, có văn bản hướng dẫn cụ thể.

II. KHÓ KHĂN

Mặc dù có nhiều kết quả tích cực, công tác này vẫn còn tồn tại một số khó khăn, vướng mắc.

1. Về thủ tục hành chính và pháp lý: Thủ tục hành chính vẫn còn cần hoàn thiện. Hồ sơ cấp/miễn GPLĐ đòi hỏi nhiều giấy tờ phải hợp pháp hóa lãnh sự, dịch thuật công chứng, gây tốn thời gian và chi phí. Việc phải đăng tin tuyển dụng lao động Việt Nam thay thế trong 15 ngày trước khi nộp hồ sơ cấp GPLĐ gây mất thời gian.

Thủ tục gia hạn GPLĐ còn phức tạp, chỉ được gia hạn một lần sau đó phải xin cấp mới, gây khó khăn cho các đơn vị.

Thủ tục xin visa lao động còn phức tạp, yêu cầu nhiều giấy tờ công chứng, hợp pháp hóa lãnh sự. Một số nơi chỉ cấp thị thực (visa) thay vì thẻ tạm trú, gây bất tiện cho chuyên gia trong các thủ tục hành chính khác như định danh điện tử.

2. Về phía cơ sở giáo dục và chuyên gia: Một số cơ sở giáo dục chưa có kinh nghiệm hoặc thiếu nhân sự chuyên trách, dẫn đến chậm trễ khi làm thủ tục. Rào cản ngôn ngữ và khác biệt văn hóa đôi khi hạn chế sự giao tiếp giữa giáo viên nước ngoài với học sinh và đồng nghiệp Việt Nam.

Mức lương và chính sách đãi ngộ tại nhiều cơ sở công lập chưa đủ sức cạnh tranh so với thị trường lao động quốc tế. Việc hỗ trợ ăn ở, đi lại, bảo hiểm y tế còn rất hạn chế. Trong giai đoạn 2022-2025, các tỉnh Lào Cai và Yên Bái chưa thu hút, tuyển dụng được chuyên gia nước ngoài nào vào làm việc trong các cơ sở giáo dục công lập do chính sách chưa đủ sức thu hút.

3. Về các quy định cụ thể:

a) Cấp GPLĐ/miễn GPLĐ: Hồ sơ yêu cầu phức tạp, quy trình gồm nhiều bước kéo dài thời gian tuyển dụng. Việc thanh toán lệ phí trực tuyến còn gặp khó khăn.

b) Tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ: Quy trình công chứng, dịch thuật, hợp pháp hóa tốn nhiều chi phí và thời gian. Việc công nhận chứng chỉ sư phạm với giáo viên ngôn ngữ, thỉnh giảng chưa thật sự linh hoạt. Việc công nhận văn bằng, chứng chỉ quốc tế chưa có cơ chế rõ ràng và nhất quán. Đặc biệt, chưa có danh mục các loại chứng chỉ quốc tế như TESOL, TEFL được chấp nhận chính thức, do chất lượng không đồng đều từ hàng trăm tổ chức cấp.

c) Xuất nhập cảnh/Visa: Hồ sơ phức tạp, thủ tục thường thay đổi và mất nhiều thời gian, chi phí. Các trường ở địa phương phải gửi hồ sơ và chờ xét duyệt tại Cục Xuất nhập cảnh, gây tốn kém chi phí đi lại.

d) Hợp pháp hóa lãnh sự: Quy trình nhiều bước, kéo dài thời gian và chi phí cao. Một số nước có thủ tục phức tạp hoặc có rủi ro giấy tờ giả, không đúng chuẩn.

e) Tuyển dụng/Ký hợp đồng: Thiếu cơ chế linh hoạt cho hợp đồng ngắn hạn hoặc thử việc. Chưa có quy định rõ ràng về giáo viên nước ngoài giảng dạy tại cấp mầm non, phổ thông.

f) Hỗ trợ gia đình: Chưa có chính sách hỗ trợ một cách toàn diện, đặc biệt là cho chuyên gia làm việc tại miền núi, vùng khó khăn. Việc học tập của con cái và các dịch vụ sinh hoạt còn thiếu ở các địa phương nhỏ.

g) Phát triển nghề nghiệp: Người nước ngoài thiếu cơ hội tiếp cận các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn. Việc công nhận kết quả nghiên cứu, sáng kiến từ cơ sở ngoài công lập còn hạn chế.

h) Tài chính, lương, đãi ngộ: Mức lương trong khu vực công lập chưa hấp dẫn. Không có chính sách ưu đãi tài chính riêng cho các cơ sở giáo dục miền núi, vùng khó khăn khi tuyển giáo viên nước ngoài.

i) Thuế và bảo hiểm: Mức thuế TNCN còn cao so với thu nhập tại một số vị trí học thuật. Chi phí đóng BHXH, BHYT cao, tăng gánh nặng tài chính cho các

cơ sở giáo dục, đặc biệt là ở vùng khó khăn. Một số lao động ngắn hạn không muốn tham gia BHXH vì đã có chế độ tại nước họ.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ thực tiễn và những khó khăn đã nêu, một số kiến nghị được đề xuất nhằm tăng cường hiệu quả công tác thu hút và sử dụng chuyên gia nước ngoài.

1. Hoàn thiện hệ thống pháp lý và đơn giản hóa thủ tục:

- Hoàn thiện hệ thống pháp lý thống nhất trên toàn quốc, xây dựng quy trình một cửa liên thông, minh bạch.

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, số hóa toàn bộ quy trình, cho phép sử dụng hồ sơ điện tử và rút ngắn thời gian xử lý còn 3-5 ngày làm việc.

- Miễn thủ tục hành chính về GPLĐ nếu chuyên gia đã từng làm việc tại các cơ sở giáo dục đại học hoặc nghiên cứu có uy tín tại Việt Nam.

- Xây dựng bộ tiêu chí công nhận linh hoạt các loại văn bằng, chứng chỉ quốc tế và ban hành bảng chuẩn tương đương trình độ giáo dục giữa Việt Nam và các quốc gia khác.

2. Xây dựng chính sách đãi ngộ và hỗ trợ cạnh tranh:

- Điều chỉnh và ban hành chính sách đãi ngộ cạnh tranh như: miễn thuế TNCN 1-2 năm đầu, hỗ trợ chi phí thuê nhà, vé máy bay, cung cấp bảo hiểm sức khỏe toàn diện và hỗ trợ học phí cho con của chuyên gia.

- Có chính sách hỗ trợ tài chính đặc thù (giảm lệ phí visa, hỗ trợ nhà ở, đi lại) cho gia đình chuyên gia làm việc tại miền núi, vùng khó khăn.

- Xây dựng cơ chế cho phép con em người nước ngoài học tại trường công có hỗ trợ tiếng Việt hoặc hỗ trợ tài chính học phí tại trường quốc tế.

- Xây dựng khung lương tối thiểu riêng cho chuyên gia nước ngoài theo trình độ học thuật và thị trường quốc tế.

3. Cải cách các quy định cụ thể:

- Cấp GPLĐ/miễn GPLĐ: Đơn giản hóa thành phần hồ sơ, chấp nhận bản sao điện tử có xác thực. Tích hợp các bước thành quy trình "một cửa" tại địa phương.

- Tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ: Bổ sung danh mục chứng chỉ quốc tế (TESOL, TEFL) được công nhận không cần hợp pháp hóa lãnh sự. Rút gọn thủ tục bằng cách thiết lập một đầu mối hỗ trợ chuyên gia.

- Xuất nhập cảnh/Visa: Xây dựng loại "Visa học thuật" đặc thù cho ngành giáo dục. Cho phép nộp hồ sơ online qua cổng dịch vụ công để giảm đi lại và cho phép sử dụng visa du lịch cho mục đích thử việc ngắn hạn.

- Tuyển dụng/Ký hợp đồng: Bổ sung quy định cho phép ký hợp đồng thử việc dưới 60 ngày không yêu cầu GPLĐ. Cho phép các trường công lập, trung tâm GDTX được hợp đồng trực tiếp với chuyên gia theo định mức đặc thù.

- Phát triển nghề nghiệp: Xây dựng cơ chế công nhận tương đương đối với các chương trình phát triển nghề nghiệp quốc tế (CPD). Cho phép chuyên gia

nước ngoài chủ trì độc lập đề tài khoa học nếu làm việc lâu dài và có hồ sơ khoa học mạnh.

- Thuế và bảo hiểm: Cân nhắc miễn, giảm thuế TNCN 1-2 năm đầu cho chuyên gia làm việc theo chương trình hợp tác hoặc tại vùng khó khăn. Mở rộng đối tượng tham gia BHXH tự nguyện cho người nước ngoài làm việc ngắn hạn.

- Kiến nghị khác: Xây dựng hệ thống dữ liệu quản lý tập trung về người nước ngoài đang làm việc trong lĩnh vực giáo dục trên toàn quốc để tăng tính minh bạch và cảnh báo rủi ro pháp lý.

- Ban hành quy định về đào tạo, bồi dưỡng văn hóa, pháp luật Việt Nam và bồi dưỡng sư phạm cho giáo viên nước ngoài trước khi giảng dạy.

- Học hỏi các mô hình thành công trên thế giới như: JET Programme (Nhật Bản), Teach for Thailand (Thái Lan), và MOE Teaching Scheme (Singapore), là những chương trình có sự hỗ trợ mạnh mẽ từ chính phủ về visa, nhà ở, lương và thủ tục pháp lý nhanh gọn.

THỦ TRƯỞNG

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU CHUYÊN GIA NƯỚC NGOÀI

TT	Cấp học	Số lượng chuyên gia nước ngoài	Trình độ/Học hàm/Học vị				Hình thức làm việc				Thời gian thực hiện công việc			Công việc thực hiện tại Việt Nam					Tình trạng hiện nay	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	khác	Hợp đồng lao động	Tình nguyện viên	Hiệp định/ thỏa thuận hợp tác	Khác	Dưới 3 tháng	Dưới 12 tháng	Từ 12 tháng trở lên	Giảng dạy ngoại ngữ	Giảng dạy các môn học chuyên ngành	Nhà quản lý	NCKH & TDHT	khác	Đang giảng dạy/ làm việc	Đã về nước
		1	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1	Tây Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Lai Châu	1	1					1				1		1						1
3	Hà Tĩnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Cà Mau	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Gia Lai	10	8	2			8	2				4	6	10	0	0	0	0	7	3
6	Hung Yên	432	227	19	38	148	259	0	34	139	35	93	304	248	10	6	34	134	333	99
	Bắc Ninh	103	51	19	0	33	82	1	6	14	1	7	95	40	44	3	0	16	37	66
8	Cần Thơ	79	43	32	0	4	76	3	0	0		18	61	79	38	29			60	29
9	Son La	3	3					3				3		3						3
	Ninh Bình	741	715	26			741					25	716	741					212	529
11	Cao Bằng	7	7				7				1	2	2	4				3	2	5
	Hải Phòng	252	218	16	9	9	148	14	113	13	16	195	71	237	47	20	20	28	187	105
13	Lạng Sơn	68	65	1		2	68				2	18	48	68					32	36
14	Lào Cai	17	4			13		17	0	0	6	10	1	7				10	0	17
15	Phủ Thọ	286	231	52	2	1	278	5	2		89	9	187	283	0	2	1	0	188	98

[illegible]

TT	Cấp học	Số lượng chuyên gia nước ngoài	Trình độ/Học hàm/Học vị				Hình thức làm việc				Thời gian thực hiện công việc			Công việc thực hiện tại Việt Nam					Tình trạng hiện nay	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	khác	Hợp đồng lao động	Tình nguyện viên	Hiệp định/ thỏa thuận hợp tác	Khác	Dưới 3 tháng	Dưới 12 tháng	Từ 12 tháng trở lên	Giảng dạy ngoại ngữ	Giảng dạy các môn học chuyên ngành	Nhà quản lý	NCKH & TĐHT	khác	Đang giảng dạy/ làm việc	Đã về nước
31	TP Hồ Chí Minh	chưa báo cáo																		
32	Đồng Nai	chưa báo cáo																		
33	Đồng Tháp	chưa báo cáo																		
34	An Giang	chưa báo cáo																		
	Tổng cộng	4.009	3.120	480	164	245	3.607	69	180	187	260	836	2.897	3.057	623	216	58	205	2.511	1.432

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng dự thảo Nghị định quy định người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam

Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 1063/QĐ-BGDĐT ngày 18/4/2025 về Chương trình soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và quyết định cá biệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó có việc soạn thảo Nghị định của Chính phủ quy định người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định) để phù hợp với tình hình mới và các quy định pháp luật hiện hành về những nội dung có liên quan.

Bộ Giáo dục và Đào tạo kính trình Chính phủ Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng dự thảo Nghị định người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam với những nội dung cụ thể sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

a) Bối cảnh quốc tế, khu vực

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại nhiều cơ hội cho phát triển giáo dục và đào tạo trên bình diện quốc tế. Việc mở rộng các mối quan hệ quốc tế, tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo trên thế giới nói chung, tại Châu Á-Thái Bình dương, khu vực Đông Nam Á nói riêng đòi hỏi việc thu hút lao động nước ngoài trong cơ sở giáo dục trở thành nhu cầu ngày càng gia tăng. Thu hút đội ngũ giảng viên nước ngoài giúp cơ sở giáo dục mở rộng hợp tác, nghiên cứu phát triển, nâng cao uy tín và là chỉ số đánh giá thứ hạng theo chuẩn quốc tế.

Dưới đây là một số yếu tố và bối cảnh quan trọng trên thế giới liên quan đến việc người nước ngoài làm việc trong lĩnh vực giáo dục:

(i) Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế: Toàn cầu hóa đã thúc đẩy sự trao đổi tri thức và giao lưu quốc tế. Một số nước đã nhận ra vai trò người nước ngoài có trình độ tham gia vào thị trường lao động và xã hội toàn cầu;

(ii) Đa ngôn ngữ trong giáo dục: Người nước ngoài vào làm việc tại các cơ sở giáo dục góp phần tạo môi trường quốc tế, giúp người học phát triển khả năng giao tiếp bằng nhiều ngôn ngữ và hiểu biết về nhiều nền văn hóa khác nhau.

(iii) Sự dịch chuyển lao động và dòng chảy tri thức quốc tế: Việc dịch chuyển lao động ngày càng phổ biến, đã tạo ra môi trường đa văn hóa trong các cơ sở giáo dục, nhất là các cơ sở giáo dục đại học. Điều này thúc đẩy việc dạy và học bằng ngoại ngữ, để hỗ trợ sinh viên và người lao động quốc tế có thể hòa nhập và thành công trong các môi trường mới.

(iv) Chính sách về thu hút lao động nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục tại một số quốc gia: Nhiều quốc gia đã phát triển các chính sách giáo dục quốc gia trong đó có chính sách về thu hút lao động có trình độ cao. Ví dụ: Tại Trung Quốc, Malaysia: dành nhiều chế độ, chính sách ưu đãi cho chuyên gia nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục

b) Bối cảnh trong nước

Việc xây dựng Nghị định quy định về người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam xuất phát từ nhiều yếu tố thực tiễn và yêu cầu cấp thiết.

Thứ nhất, Việt Nam đang thiếu hụt đội ngũ giảng viên và nhà khoa học có trình độ cao, đặc biệt trong các lĩnh vực như khoa học kỹ thuật, ngoại ngữ và công nghệ – nơi mà năng lực chuyên môn trong nước chưa đủ đáp ứng tối đa nhu cầu phát triển.

Thứ hai, xu thế hội nhập quốc tế trong giáo dục ngày càng sâu rộng, đòi hỏi các cơ sở giáo dục cần mở rộng hợp tác, thu hút chuyên gia quốc tế nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu.

Tuy nhiên, các quy định hiện hành về tuyển dụng lao động nước ngoài chưa bao quát được toàn bộ đặc thù của lĩnh vực giáo dục. Đồng thời, Luật Nhà giáo và các chính sách hiện hành đã nhấn mạnh chủ trương của Nhà nước trong việc khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia vào quá trình giảng dạy, nghiên cứu, trao đổi học thuật tại Việt Nam.

Từ năm 2020, lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam được điều chỉnh bởi Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 và Nghị định 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Chính phủ đã ban hành Nghị định 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Tuy nhiên vẫn cần ban

hành một Nghị định chuyên biệt nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý, tháo gỡ vướng mắc về thủ tục, và tạo môi trường thuận lợi để thu hút nguồn nhân lực quốc tế là hết sức cần thiết. Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định năm 2025, Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện tiến hành rà soát người lao động nước ngoài làm việc trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo và nhận thấy rằng việc ban hành Nghị định là phù hợp với định hướng và tạo đột phá để phát triển giáo dục trong thời kỳ mới.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Thực hiện nhiệm vụ phân công của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng và hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam xem xét, phê duyệt với các mục tiêu cơ bản là:

- a) Góp phần thu hút lao động nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, đặc biệt các lao động có trình độ cao;
- b) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với lao động nước ngoài tại các cơ sở giáo dục;
- c) Giúp thúc đẩy chuyển dịch tri thức và lao động liên quốc gia.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Tên gọi của chính sách 1: Ban hành Nghị định của Chính phủ quy định người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật trong cơ sở giáo dục.

1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề

a) Xác định vấn đề

Chính sách được xây dựng nhằm:

- Đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế sâu, rộng và toàn diện trong giáo dục của Việt Nam;

- Bổ sung một số đối tượng lao động nước ngoài mà Nghị định 219 chưa bao phủ hết;

- Cụ thể hóa chủ trương của Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Giúp thu hút lao động nước ngoài có trình độ cao vào làm việc tại Việt Nam;

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với việc quản lý lao động nước ngoài tại các cơ sở giáo dục;

- Thu hút lao động nước ngoài góp phần tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục;

2. Các giải pháp và đánh giá tác động của các giải pháp đối với các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

Trong quá trình chuẩn bị cho việc xây dựng chính sách, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số 2979/BGDĐT-HTQT gửi các cơ sở giáo dục đại học và Công văn số 3917/BGDĐT-HTQT ngày 11/7/2025 gửi cơ sở giáo dục nghề nghiệp và Công văn số 3916/BGDĐT-HTQT ngày 11/7/2025 gửi các sở giáo dục và đào tạo.

Tính đến ngày 30/8/2025, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nhận được báo cáo của 110/241 cơ sở giáo dục đại học, 31 trường cao đẳng, 25/34 sở giáo dục và đào tạo.

Trong giai đoạn 2020-2025, có gần 70% CSGDDH có người nước ngoài làm việc dài hạn (từ 12 tháng trở lên) hoặc làm thủ tục miễn giấy phép lao động. Trong số đó có 12 trường có từ 3-5 người, và 5 trường có từ 5-10 người. Một số CSGDDH tiếp nhận nhiều người nước ngoài là trường quốc tế hoặc trường thuộc khối ngành kinh tế, có chương trình liên kết đào tạo quốc tế. Người nước ngoài vào giảng dạy tại các CSGDDH chủ yếu là dạy ngoại ngữ và một số chương trình đào tạo chất lượng cao hoặc tiên tiến.

Số lượng chuyên gia nước ngoài làm việc tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo ghi nhận từ các báo cáo của các trường cao đẳng còn rất hạn chế (khoảng 107 chuyên gia) và có sự chênh lệch lớn khi 17 trong số 31 cơ sở được thống kê không có chuyên gia nước ngoài nào. Chuyên gia có trình độ đại học và thạc sĩ, tiến sĩ (60 người) và các trình độ nghề nghiệp, nghệ nhân (47 người); Phần lớn làm việc theo diện tình nguyện viên hoặc theo hiệp định hợp tác (103 người) với thời gian làm việc ngắn hạn dưới 12 tháng (103 người). Các công việc chủ yếu là giảng dạy các môn chuyên ngành (25 người) và giảng dạy ngoại ngữ (31 người) còn lại là đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giảng viên.

Số lượng người nước ngoài làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông theo báo cáo của 25/34 sở giáo dục và đào tạo gửi báo cáo, hiện có khoảng 4,706 chuyên gia nước ngoài đang làm việc. Phần lớn chuyên gia có trình độ từ Đại học trở lên (*khoảng 4.500 người*) còn lại và 257 người có trình độ khác; Hình thức làm việc chủ yếu của các chuyên gia là thông qua hợp đồng lao động (chiếm khoảng 87%), thông qua các hiệp định hoặc thỏa thuận hợp tác, tình nguyện viên chiếm khoảng 7%, còn lại là các hình thức khác. Thời gian làm việc đa số làm việc từ trên 12 tháng trở lên chiếm tỷ lệ là 68%. Các công việc chuyên gia thực hiện nhiều nhất tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên là giảng dạy ngoại ngữ (trên 3.400 người chiếm khoảng 73%), giảng các môn học bộ môn 809 người chiếm khoảng 17%, là nhà quản lý chiếm trên 5%, nghiên cứu chiếm khoảng 1%.

Trên cơ sở tổng hợp các thông tin tiếp nhận được, Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị định lấy ý kiến góp ý của các bộ, ngành, cơ sở giáo dục; ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

trực thuộc trung ương, là các địa phương có nhiều điều kiện thu hút, tuyển dụng, sử dụng người nước ngoài; cơ sở giáo dục đại học trên cả nước; các đơn vị chức năng/chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tính đến ngày/10/2025 Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nhận được văn bản của bộ, ngành; ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cơ sở giáo dục đại học; 10 đơn vị chức năng/chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng dự thảo Nghị định đối với các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối khác có liên quan cụ thể như sau:

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Chính sách được xây dựng, tiếp thu Nghị định số 219, trong đó có tính đến yếu tố thay đổi của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện nay trong lĩnh vực GDĐT để cập nhật, sửa đổi, bổ sung một số quy định mới theo tinh thần của Luật Nhà giáo, chỉ đạo của Bộ Chính trị và các văn bản khác với mục tiêu thu hút lao động nước ngoài có trình độ cao vào cơ sở giáo dục.

Tác động rõ nhất của chính sách này đến hệ thống pháp luật là đảm bảo tính phù hợp, thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật về giáo dục, hiệu lực, hiệu quả thực thi trong lĩnh vực giáo dục nói chung, việc quản lý và thu hút lao động nước ngoài trong hệ thống giáo dục và đào tạo nói riêng, hướng tới mục tiêu:

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong giáo dục;
- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực;
- Tạo hành lang pháp lý đầy đủ để công tác quản lý lao động nước ngoài ngày càng đi vào ổn định, theo đúng khuôn khổ pháp luật;
- Tác động tốt đến thu hút đầu tư cho giáo dục, nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, giảng viên, năng lực ngoại ngữ của các đối tượng liên quan;
- Nghị định ban hành phù hợp thực tiễn, không trái các quy định khác liên quan trong lĩnh vực giáo dục như Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan về giáo dục.

b) Tác động về kinh tế - xã hội:

- Chính sách không làm phát sinh các ràng buộc kinh tế mới trong việc cấp phép thành lập, triển khai các nội dung thuộc phạm vi áp dụng của văn bản này. Chính sách giúp nâng cao nhận thức và năng lực quản lý cho các đối tượng được áp dụng;

- Chính sách ban hành là kịp thời, khắc phục các điểm tồn tại mà Nghị định 219 chưa bao phủ hết, cụ thể là:

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về chuyên ngành về người lao động nước ngoài làm việc tại các cơ sở giáo dục Việt Nam; bổ sung thêm đối tượng lao động nước ngoài được hưởng chế độ khuyến khích, tăng tính chủ động,

sáng tạo, tính khuyến khích, tính tự chịu trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của địa phương, cơ sở giáo dục các cấp;

- Tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục thu hút nguồn lực nước ngoài, tạo cơ chế thông thoáng mời giáo viên, giảng viên nước ngoài vào giảng dạy;

- Các điều khoản của chính sách rõ ràng, cụ thể, thuận lợi, được áp dụng ngay, không gây xáo trộn về công tác quản lý nhà nước, hoạt động của chính quyền các địa phương, các cơ sở giáo dục, các nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực này.

- Các nhà quản lý giáo dục, các nhà trường sẽ đều phải xem xét, cân nhắc trách nhiệm thúc đẩy mở rộng mời người nước ngoài vào làm việc trong những năm tới.

c) Tác động về giới (nếu có):

Dự thảo không có nội dung quy định về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính:

Dự thảo Nghị định quy định **03** TTHC mới thuộc đối tượng phải đánh giá tác động TTHC. Cụ thể: i) TTHC xác nhận người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động; ii) TTHC gia hạn Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động; iii) TTHC thu hồi và hủy Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

Các TTHC trong dự thảo Nghị định quy định người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam đã đáp ứng các nguyên tắc đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, công khai, minh bạch, tiết kiệm thời gian và chi phí, khách quan, công bằng, hiệu quả, kịp thời, đồng thời giảm thiểu phiền hà cho người nước ngoài giúp thu hút lao động nước ngoài có trình độ cao vào làm việc tại Việt Nam; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với việc quản lý lao động nước ngoài tại các cơ sở giáo dục; Thu hút lao động nước ngoài góp phần tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục.

Các TTHC đã quy định rõ ràng và cụ thể các bước thực hiện; các quy định phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân tổ chức thực hiện; thành phần hồ sơ nêu rõ ràng; Thời hạn giải quyết đã ghi rõ ràng trong dự thảo Nghị định;

Các TTHC trong dự thảo Nghị định được xây dựng đảm bảo tuân thủ các quy định chặt chẽ của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tư

pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của TTHC trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quy phạm pháp luật hiện nay trong lĩnh vực GDĐT.

- Quy định TTHC đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, phù hợp với thẩm quyền quy định của Chính phủ, không chồng chéo và trùng lặp với các quy định, TTHC hiện hành khác.

- Các nội dung quy định về hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền giải quyết TTHC phù hợp với quy định tại Luật giáo dục 2019, Luật giáo dục đại học 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học 2018, Luật giáo dục nghề nghiệp 2014.

- Các TTHC này nhằm mục đích đảm bảo công khai, minh bạch với mục tiêu nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

- TTHC không quy định phí, lệ phí khi thực hiện TTHC. Các lệ phí, chi phí phát sinh (lệ phí chứng thực, tem bưu điện,...) được căn cứ trên cơ sở thực tế.

- Cá nhân, tổ chức thực hiện TTHC không phát sinh thêm các chi phí liên quan.

- Nhà nước không phát sinh chi phí giải quyết TTHC cho cá nhân (ngoài chi phí in cấp, quản lý các loại giấy tờ).

Chính sách được áp dụng ngay, toàn bộ. Không cần có các văn bản dưới Chính sách để thực thi.

Chính sách được áp dụng ngay, toàn bộ. Không cần có các văn bản dưới Chính sách để thực thi.

Tên gọi của chính sách 2: Ban hành các thủ tục hành chính (TTHC) kèm theo Nghị định mới

.....

III. PHỤ LỤC

Nội dung Phụ lục gồm:

Danh mục các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên được rà soát và đánh giá tương thích: không có.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam .

Bộ Giáo dục và Đào tạo kính báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BÁO CÁO

Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và các điều ước quốc tế liên quan đến dự thảo Nghị định quy định người nước ngoài làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật trong các cơ sở giáo dục của Việt Nam

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW); Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 1063/QĐ-BGDĐT ngày 18/4/2025 ban hành Chương trình soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và quyết định cá biệt năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Theo đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì xây dựng Nghị định quy định việc người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam (sau đây gọi tắt là Dự thảo Nghị định).

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, PHẠM VI RÀ SOÁT

1. Mục đích

1.1. Xác định đầy đủ và rõ ràng các quy định của văn bản quy phạm pháp luật và các điều ước quốc tế có liên quan đến nội dung các Nghị định đang có hiệu lực quy định về việc người nước ngoài làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật trong các cơ sở giáo dục của Việt Nam.

1.2. Xác định rõ những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong các văn bản quy phạm pháp luật đang có hiệu lực quy định về việc người nước ngoài làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật trong các cơ sở giáo dục của Việt Nam.

2. Yêu cầu

2.1. Rà soát toàn diện, đầy đủ các văn bản có liên quan.

2.2. Việc rà soát bảo đảm tuân thủ đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025 (Nghị định số 78/2025/NĐ-CP); Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành khác.

3. Phạm vi rà soát

Việc rà soát được thực hiện đối với các vấn đề liên quan đến: Điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn văn bản xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động khi vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam; yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ, kinh nghiệm chuyên môn đối với người nước ngoài làm việc tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam trong các vị trí quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật; trách nhiệm và quyền hạn đối với người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục Việt Nam và các cơ sở giáo dục tuyển dụng, sử dụng người nước ngoài.

4. Phương pháp rà soát

- Phương pháp so sánh: để chỉ ra những quy định mới trong các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành mà những quy định mới đó đặt ra yêu cầu phải sửa đổi các Nghị định về việc người nước ngoài làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật trong các cơ sở giáo dục của Việt Nam; những nội dung của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc đã ký liên quan đến lĩnh vực giáo dục.

- Phương pháp phân tích, đánh giá: để nhận diện những bất cập trong thực tiễn mà nguyên nhân của những bất cập đó xuất phát từ chính những hạn chế trong các văn bản quy phạm pháp luật quy định về người nước ngoài làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật trong các cơ sở giáo dục của Việt Nam, để từ đó đề xuất việc nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ

1. Văn bản được rà soát

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tiến hành rà soát tổng số 20 văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định, trong đó gồm: 12 luật, 06 Nghị định, 01 Nghị quyết của Chính phủ, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 17 điều ước quốc tế. (*Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo Báo cáo này*).

2. Kết quả rà soát

a) Luật Giáo dục 2019 quy định tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để giảng dạy, học tập, đầu tư, tài trợ, hợp tác, nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ về giáo dục tại Việt Nam. Khuyến khích việc mời nhà khoa học là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đến giảng dạy tại cơ sở giáo dục theo chế độ thỉnh giảng.

Luật Giáo dục 2019 cũng quy định tiêu chuẩn đối với văn bằng được công nhận để sử dụng tại Việt Nam do các cơ sở giáo dục tại nước ngoài, tại nước thứ ba hoặc cơ sở giáo dục nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam cấp.

b) Luật Giáo dục đại học quy định cơ sở giáo dục đại học tự chủ trong các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học. Mục tiêu hoạt động hợp tác quốc tế của giáo dục đại học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đại học theo hướng hiện đại, tiếp cận giáo dục đại học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. dung Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách đầu tư, chế độ đãi ngộ nhằm thu hút các nhà khoa học và người Việt

Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động tài trợ, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

c) Luật Lao động quy định các trường hợp người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

d) Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam quy định nguyên tắc, điều kiện, trình tự, thủ tục, quyền và nghĩa vụ của người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam; quyền và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam, của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

đ) Luật Giáo dục nghề nghiệp quy định Nhà nước mở rộng, phát triển hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp theo nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền quốc gia và các bên cùng có lợi. Khuyến khích, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tham gia hoạt động đào tạo nghề nghiệp.

e) Luật Nhà giáo quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, hình thức hợp tác quốc tế đối với nhà giáo, trong đó có nhà giáo là người nước ngoài tham gia học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật và hoạt động hợp tác quốc tế khác với cơ sở giáo dục, tổ chức của Việt Nam.

g) Nghị định số 219/2025/NĐ-CP quy định điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

h) Nghị định số 221/2025/NĐ-CP quy định về đối tượng, tiêu chí, điều kiện, thời hạn miễn thị thực và cách thức thực hiện miễn thị thực cho người nước ngoài thuộc diện đối tượng đặc biệt cần ưu đãi nhập cảnh Việt Nam phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

i) Nghị định số 143/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

k) Nghị định số 249/2025/NĐ-CP quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

l) Nghị quyết số 44/NQ-CP quy định về việc miễn thị thực cho công dân các nước: Cộng hòa Liên bang Đức, Cộng hòa Pháp, Cộng hòa I-ta-li-a, Vương quốc Tây Ban Nha, Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len, Liên bang Nga, Nhật Bản, Đại Hàn Dân Quốc, Vương quốc Đan Mạch, Vương quốc Thụy Điển, Vương quốc Na-uy và Cộng hòa Phần Lan.

m) Quyết định số 1334/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát huy nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ phát triển đất nước trong tình hình mới”. Phân công Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu chế độ đãi ngộ đặc biệt phù hợp và các biện pháp vận động, thu hút các nhà khoa học, chuyên gia giỏi ở nước ngoài hợp tác giảng dạy và nghiên cứu với các trường đại học, viện nghiên cứu trong nước. Tạo khuôn khổ, cơ chế bền vững khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển giao tri thức và kỹ năng...

Từ các vấn đề pháp lý nêu trên, cần thiết phải xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về người nước ngoài làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật trong các cơ sở giáo dục của Việt Nam

III. KIẾN NGHỊ

Căn cứ kết quả rà soát cho thấy, việc xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về người nước ngoài làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật trong các cơ sở giáo dục của Việt Nam là cần thiết nhằm; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, tạo hành lang pháp lý cần thiết để quản lý, sử dụng hiệu quả đội ngũ chuyên gia, giảng viên, nhà khoa học nước ngoài làm việc tại các cơ sở giáo dục Việt Nam; thực hiện chủ trương của Chính phủ trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần đẩy mạnh quá trình hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tạo đột phá để thu hút người nước ngoài, chuyên gia, giảng viên người nước ngoài vào làm việc tại cơ sở giáo dục của Việt Nam; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, NCKH và trao đổi học thuật tại cơ sở giáo dục; khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn và phát huy các ưu điểm, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở giáo dục Việt Nam thu hút các nhà quản lý giáo dục, trí thức, giảng viên, nhà khoa học nước ngoài có trình độ cao đến làm việc

Trên đây là Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và các điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về người nước ngoài làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật trong các cơ sở giáo dục của Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo kính báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, xem xét./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC I

KẾT QUẢ RÀ SOÁT CÁC LUẬT, NGHỊ ĐỊNH VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ MÀ VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN
CƠ NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

(Kèm theo Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo
Nghị định quy định người nước ngoài làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật trong
các cơ sở giáo dục của Việt Nam)

Tổng số VB: 20 văn bản và 17 ĐUQT

- Luật: 12
- Nghị định: 06, 01 Nghị quyết
- Quyết định: 01
- Điều ước quốc tế: 17

STT	Tên loại VB	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành VB	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của VB	Điều, khoản, điểm liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định	Đánh giá
I. CÁC LUẬT					
1.	Luật	76/2015/QH13	Tổ chức chính phủ	Điều 6, Khoản 2 quy định Chính phủ quyết định các biện pháp để tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; chỉ đạo triển khai và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, nghị định, chương trình công tác của Chính phủ	Việc xây dựng và ban hành Nghị định thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

STT	Tên loại VB	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành VB	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của VB	Điều, khoản, điểm liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định	Đánh giá
2.	Luật	43/2019/QH14	Giáo dục	Điều 5, Khoản 12: quy định về cơ sở giáo dục. Theo đó, cơ sở giáo dục là tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân gồm nhà trường và cơ sở giáo dục khác	Quy định này giúp làm rõ các khái niệm tại Điều 2, Khoản 1, Điểm a về đối tượng áp dụng trong dự thảo Nghị định
3.	Luật	43/2019/QH14	Giáo dục	Điều 71, Khoản 3: quy định về thỉnh giảng: Theo đó, khuyến khích việc mời nhà khoa học là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đến giảng dạy tại cơ sở giáo dục theo chế độ thỉnh giảng.	Các quy định của dự thảo Nghị định phù hợp với Luật Giáo dục
4.	Luật	43/2019/QH14	Giáo dục	Điều 108, Khoản 1: quy định hợp tác, đầu tư của nước ngoài về giáo dục: Theo đó, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để giảng dạy, học tập, đầu tư, tài trợ, hợp tác, nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ về giáo dục tại Việt Nam.	Các quy định của dự thảo Nghị định phù hợp với Luật Giáo dục
5.	Luật	43/2019/QH14	Giáo dục	Điều 109, Khoản 1: quy định về công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp: Theo đó quy định về tiêu chuẩn đối với văn bằng được công nhận để sử dụng tại Việt Nam do các cơ sở giáo dục tại Việt Nam do các cơ sở giáo dục tại nước ngoài, tại nước thứ ba hoặc cơ sở giáo dục nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam cấp.	Các quy định của dự thảo Nghị định phù hợp với Luật Giáo dục

STT	Tên loại VB	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành VB	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của VB	Điều, khoản, điểm liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định	Đánh giá
				Điều 109, Khoản 2: quy định về tương đương văn bằng hoặc công nhận văn bằng: Theo đó, Bộ trưởng Bộ GDĐT trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, được ký thỏa thuận quốc tế về tương đương văn bằng hoặc công nhận lẫn nhau về văn bằng.	
6.	Luật	08/2012/QH13	Giáo dục đại học	Điều 48, Khoản 2 quy định Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách đầu tư, chế độ đãi ngộ nhằm thu hút các nhà khoa học và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động tài trợ, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Các quy định của dự thảo Nghị định phù hợp với Luật Giáo dục đại học. Việc xây dựng và ban hành Nghị định thuộc thẩm quyền của Chính phủ.
7.	Luật	08/2012/QH13	Giáo dục đại học	Điều 32, Khoản 1 quy định quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học. Theo đó cơ sở giáo dục đại học tự chủ trong các hoạt động [...], đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.	Các quy định tại dự thảo Nghị định phù hợp với việc thực hiện quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học.
8.	Luật	08/2012/QH13	Giáo dục đại học	Điều 43, Khoản 1 quy định mục tiêu hoạt động hợp tác quốc tế của giáo dục đại học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đại học theo hướng hiện đại, tiếp cận giáo dục đại học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.	Nội dung của Nghị định phù hợp với Luật Giáo dục đại học.

STT	Tên loại VB	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành VB	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của VB	Điều, khoản, điểm liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định	Đánh giá
9.	Luật	45/2019/QH14	Lao động	Điều 154: quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam không thuộc diện cấp giấy phép lao động.	Các quy định của dự thảo Nghị định phù hợp với Bộ Luật Lao động về các trường hợp người lao động nước ngoài làm việc trong lĩnh vực giáo dục, không thuộc diện cấp giấy phép lao động.
10.	Luật	47/2014/QH13	Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam	Luật quy định nguyên tắc, điều kiện, trình tự, thủ tục, quyền và nghĩa vụ của người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam; quyền và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam, của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam	Các quy định của dự thảo Nghị định phù hợp với Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.
11.	Luật	74/2014/QH13	Giáo dục nghề nghiệp	Điều 7, Khoản 1 quy định xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp. Theo đó, khuyến khích, tạo điều kiện để [...], tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tham gia hoạt động đào tạo nghề nghiệp. Điều 50 quy định chính sách phát triển hợp tác quốc tế trong giáo dục nghề nghiệp. Theo đó Nhà nước mở rộng, phát triển hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp theo nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền quốc gia và các bên cùng có lợi.	Các quy định tại dự thảo Nghị định phù hợp với việc thu hút người nước ngoài tham gia quản lý, giảng dạy trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam.

STT	Tên loại VB	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành VB	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của VB	Điều, khoản, điểm liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định	Đánh giá
12.	Luật		Nhà giáo	Điều 31 quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, hình thức hợp tác quốc tế đối với nhà giáo, trong đó có nhà giáo là người nước ngoài tham gia học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật và hoạt động hợp tác quốc tế khác với cơ sở giáo dục, tổ chức của Việt Nam.	Các quy định tại Luật này về mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, hình thức hợp tác quốc tế đối với nhà giáo phù hợp với quy định tại dự thảo Nghị định phù hợp với Thời điểm Luật có hiệu lực (01/01/2026) phù hợp với lộ trình dự kiến ban hành Nghị định này.

II. NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ					
1.	Nghị định	179/2024/NĐ-CP	Quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Điều 13 quy định chính sách hỗ trợ về đơn giản hóa thủ tục giấy tờ, tạo điều kiện cho thành viên gia đình đối với chuyên gia, nhà quản lý, nhà quản trị doanh nghiệp, nhà khoa học đầu ngành là người Việt Nam ở nước ngoài hoặc là người nước ngoài.	Các quy định tại dự thảo Nghị định là phù hợp với các quy định hiện hành
2.	Nghị định	15/2019/NĐ-CP	Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục Nghề nghiệp	Nghị định này quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp đối với các hình thức hợp tác quốc tế trong giáo dục nghề nghiệp.	Các quy định tại dự thảo Nghị định là phù hợp với các quy định hiện hành
3.	Nghị định	219/2025/NĐ-CP	Quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Nghị định này quy định điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Các quy định về người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật trong các cơ sở giáo dục của Việt Nam tại dự thảo Nghị định phù hợp với các quy định hiện hành.

STT	Tên loại VB	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành VB	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của VB	Điều, khoản, điểm liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định	Đánh giá
4.	Nghị định	221/2025/NĐ-CP	Quy định về việc miễn thị thực có thời hạn cho người nước ngoài thuộc diện đối tượng đặc biệt cần ưu đãi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội	Nghị định này quy định về đối tượng, tiêu chí, điều kiện, thời hạn miễn thị thực và cách thức thực hiện miễn thị thực cho người nước ngoài thuộc diện đối tượng đặc biệt cần ưu đãi nhập cảnh Việt Nam phục vụ phát triển kinh tế - xã hội	Các quy định về người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật trong các cơ sở giáo dục của Việt Nam tại dự thảo Nghị định phù hợp với các quy định hiện hành.
5.	Nghị định	số 249/2025/NĐ-CP	Quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số	Nghị định này quy định cơ chế chính sách thu hút gồm tiêu chí, quy trình tuyển chọn, quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm, đánh giá, chính sách đối với chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số	Các quy định về người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật trong các cơ sở giáo dục của Việt Nam tại dự thảo Nghị định phù hợp với các quy định hiện hành.
6.	Nghị định	143/2018/NĐ-CP	Quy định chi tiết Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Nghị định này quy định đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam; trách nhiệm, quyền hạn của người lao động nước ngoài và người sử dụng lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.	Các quy định tại dự thảo Nghị định là phù hợp với các quy định hiện hành.
7.	Nghị quyết	44/NQ-CP	Về việc miễn thị thực cho công dân các nước: Cộng hòa Liên bang Đức, Cộng hòa Pháp, Cộng hòa I-ta-li-a, Vương quốc Tây Ban Nha, Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len, Liên bang Nga, Nhật Bản, Đại Hàn Dân Quốc, Vương quốc Đan Mạch, Vương quốc Thụy	Quy định miễn thị thực cho công dân các nước trên với thời hạn tạm trú 45 ngày kể từ ngày nhập cảnh, không phân biệt loại hộ chiếu, mục đích nhập cảnh.	Diện đối tượng được miễn thị thực phù hợp với quy định tại dự thảo Nghị định về xuất nhập cảnh đối với người nước ngoài (trong đó có công dân của các nước trên).

STT	Tên loại VB	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành VB	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của VB	Điều, khoản, điểm liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định	Đánh giá
			Điều, Vương quốc Na-uy và Cộng hòa Phần Lan		

III. QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

				Điều 1, Khoản 3, Điểm B: Quy định mục tiêu cụ thể của Đề án. Theo đó, Tạo khuôn khổ, cơ chế bên vững khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài [...]; thúc đẩy chuyển giao tri thức và kỹ năng...	
1.	Quyết định	1334/QĐ-TTg	Phê duyệt Đề án “Phát huy nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ phát triển đất nước trong tình hình mới”	Điều 2, Khoản 1: Phân công thực hiện. Theo đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu chế độ đãi ngộ đặc biệt phù hợp và các biện pháp vận động, thu hút các nhà khoa học, chuyên gia giỏi ở nước ngoài hợp tác giảng dạy và nghiên cứu với các trường đại học, viện nghiên cứu trong nước.	

III. ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ MÀ VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN

1.	Công ước quốc tế		Công ước về công nhận văn bằng, chứng chỉ giáo dục đại học ở khu vực Châu Á- Thái Bình Dương (Tokyo Convention 2011). Việt Nam đã phê chuẩn năm 2019.	Công ước này tạo điều kiện cho việc công nhận bằng cấp, từ đó tạo thuận lợi cho chuyên gia, giảng viên nước ngoài tham gia giảng dạy, nghiên cứu	Nội dung của Nghị định bảo đảm tuân thủ cam kết của Việt Nam
----	------------------	--	---	--	--

STT	Tên loại VB	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành VB	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của VB	Điều, khoản, điểm liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định	Đánh giá
2.	Công ước quốc tế		Công ước về chống phân biệt đối xử trong giáo dục (1960)	Công ước bảo đảm quyền bình đẳng tiếp cận giáo dục, gián tiếp liên quan đến quyền làm việc trong môi trường giáo dục	Nội dung của Nghị định bảo đảm tuân thủ cam kết của Việt Nam
3.	Hiệp định		Hiệp định thương mại đa phương (WTO-GATS)	Việt Nam cam kết mở cửa dịch vụ giáo dục trong khuôn khổ WTO, bao gồm hình thức “hiện diện thể nhân”. Điều này cho phép chuyên gia, giảng viên nước ngoài vào Việt Nam làm việc trong các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài hoặc liên kết giáo dục với nước ngoài.	Nội dung của Nghị định bảo đảm tuân thủ cam kết của Việt Nam
4.	Bản Ghi nhớ	2019	Bản Ghi nhớ hợp tác giáo dục giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len	Hỗ trợ hợp tác trong đại học, đào tạo tiếng Anh, công nghệ giáo dục, liên kết chương trình quốc tế, hỗ trợ mở rộng hợp tác giữa các trường đại học Anh và Việt Nam, hợp tác trong chương trình đào tạo và công nghệ giáo dục	Nội dung của Nghị định bảo đảm tuân thủ cam kết của Việt Nam
5.	Hiệp định	2020	Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam, Chính phủ Liên bang Đức và Chính quyền bang Hessen về phát triển và mở rộng trường Đại học Việt Đức	Hợp tác phát triển và mở rộng trường Đại học Việt Đức trong đó có nội dung về chuyên gia, giáo viên, nhà quản lý giáo dục người Đức sang làm việc tại trường Đại học Việt Đức	Nội dung của Nghị định bảo đảm tuân thủ cam kết của Việt Nam
6.	Thỏa thuận	2020	Thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào về Đề án phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn	Hợp tác phát triển đào tạo nguồn nhân lực cho Việt - Lào	Nội dung của Nghị định bảo đảm tuân thủ cam kết của Việt Nam

STT	Tên loại VB	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành VB	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của VB	Điều, khoản, điểm liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định	Đánh giá
			nhân lực Việt - Lào giai đoạn 2021 – 2030		Nội dung của Nghị định bảo đảm tuân thủ cam kết của Việt Nam
7.	Hiệp định	2020	Hiệp định thực thi giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Hoa Kỳ về giảng dạy tiếng Anh của chương trình hòa bình	Nội dung liên quan về tình nguyện viên của chương trình Hoà Bình sang Việt Nam trợ giảng tiếng Anh, đồng giảng với giáo viên tiếng Anh của Việt Nam tại các cơ sở giáo dục phổ thông tại Hà Nội, TP HCM.	Nội dung của Nghị định bảo đảm tuân thủ cam kết của Việt Nam
8.	Hiệp định	2023	Hiệp định hợp tác về giáo dục giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Braxin	Khuyến khích hợp tác giáo dục, phát triển khoa học; trao đổi giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên gia; hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học; xây dựng và thực hiện dự án nghiên cứu chung giữa hai Bên	Nội dung của Nghị định bảo đảm tuân thủ cam kết của Việt Nam
9.	Nghị định thư	2023	Nghị định thư hợp tác giáo dục giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào	Hợp tác phát triển giáo dục và đào tạo, trao đổi sinh viên	Nội dung của Nghị định bảo đảm tuân thủ cam kết của Việt Nam
10.	Thỏa thuận	2025	Thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ CH Séc trong lĩnh vực giáo dục	Hợp tác trong giáo dục, hỗ trợ tài chính, đảm bảo điều kiện học tập và sinh hoạt cho các cá nhân tham gia trao đổi; thúc đẩy hợp tác giữa các trường đại học; trao đổi giảng viên, sinh viên giữa hai nước	Nội dung của Nghị định bảo đảm tuân thủ cam kết của Việt Nam

STT	Tên loại VB	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành VB	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của VB	Điều, khoản, điểm liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định	Đánh giá
11.	Hiệp định	2024	Hiệp định hợp tác trong lĩnh vực giáo dục đại học giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga	Mở rộng hợp tác đào tạo chuyên ngành, hỗ trợ trao đổi giảng viên, hợp tác trong nghiên cứu, tăng cường các chương trình hợp tác giáo dục đại học giữa hai nước	Nội dung của Nghị định bảo đảm tuân thủ cam kết của Việt Nam
12.	Hiển chương ASEAN	2021	Hiển chương các trường đại học ASEAN	Tăng cường hợp tác giữa các trường đại học trong khối ASEAN	Nội dung của Nghị định bảo đảm tuân thủ cam kết của Việt Nam
13.	Thỏa thuận	2024	Thỏa thuận hợp tác giáo dục giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Australia	Tăng cường hợp tác giáo dục, trao đổi giảng viên, sinh viên, nghiên cứu viên, hợp tác giữa các cơ sở giáo dục	Nội dung của Nghị định bảo đảm tuân thủ cam kết của Việt Nam
14.	Hiệp định	2024	Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Srilanka về hợp tác giáo dục	Tăng cường hợp tác giáo dục, trao đổi giảng viên, sinh viên, nghiên cứu viên, hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học	Nội dung của Nghị định bảo đảm tuân thủ cam kết của Việt Nam
15.	Hiệp định	2025	Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ LB Nga về thành lập và hoạt động của Trung tâm Tiếng Nga A.X.Pushkin	Tăng cường hợp tác giáo dục, thúc đẩy hoạt động Trung tâm tiếng Nga	Nội dung của Nghị định bảo đảm tuân thủ cam kết của Việt Nam
16.	Thỏa thuận	2025	Thỏa thuận giữa CP Việt Nam và CP Nhà nước Palestine về hợp tác giáo dục 2025-2030	Tăng cường hợp tác giáo dục, trao đổi giảng viên, sinh viên, nghiên cứu viên, hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học	Nội dung của Nghị định bảo đảm tuân thủ cam kết của Việt Nam

STT	Tên loại VB	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành VB	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của VB	Điều, khoản, điểm liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định	Đánh giá
17.	Hiệp định	2025	Công hàm trao đổi về gia hạn Hiệp định về chương trình hòa bình Hoa Kỳ	Nội dung liên quan về tình nguyện viên của chương trình Hoà Bình sang Việt Nam trợ giảng tiếng Anh, đồng giảng với giáo viên tiếng Anh của Việt Nam tại các cơ sở giáo dục phổ thông tại Hà Nội, TP HCM.	Nội dung của Nghị định bảo đảm tuân thủ cam kết của Việt Nam

BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH NGƯỜI NƯỚC NGOÀI VÀO LÀM QUẢN LÝ, GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ TRAO ĐỔI HỌC THUẬT TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CỦA VIỆT NAM

1. Căn cứ pháp lý

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025;

Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Thực hiện Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025, số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 và 130-KL/TW ngày 14/3/2025 của Bộ Chính trị, với định hướng bổ cấp hành chính trung gian (cấp huyện), sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh, và xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm là “*tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về GDĐT, tháo gỡ những điểm nghẽn, ...*”; “*tăng quyền tự chủ, nâng cao trách nhiệm giải trình, phát huy dân chủ trong các cơ sở GDĐT*”.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 1063/QĐ-BGDĐT ngày 18/4/2025 về Chương trình soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và quyết định cá biệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó có việc soạn thảo Nghị định của Chính phủ quy định người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định) để phù hợp với tình hình mới và các quy định pháp luật hiện hành về những nội dung có liên quan.

2. Cơ sở thực tiễn xây dựng Nghị định

Hiện nay có thực trạng nhiều cơ sở giáo dục Việt Nam thiếu hụt nhân tài, chuyên gia, giảng viên quốc tế vào làm việc, nghiên cứu, giảng dạy tại Việt Nam. Nhiều cơ sở giáo dục Việt Nam (đặc biệt là đại học, cao đẳng) trong nhiều năm nay đã mời chuyên gia nước ngoài vào làm việc tại cơ sở mình tuy nhiên do chưa có quy định người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục mà thường dựa vào các văn bản chung về lao động, xuất nhập cảnh nên dẫn đến thiếu tính đồng bộ, khó khăn trong quản lý nhân sự trong lĩnh vực này.

Theo Bộ luật Lao động 2019 và Nghị định 219/2025/NĐ-CP có quy định về việc xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài vào Việt Nam giảng dạy, nghiên cứu, chuyển giao các chương trình giáo dục, hoặc theo các Thỏa thuận, Điều

ước quốc tế hoặc được Bộ GDĐT xác nhận tại khoản 14 Điều 7 của Nghị định 219/2025/NĐ-CP.

Bên cạnh thực trạng như trên, căn cứ các văn bản Luật, Nghị quyết của Chính phủ thì việc xây dựng Nghị định này quy định về việc người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam là hết sức cần thiết và cấp bách trong bối cảnh hội nhập quốc tế như hiện nay, cụ thể:

Trong Luật Giáo dục 2019 tại Điều 7: Nhà nước ưu tiên hợp tác, liên kết quốc tế về giáo dục; Điều 99: Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia phát triển giáo dục tại Việt Nam.

Luật Giáo dục đại học (sửa đổi, bổ sung 2018): Điều 12: Khuyến khích mời chuyên gia, nhà khoa học quốc tế tham gia giảng dạy, nghiên cứu.

Luật Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo 2025: Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam.

Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 2020 và Bộ luật Lao động 2019: Điều chỉnh một số nguyên tắc về lao động, việc làm, trong đó có lao động là người nước ngoài tại Việt Nam.

Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (2014, sửa đổi 2019): Là căn cứ pháp lý để quản lý thủ tục thị thực, cư trú đối với người nước ngoài vào Việt Nam giảng dạy, nghiên cứu.

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 59-NQ/TW năm 2020 về định hướng chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong thời kỳ hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 52-NQ/TW năm 2019 về chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (trong đó có thúc đẩy chuyển đổi số, quốc tế hóa giáo dục).

Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá, phát triển giáo dục và đào tạo.

3. Phạm vi điều chỉnh của Nghị định

1. Nghị định này quy định về việc người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam, bao gồm quy định các trường hợp không thuộc diện cấp giấy phép lao động, yêu cầu đối với các cơ sở giáo dục và người nước ngoài, trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, thu hồi và hủy giấy xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động khi vào Việt Nam làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam.

2. Yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ, kinh nghiệm chuyên môn đối với người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam.

3. Quy định về trách nhiệm và quyền hạn của người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục Việt Nam và của các cơ sở giáo dục tuyển dụng, sử dụng người nước ngoài.

4. Đối tượng áp dụng

4.1. Nghị định này áp dụng đối với:

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học và các trường thuộc cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, các trường chuyên biệt và cơ sở giáo dục khác (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục); cơ quan, tổ chức và các cá nhân có liên quan đến việc tuyển dụng, sử dụng người nước ngoài trong giáo dục, đào tạo tại Việt Nam; tổ chức, cá nhân trong nước liên kết với người nước ngoài vào Việt Nam vào làm việc trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

b) Người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục theo các hình thức ký hợp đồng lao động, là chuyên gia hoặc tình nguyện viên tham gia các chương trình, dự án hợp tác giáo dục, đào tạo;

4.2. Nghị định này không áp dụng đối với các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động dưới hình thức phân hiệu tại Việt Nam.

II. ĐÁNH GIÁ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. TTHC dự kiến ban hành mới

Thực hiện rà soát nội dung, dự thảo Nghị định quy định **03** TTHC mới thuộc đối tượng phải đánh giá tác động TTHC. Cụ thể: i) TTHC xác nhận người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động; ii) TTHC gia hạn Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động; iii) TTHC thu hồi và hủy Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động. Cụ thể như sau:

1. Hồ sơ, trình tự thủ tục đề nghị xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

1.1. Hồ sơ đề nghị xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

a) Văn bản đề nghị xác nhận người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Hộ chiếu còn thời hạn ít nhất sáu (06) tháng và nhiều hơn thời hạn ký hợp đồng hoặc thỏa thuận hợp tác;

c) Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ban hành đến ngày nộp hồ sơ. Trong trường hợp giấy khám sức khỏe do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp phải đảm bảo không mắc bệnh truyền nhiễm có nguy cơ lây lan ra cộng đồng theo hướng dẫn của Bộ Y tế;

d) Giấy tờ chứng minh người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là một trong các giấy tờ sau:

Văn bản của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nước ngoài cử người nước ngoài kèm thỏa thuận của cơ sở giáo dục nước ngoài và cơ sở giáo dục của Việt Nam hoặc điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 154 của Bộ luật Lao động năm 2019 và hoặc một trong các trường hợp quy định tại Điều 5 Nghị định này;

Văn bản chấp thuận hoặc hợp đồng mời làm việc, thỏa thuận hợp tác của cơ sở giáo dục Việt Nam trong đó ghi rõ thời gian làm việc, vị trí công tác, nội dung công việc;

đ) Bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với công việc dự kiến đảm nhận được quy định tại Điều 7 Nghị định này.

2. Gia hạn Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

2.1. Nguyên tắc gia hạn

Việc gia hạn Giấy xác nhận phải được thực hiện trong thời hạn 20 ngày trước khi Giấy xác nhận hết thời hạn;

2.2. Điều kiện gia hạn

Người nước ngoài được xem xét gia hạn Giấy xác nhận nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Tiếp tục thực hiện đúng vị trí làm việc theo các nội dung trong Giấy xác nhận đã được cấp;
- b) Có chương trình làm việc, giảng dạy, nghiên cứu khoa học cụ thể;
- c) Có báo cáo đánh giá nhận xét về kết quả làm việc của cơ sở giáo dục tiếp nhận, sử dụng người nước ngoài;
- d) Không thuộc trường hợp vi phạm pháp luật, bị xử lý hành chính hoặc bị cơ quan có thẩm quyền yêu cầu chấm dứt làm việc hoặc bị trục xuất về nước.

2.3. Hồ sơ đề nghị gia hạn

- a) Văn bản đề nghị gia hạn của cơ sở giáo dục gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cấp giấy xác nhận kèm theo Báo cáo đánh giá kết quả làm việc của người nước ngoài;
- b) Tài liệu chứng minh việc tiếp tục hợp tác bao gồm hợp đồng lao động hoặc thư xác nhận từ đối tác hoặc thỏa thuận hợp tác giữa các bên liên quan;
- c) Giấy tờ cư trú hợp lệ của người nước ngoài tại thời điểm gia hạn;
- d) Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ban hành đến ngày nộp hồ sơ;
- đ) Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp.

2.4. Thẩm quyền, quy trình, thủ tục gia hạn

- a) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận thì có thẩm quyền gia hạn. Hồ sơ đề nghị gia hạn cần nộp cho cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Nghị định này;
- b) Cơ sở giáo dục nộp 01 bộ hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền được quy định tại Điều 10 Nghị định này qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến;

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ xin gia hạn, nếu hồ sơ không đáp ứng được những nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này, cơ quan có thẩm quyền thông báo cho cơ sở giáo dục để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận gia hạn. Trường hợp không gia hạn giấy xác nhận, cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do cho cơ sở giáo dục biết, thực hiện.

2.5. Thời hạn cấp gia hạn: việc cấp giấy gia hạn không được quá hai (02) năm.

3. Thu hồi và hủy Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

3.1. Thu hồi và hủy Giấy xác nhận

a) Thu hồi và hủy Giấy xác nhận một trong những trường hợp sau:

Người nước ngoài chấm dứt làm việc trước thời hạn ghi trong Giấy xác nhận;

Cơ sở giáo dục không còn nhu cầu sử dụng người nước ngoài;

Hồ sơ đề nghị cấp có thông tin gian dối, giả mạo hoặc không đúng sự thật;

Người nước ngoài có hành vi vi phạm pháp luật hoặc bị các cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

b) Thẩm quyền thu hồi và hủy Giấy xác nhận

Cơ quan có thẩm quyền thu hồi và hủy Giấy xác nhận là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cấp Giấy xác nhận.

3.2. Trình tự thủ tục thực hiện

a) Khi phát hiện người nước ngoài vi phạm hoặc hồ sơ đề nghị cấp có thông tin không đúng sự thật quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá thực tế, lập biên bản kiểm tra, thông báo cho cơ sở giáo dục được biết về hành vi vi phạm của người nước ngoài;

b) Trước ít nhất 10 ngày làm việc nhưng không quá 20 ngày trước khi hết thời hạn của Giấy xác nhận hoặc dự kiến đề nghị thu hồi Giấy xác nhận do không còn nhu cầu sử dụng người nước ngoài hoặc do người nước ngoài vi phạm pháp luật, cơ sở giáo dục gửi văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi và hủy giấy xác nhận của người nước ngoài được quy định tại Điều 10 Nghị định này qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo cho cơ sở giáo dục về hành vi vi phạm hoặc chấp thuận đề nghị của cơ sở giáo dục, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi và hủy Giấy xác nhận theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Phụ lục Nghị định này, thông báo bằng văn bản cho cơ sở giáo dục được biết, thực hiện;

d) Trong vòng 10 ngày làm việc, sau khi nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc thu hồi và hủy Giấy xác nhận, cơ sở giáo dục phải thông báo cho người nước ngoài biết, thực hiện, đồng thời thông báo cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và cơ quan an ninh địa phương để biết, phối hợp và quản lý.

B. Tính hợp lý và tính hợp pháp của TTHC

Các TTHC trong dự thảo Nghị định quy định người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam đã đáp ứng các nguyên tắc đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, công khai, minh bạch, tiết kiệm thời gian và chi phí, khách quan, công bằng, hiệu quả, kịp thời, đồng thời giảm thiểu phiền hà cho người nước ngoài giúp thu hút lao động nước ngoài có trình độ cao vào làm việc tại Việt Nam; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với việc quản lý lao động nước ngoài tại các cơ sở giáo dục; thu hút lao động nước ngoài góp phần tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục.

Các TTHC đã quy định rõ ràng và cụ thể các bước thực hiện; các quy định phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân tổ chức thực hiện; thành phần hồ sơ nêu rõ ràng; Thời hạn giải quyết đã ghi rõ ràng trong dự thảo Nghị định;

Các TTHC trong dự thảo Nghị định được xây dựng đảm bảo tuân thủ các quy định chặt chẽ của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của TTHC trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quy phạm pháp luật hiện nay trong lĩnh vực GDDT.

- Quy định TTHC đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, phù hợp với thẩm quyền quy định của Chính phủ, không chồng chéo và trùng lặp với các quy định, TTHC hiện hành khác.

- Các nội dung quy định về hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền giải quyết TTHC phù hợp với quy định tại Luật giáo dục 2019, Luật giáo dục đại học 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học 2018, Luật giáo dục nghề nghiệp 2014; Luật Nhà giáo 2025, Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo 2025, Bộ Luật Lao động 2019.

- Các TTHC này nhằm mục đích đảm bảo công khai, minh bạch, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

C. Tính toán chi phí tuân thủ TTHC

Bộ GDĐT đã tiến hành lượng hóa các chi phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi thực hiện TTHC dự kiến ban hành và thực hiện việc tính toán chi phí tuân thủ TTHC theo biểu mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của TTHC trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Việc tính toán chi phí tuân thủ TTHC được thực hiện căn cứ theo các chỉ tiêu cụ thể sau:

- Mức thu nhập bình quân/1 giờ làm việc được tính theo Quy mô GDP theo giá hiện hành được Tổng Cục Thống kê công bố tháng 12 năm 2023 ước đạt 10.221,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 430 tỷ USD. GDP bình quân đầu người năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 101,9 triệu đồng/người, tương đương mức thu nhập bình quân 01 người/01 giờ làm việc: **48.248 đồng/người/giờ**.

- TTHC không quy định phí, lệ phí khi thực hiện TTHC. Các lệ phí, chi phí phát sinh (lệ phí chứng thực, tem bưu điện,...) được căn cứ trên cơ sở thực tế.

- Cá nhân, tổ chức thực hiện TTHC không phát sinh thêm các chi phí liên quan.

- Nhà nước không phát sinh chi phí giải quyết TTHC cho cá nhân (ngoài chi phí in cấp, quản lý các loại giấy tờ).

(Biểu mẫu đánh giá tác động các thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới, TTHC được thay thế).

Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM. Tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Biểu mẫu 04/ĐGTT-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

TÊN NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 3: Thu hồi và hủy Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

1. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC DỰ KIẾN KHI BAN HÀNH MỚI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đổi tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Văn bản đề nghị thu hồi và hủy Giấy xác nhận không thuộc diện cấp GPLD	Soạn thảo Đơn	1,0	48.248			1	30	48.248	1.447.440	
1.3	Mình chứng cho việc đề nghị thu hồi và hủy Giấy xác nhận không thuộc diện cấp GPLD	Chuẩn bị các mình chứng	2,0	48.248			1	30	96.496	2.894.880	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	2,0	48.248			1	10	96.496	964.960	
		Bưu điện	1,0	48.248		10.000	1	10	58.248	582.480	
		Điện tử	0,5	48.248			1	10	24.124	241.240	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác			48.248			1	30	0	0	
3.1	Phí			48.248			1	30	0	0	
3.2	Lệ phí			48.248			1	30	0	0	
3.3	Chi phí khác			48.248			1	30	0	0	

4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)			48.248		1	30	0	0	
5	Công việc khác (nếu có)			48.248		1	30	0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	2,0	48.248		1	10	96.496	964.960	Dự kiến 10 cơ sở giáo dục lựa chọn nhận kết quả trực tiếp
		Bưu điện	1,0	48.248	10.000	1	10	58.248	582.480	Dự kiến 10 cơ sở giáo dục lựa chọn nhận kết quả qua bưu điện
		Điện tử	0,5	48.248		1	10	24.124	241.240	Dự kiến 10 cơ sở giáo dục lựa chọn nhận kết quả qua hình thức điện tử
TỔNG					0	20.000		502.480	7.919.680	

Ghi chú: Số lượng đối tượng tuân thủ ước tính cho cả nước

Biểu mẫu số 04/DGTD-SCM. Tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Biểu mẫu 04/DGTT-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

TÊN NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2: Gia hạn Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC DỰ KIẾN KHI BAN HÀNH MỚI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Văn bản đề nghị gia hạn của cơ sở giáo dục gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cấp giấy xác nhận kèm theo Báo cáo đánh giá kết quả làm việc của người nước ngoài	Soạn thảo Văn bản theo mẫu, ký và đóng dấu	2,0	48.248			1	300	96.496	28.948.800	
1.2	Tài liệu chứng minh việc tiếp tục hợp tác bao gồm hợp đồng lao động hoặc thư xác nhận từ đối tác hoặc thỏa thuận hợp tác giữa các bên liên quan	Chuẩn bị các minh chứng	2,0	48.248			1	300	96.496	28.948.800	
1.3	Giấy tờ cư trú hợp lệ của người nước ngoài tại thời điểm gia hạn	Chuẩn bị photo/scan	1,0	48.248		10.000	1	300	58.248	17.474.400	

1,4	Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ban hành đến ngày nộp hồ sơ	Đi khám sức khỏe	4,0	48.248		500.000	1	300	692.992	207.897.600	
1,5	Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp	Chuẩn bị photo/scan	1,0	48.248		10.000	1	300	58.248	17.474.400	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	2,0	48.248			1	60	96.496	5.789.760	
		Bưu điện	1,0	48.248		10.000	1	150	58.248	8.737.200	
		Điện tử	0,5	48.248			1	90	24.124	2.171.160	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác			48.248			1	300	0	0	
3.1	Phí			48.248			1	300	0	0	
3.2	Lệ phí			48.248			1	300	0	0	
3.3	Chi phí khác			48.248			1	300	0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)			48.248			1	300	0	0	
5	Công việc khác (nếu có)			48.248			1	300	0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	2,0	48.248			1	60	96.496	5.789.760	
		Bưu điện	1,0	48.248		10.000	1	150	58.248	8.737.200	
		Điện tử	0,5	48.248			1	90	24.124	2.171.160	
	TỔNG					0			1.360.216	334.140.240	

Ghi chú: Số lượng đối tượng tuân thủ ước tính cho cả nước, gồm cả cấp tỉnh, cấp huyện

Biểu mẫu số 04/DGTD-SCM. Tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Biểu mẫu 04/DGTT-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

TÊN NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: Xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC DỰ KIẾN KHI BAN HÀNH MỚI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị xác nhận người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	Soạn thảo Đơn theo mẫu, ký và đóng dấu	2,0	48.248			1	300	96.496	28.948.800	
1.2	Hộ chiếu còn thời hạn ít nhất sáu (06) tháng và photo hộ nhiều hơn thời hạn ký hợp đồng hoặc thỏa thuận hợp tác	Chuẩn bị và photo hộ chiếu/scan	0,5	48.248			1	300	24.124	7.237.200	
1.3	Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ban hành đến ngày nộp hồ sơ	Đi khám sức khỏe	4,0	48.248		500.000	1	300	692.992	207.897.600	

1,4	Văn bản của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nước ngoài cử người nước ngoài kèm thỏa thuận của cơ sở giáo dục nước ngoài và cơ sở giáo dục của Việt Nam hoặc điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế	Chuẩn bị photo/scan	1,0	48.248	2	1	300	48.248	14.474.400	
1,5	Văn bản chấp thuận hoặc hợp đồng mời làm việc, thỏa thuận hợp tác của cơ sở giáo dục Việt Nam	Chuẩn bị photo/scan	1,0	48.248		1	300	48.248	14.474.400	
1,6	Bản sao bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với công việc dự kiến đảm nhận	Chuẩn bị photo/scan	1,0	48.248		1	300	48.248	14.474.400	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	2,0	48.248		1	60	96.496	5.789.760	
		Bưu điện	1,0	48.248	10.000	1	150	58.248	8.737.200	
		Điện tử	0,5	48.248		1	90	24.124	2.171.160	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác			48.248		1	300	0	0	
3.1	Phí			48.248		1	300	0	0	
3.2	Lệ phí			48.248		1	300	0	0	
3.3	Chi phí khác			48.248		1	300	0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)			48.248		1	300	0	0	
5	Công việc khác (nếu có)			48.248		1	300	0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	2,0	48.248		1	60	96.496	5.789.760	
		Bưu điện	1,0	48.248	10.000	1	150	58.248	8.737.200	
		Điện tử	0,5	48.248		1	90	24.124	2.171.160	

Ghi chú: Số lượng đối tượng tuân thủ ước tính cho cả nước, gồm cả cấp tỉnh, cấp huyện

Ghi chú: Số lượng đối tượng tuân thủ ước tính cho cả nước, gồm cả cấp tỉnh, cấp huyện